

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN CẤP ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÁO BẠCH

NGÂN HÀNG TMCP CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM



(Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100111948 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp đăng ký lần đầu ngày 03/07/2009, thay đổi lần thứ 12 ngày 08/09/2021)

NIÊM YẾT TRÁI PHIẾU

TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

(Quyết định đăng ký niêm yết số/SGDHN-QĐ do Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội cấp ngày tháng năm 20...)

Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp tại:..... từ ngày

TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT:

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam

Địa chỉ: Số 108 Trần Hưng Đạo, Phường Cửa Nam, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: 1900 558868 / 024. 3941 8868 Fax: 024. 3942 1032

Website: www.vietinbank.vn

TỔ CHỨC TƯ VẤN NIÊM YẾT:

Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT

Địa chỉ: Số 1 Nguyễn Thượng Hiền, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Điện thoại: 024. 3941 3621 Fax: 024. 3941 6431

Website: www.vndirect.com.vn

Phụ trách công bố thông tin:

Họ và tên: **Ông Trần Minh Bình**

Chức vụ: Chủ tịch HĐQT Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam

Điện thoại: 1900 558868 / 024. 3941 8868 Fax: 024. 3942 1032

NGÂN HÀNG TMCP CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

(Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100111948 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp đăng ký lần đầu ngày 03/07/2009, thay đổi lần thứ 12 ngày 08/09/2021)

Địa chỉ trụ sở chính: Số 108 Trần Hưng Đạo, Phường Cửa Nam, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Số điện thoại: 024. 3941 8868

Fax: 024. 3942 1032

Website: www.vietinbank.vn

Email: contact@vietinbank.vn

NIÊM YẾT TRÁI PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Tên trái phiếu : Trái phiếu VietinBank phát hành ra công chúng năm 2021 đáo hạn năm 2029 (“**Trái Phiếu 2129**”).

Trái Phiếu 2129 sau đây được gọi tắt là “**Trái Phiếu**”

Loại trái phiếu : Là trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có tài sản bảo đảm và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của VietinBank theo các quy định pháp luật hiện hành.

Mã trái phiếu : **CTG121030**

Thời điểm đáo hạn : Ngày 18/11/2029

Lãi suất : Lãi Suất Trái Phiếu 2129 = Lãi Suất Tham Chiếu + **0,9%/năm**.

Trong đó: “Lãi Suất Tham Chiếu”: là lãi suất tính theo tỷ lệ phần trăm trên năm (%/năm), dùng để xác định lãi suất Trái Phiếu vào mỗi Kỳ Tính Lãi hoặc mỗi Kỳ Thanh Toán Lãi. Lãi Suất Tham Chiếu là bình quân lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng Đồng Việt Nam, trả sau, kỳ hạn 12 tháng (hoặc mức lãi suất của kỳ hạn tương đương) được công bố tại Ngày Xác Định Lãi Suất trên Trang thông tin điện tử chính thức của Ngân Hàng Tham Chiếu (gồm 04 ngân hàng là: Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam).

“Ngày Xác Định Lãi Suất” là Ngày Phát Hành Trái Phiếu đối với Kỳ Tính Lãi đầu tiên và Ngày Làm Việc thứ 7 (bảy) trước Ngày Bắt Đầu Tính Lãi đối với các Kỳ Tính Lãi tiếp theo.

Kỳ trả lãi : Tiền lãi Trái Phiếu được trả định kỳ một (01) năm một lần vào mỗi ngày tròn năm kể từ Ngày Phát Hành Trái Phiếu trong suốt thời hạn Trái Phiếu

Mệnh giá : 100.000 (Một trăm nghìn) Đồng/01 (một) Trái Phiếu.

Tổng số lượng trái phiếu niêm yết : 30.207.100 (Ba mươi triệu hai trăm linh bảy nghìn một trăm) Trái Phiếu

Tổng giá trị niêm yết (theo mệnh giá) : 3.020.710.000.000 (Ba nghìn không trăm hai mươi tỷ bảy trăm mười triệu) đồng

*Để nắm rõ đầy đủ và biết thêm các thông tin chi tiết liên quan tới Các Điều Khoản và Điều Kiện của Trái Phiếu, Quý nhà đầu tư vui lòng xem nội dung tại Mục V có tiêu đề “**Chứng khoán niêm yết**” và các nội dung khác liên quan có trong Bản Cáo Bạch này.*

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:

Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam

Trụ sở chính: Tầng 8, Tòa nhà CornerStone, 16 Phan Chu Trinh, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: 024. 3831 5100 Fax: 024. 3831 5090 Website: www.ey.com/vi_vn

TỔ CHỨC TƯ VẤN:

Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT

Trụ sở chính: Số 1 Nguyễn Thượng Hiền, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Điện thoại: 024. 3972 4568 Fax: 024. 3972 4600 Website: www.vndirect.com.vn

[Phần cuối của trang này được cố tình bỏ trống để chuyển tiếp sang nội dung trang tiếp theo của Bản Cáo Bạch]

MỤC LỤC

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO	5
1. Rủi ro về kinh tế.....	5
2. Rủi ro về luật pháp	8
3. Rủi ro về ngành.....	9
4. Rủi ro khác	9
II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH	11
1. Tổ Chức Niêm Yết	11
2. Tổ Chức Tư Vấn Niêm Yết	11
III. CÁC KHÁI NIỆM	12
IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT	14
1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển.....	14
2. Cơ cấu tổ chức của VietinBank	21
3. Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của VietinBank	23
4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của VietinBank; Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ; Cơ cấu cổ đông.....	26
5. Danh sách các công ty mẹ và công ty con của VietinBank, các công ty mà VietinBank đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, các công ty nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với VietinBank	27
6. Hoạt động kinh doanh của VietinBank	32
7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.....	53
8. Vị thế của VietinBank so với các ngân hàng khác trong ngành.....	57
9. Chính sách đối với người lao động.....	62
10. Chính sách cổ tức và chính sách vay nợ trong thời hạn trái phiếu, thứ tự ưu tiên thanh toán của trái phiếu được niêm yết trong danh mục nợ của VietinBank.....	63
11. Tình hình hoạt động tài chính	64
11.1 Các chỉ tiêu cơ bản.....	64
11.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu.....	67
12. Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành và Kế toán trưởng.....	68
13. Tài sản.....	86
14. Kế hoạch kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong năm tiếp theo	87
15. Đánh giá của Tổ Chức Tư Vấn về kế hoạch lợi nhuận, cổ tức	90
16. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của VietinBank.....	90
17. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới VietinBank có thể ảnh hưởng đến giá trái phiếu niêm yết (nếu có)	90
V. TRÁI PHIẾU NIÊM YẾT.....	91
1. Loại trái phiếu.....	91
2. Mã trái phiếu.....	91
3. Số lượng trái phiếu phát hành.....	91
4. Tổng giá trị theo mệnh giá	91
5. Ngày phát hành.....	91
6. Ngày đáo hạn.....	91

7.	Thời hạn trái phiếu.....	91
8.	Mệnh giá.....	91
9.	Mục đích phát hành trái phiếu.....	91
10.	Nguồn Thanh Toán Trái Phiếu:.....	91
11.	Tổng Số Trái Phiếu Niêm Yết.....	91
12.	Lãi suất.....	91
13.	Kỳ Trả Lãi.....	92
14.	Số lượng trái phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của Tổ Chức Niêm Yết.....	92
15.	Xếp hạng tín nhiệm.....	92
16.	Phương pháp tính giá.....	92
17.	Tính lợi suất đáo hạn.....	94
18.	Phương pháp thực hiện quyền.....	95
19.	Đánh giá tác động của tình hình lạm phát đối với trái phiếu niêm yết.....	95
20.	Cam kết về tỷ lệ đảm bảo.....	96
21.	Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài.....	96
22.	Các loại thuế có liên quan.....	96
VI.	CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT NIÊM YẾT TRÁI PHIẾU.....	98
1.	Tổ Chức Tư Vấn Niêm Yết Trái Phiếu.....	98
2.	Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu.....	98
3.	Tổ Chức Kiểm Toán Báo Cáo Tài Chính.....	98
VII.	PHỤ LỤC.....	99
VIII.	TẤT CẢ CHỮ KÝ CỦA NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH	100

[Phần cuối của trang này được cố tình bỏ trống để chuyển tiếp sang nội dung trang tiếp theo của Bản Cáo Bạch]

NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

Nhà đầu tư nên xem xét cẩn trọng các nhân tố rủi ro và các nhân tố/sự kiện không chắc chắn được mô tả bên dưới, cùng với các thông tin trong Bản Cáo Bạch này. Hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính hoặc kết quả hoạt động của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết có thể bị ảnh hưởng bất lợi đáng kể bởi bất kỳ rủi ro nào trong số đó. Những rủi ro được mô tả dưới đây không phải là những rủi ro duy nhất liên quan đến Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết hoặc Trái Phiếu. Những rủi ro và những khả năng không chắc chắn khác mà Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết hiện không biết đến, hoặc cho là không quan trọng, cũng có thể ảnh hưởng bất lợi đến việc đầu tư vào Trái Phiếu.

Việc một hoặc nhiều sự kiện nêu dưới đây xảy ra có thể gây ảnh hưởng bất lợi đến tình hình kinh doanh, tài chính hoặc kết quả hoạt động của VietinBank, và có thể ảnh hưởng đến khả năng thanh toán gốc và lãi Trái Phiếu. Những vấn đề cần quan tâm và những khả năng không chắc chắn khác mà VietinBank hiện không biết đến hoặc cho là không quan trọng cũng có thể gây ảnh hưởng bất lợi đến việc đầu tư vào Trái Phiếu.

Trong quá trình tiến hành hoạt động kinh doanh, VietinBank phải chịu nhiều rủi ro khác nhau, trong đó các rủi ro cơ bản là rủi ro về kinh tế, rủi ro về luật pháp, rủi ro về ngành và các rủi ro khác. Mặc dù, VietinBank tin rằng đã thực hiện các chính sách, quy trình phù hợp để kiểm soát và giảm thiểu rủi ro, các nhà đầu tư cần lưu ý rằng khả năng không thể kiểm soát một cách hợp lý những rủi ro này có thể lớn hơn so với dự tính và có thể gây ra những ảnh hưởng bất lợi đối với tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh, triển vọng và danh tiếng của VietinBank.

1. Rủi ro về kinh tế

a) Rủi ro về lãi suất

Rủi ro lãi suất (RRLS) gồm (i) rủi ro do biến động bất lợi của lãi suất đối với thu nhập, giá trị tài sản, giá trị nợ phải trả và giá trị cam kết ngoại bảng của VietinBank – được gọi là RRLS trên Sổ Ngân hàng; và (ii) rủi ro do biến động bất lợi của lãi suất trên thị trường đối với giá trị của Giấy tờ có giá (GTCG), công cụ tài chính có lãi suất, sản phẩm phái sinh lãi suất trên Sổ Kinh doanh. VietinBank thiết lập Quy định phân tách Sổ Kinh doanh và Sổ Ngân hàng nhằm quy định các điều kiện, tiêu chí xác định các khoản mục thuộc phạm vi từng sổ, từ đó có chính sách quản lý rủi ro tương ứng.

Đối với RRLS trên Sổ Ngân hàng: Rủi ro lãi suất trên Sổ ngân hàng, phát sinh do biến động bất lợi của lãi suất đối với thu nhập, giá trị tài sản, giá trị nợ phải trả và giá trị cam kết ngoại bảng của Ngân hàng. Theo các BCTC gần nhất của VietinBank, chênh lệch kỳ hạn tái định giá ghi nhận giá trị âm tại các thang kỳ hạn đến 1 tháng và kỳ hạn từ 6 tháng đến 12 tháng (số dư nợ phải trả định giá lại lớn hơn số dư tài sản định giá lại tại các thang kỳ hạn này), đồng thời nhận giá trị dương tại các thang kỳ hạn còn lại. Như vậy, VietinBank có thể gặp bất lợi về thu nhập lãi thuần (NII) và giá trị kinh tế VCSH (*Economic Value of Equity – EVE là giá trị hiện tại ròng giữa dòng tiền vào của tài sản tài chính và dòng tiền ra của nợ phải trả trên cả nội bảng và ngoại bảng thuộc Sổ Ngân hàng*) khi lãi suất tăng tại các thang kỳ hạn đến 1 tháng và từ 6 tháng đến 12 tháng (số dư nợ phải trả chịu lãi suất tăng lớn hơn số dư tài sản có lãi suất tăng) và/hoặc lãi suất giảm tại các thang kỳ hạn còn lại.

Nhằm kiểm soát chênh lệch kỳ hạn định giá lại, kiểm soát mức độ tác động của thay đổi lãi suất tới thu nhập lãi thuần và giá trị kinh tế VCSH của VietinBank trong phạm vi cho phép, VietinBank đã áp dụng chính sách quản lý tập trung tại Trụ sở chính với cơ cấu tổ chức được thiết lập theo mô hình 3 tuyến báo vệ. Cụ thể, VietinBank đã thiết lập quy định, quy trình quản lý RRLS trên Sổ ngân hàng; quản lý chênh lệch kỳ hạn định giá lại lãi suất, thiết lập hạn mức đối với chênh lệch kỳ hạn định giá lại, thay đổi thu nhập lãi thuần (NII) và thay đổi giá trị kinh tế của VCSH (EVE); đồng thời sử dụng các sản phẩm phái sinh phù hợp nhằm kiểm soát rủi ro ở cấp độ danh mục. Hệ thống phần mềm Quản lý Tài sản Nợ - Có (ALM) và hệ thống điều chuyển vốn nội bộ FTP cho phép VietinBank quản lý tập

trung trạng thái RRLS tại Trụ sở chính, cung cấp tự động các báo cáo chênh lệch kỳ hạn định giá lại, báo cáo phân tích kịch bản tăng/giảm lãi suất...

Mức độ RRLS và tình hình tuân thủ các chỉ số hạn mức RRLS được phân tích báo cáo Ban lãnh đạo tại cuộc họp Hội đồng rủi ro, Hội đồng ALCO hàng tháng nhằm kịp thời nhận diện xu hướng thay đổi cơ cấu chênh lệch kỳ hạn định giá lại, mức độ tác động tới NII/EVE và kịp thời có những điều chỉnh để đảm bảo thực hiện mục tiêu lợi nhuận của Ngân hàng.

Ở cấp độ giao dịch, VietinBank áp dụng các điều khoản phòng ngừa RRLS trong các hợp đồng tín dụng nhằm đảm bảo Ngân hàng luôn chủ động trước những biến động bất thường của thị trường; xác định lãi suất cho vay phản ánh đúng chi phí huy động vốn thực tế của Ngân hàng, điều hành lãi suất thông qua công cụ giá mua bán vốn nội bộ (FTP) tùy theo định hướng hoạt động của Ngân hàng và diễn biến thị trường.

Đối với RRLS trên Sổ Kinh doanh: VietinBank thiết lập các hạn mức trạng thái, hạn mức dừng lỗ, hạn mức VaR đối với danh mục GTCG thuộc Sổ Kinh doanh nhằm kiểm soát RRLS. Hệ thống Treasury Murex 3 đã được triển khai cho phép thông tin giao dịch và trạng thái rủi ro được ghi nhận đầy đủ, minh bạch, cập nhật thường xuyên giá trị danh mục theo lợi suất thị trường và tình hình sử dụng hạn mức rủi ro, hỗ trợ ra quyết định nhằm đảm bảo hoạt động kinh doanh của Vietinbank an toàn, hiệu quả.

b) Rủi ro về tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro do khách hàng không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng hoặc thỏa thuận với ngân hàng.

Trong năm 2020, các diễn biến bất ngờ của tình hình thiên tai và dịch bệnh COVID-19 ảnh hưởng tiêu cực tới rất nhiều ngành, lĩnh vực nói riêng và toàn bộ nền kinh tế nói chung. HĐKD của rất nhiều khách hàng vay vốn tại VietinBank gặp khó khăn, đặc biệt trong các lĩnh vực dịch vụ lưu trú, vận tải, nông nghiệp..., tiềm ẩn rủi ro phát sinh nợ xấu cho Ngân hàng. Trước tình hình đó, VietinBank đã và đang tích cực đồng hành cùng khách hàng, kịp thời có các biện pháp hỗ trợ, tháo gỡ phù hợp, thiết thực như cơ cấu lại thời hạn trả nợ giữ nguyên nhóm nợ, giải ngân mới, ưu đãi lãi suất... giúp khách hàng ổn định hoạt động, sớm vượt qua khó khăn; đồng thời chủ động nhận diện sớm rủi ro, triển khai các biện pháp phân luồng thu hồi xử lý nợ để giảm thiểu tổn thất cho Ngân hàng. Bên cạnh đó, để đảm bảo sự phục hồi và phát triển an toàn, hiệu quả, bền vững cho khách hàng, ngân hàng cũng như nền kinh tế, VietinBank cũng tăng cường kiên toàn, chuẩn hóa văn bản chính sách, ứng dụng CNTT trong quá trình cấp và quản lý tín dụng. Nhờ vậy, tỷ lệ nợ xấu cuối năm 2020 của VietinBank được kiểm soát tốt dưới 1%.

Năm 2021, tình hình kinh tế thế giới tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường. Sự thay đổi trong chính sách của các quốc gia lớn cùng với tác động tiêu cực/kéo dài của dịch COVID-19 tiềm ẩn nguy cơ khủng hoảng về tài chính, tiền tệ trên phạm vi toàn cầu và tác động không nhỏ đến chất lượng tín dụng của hệ thống ngân hàng. Trong 9 tháng đầu năm 2021, VietinBank đã chủ động dành nguồn lực tài chính để trích lập dự phòng bổ sung cho các khoản nợ được cơ cấu do các tác động của dịch bệnh COVID-19 theo Thông tư 03/2021/TT-NHNN ngày 02/04/2021 thậm trọng hơn mức quy định của NHNN nhằm nâng cao năng lực quản trị rủi ro, tăng khả năng chống chịu trước các biến động bất lợi của nền kinh tế. Tỷ lệ bao phủ nợ xấu của VietinBank tại thời điểm 30/09/2021 là 118,6%, giảm 13,4 điểm phần trăm so với mức 132% tại thời điểm 31/12/2020. Tỷ lệ nợ xấu tại thời điểm 30/09/2021 là 1,67%, cao hơn mức 0,94% tại thời điểm đầu năm 2021. Tỷ lệ nợ xấu tăng do VietinBank chủ động cơ cấu nợ tổng thể cho một số khách hàng lớn để đảm bảo cho các khách hàng này có thể tiếp tục duy trì hoạt động, cũng như phục hồi phát triển trở lại trong thời gian tới.

Với mục tiêu vượt thách thức, đón thời cơ và phát triển bền vững, VietinBank sẽ tiếp tục chú trọng quản trị rủi ro tín dụng từ cấp độ tổng thể đến cấp độ giao dịch, triển khai mạnh mẽ các biện pháp hạn chế nợ xấu mới phát sinh, tăng cường thu hồi, xử lý nợ nhằm cải thiện chất lượng danh mục và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn. Chính sách, quy trình cấp tín dụng tiếp tục được chuẩn hóa nhằm tăng cường quản trị rủi ro theo quy định của NHNN và hướng tới thông lệ quốc tế. Đồng thời,

VietinBank tiếp tục ưu tiên đầu tư cải tiến hệ thống CNTT hỗ trợ công tác quản lý danh mục tín dụng, cảnh báo sớm khách hàng tiềm ẩn rủi ro, giám sát rủi ro tín dụng, thu hồi và xử lý nợ.

c) Rủi ro về ngoại hối

Rủi ro ngoại hối (hay rủi ro tiền tệ) là rủi ro biến động bất lợi của tỷ giá trên thị trường khi ngân hàng có trạng thái ngoại tệ. Ngân hàng được thành lập và hoạt động tại Việt Nam với đồng tiền báo cáo và giao dịch chính của Ngân hàng là VND. Trong khi đó cơ cấu tài sản - nguồn vốn của Ngân hàng bao gồm một phần bằng ngoại tệ (bao gồm USD, EUR và các ngoại tệ khác) do đó có thể phát sinh rủi ro tiền tệ.

VietinBank quy định toàn bộ trạng thái ngoại tệ phát sinh được tập trung về quản lý tại Trụ sở chính thông qua phòng đầu mối là Phòng Kinh doanh vốn - Khối Kinh doanh vốn & Thị trường. Ngân hàng thiết lập các hạn mức về trạng thái tiền tệ với từng đồng tiền, các hạn mức dừng lỗ, hạn mức giá trị chịu rủi ro VaR... nhằm kiểm soát rủi ro phù hợp với mức độ chấp nhận của Ngân hàng và tuân thủ các quy định của cơ quan quản lý. Hệ thống Treasury Murex 3 đã được triển khai ứng dụng thành công, cho phép thông tin giao dịch và trạng thái rủi ro được ghi nhận đầy đủ, minh bạch, cập nhật thường xuyên lợi nhuận theo giá trị thị trường và tình hình sử dụng hạn mức rủi ro, hỗ trợ ra quyết định nhằm đảm bảo hoạt động kinh doanh của Vietinbank an toàn, hiệu quả.

Trong hoạt động huy động vốn và cho vay bằng ngoại tệ: VietinBank thực hiện đo lường, phân tích và dự báo các luồng tiền ngoại tệ vào/ra trong hệ thống làm cơ sở thiết lập kế hoạch vốn kinh doanh theo từng loại tiền tệ, theo đó dư nợ cho vay ngoại tệ của Ngân hàng được tài trợ tối đa bởi nguồn vốn huy động ngoại tệ cùng đồng tiền. Lượng nguồn ngoại tệ dư thừa/thiếu hụt tạm thời (nếu phát sinh) được đầu tư hoặc hoán đổi ngoại tệ trên thị trường liên ngân hàng để tăng hiệu quả sử dụng vốn đồng thời giảm thiểu rủi ro ngoại hối.

d) Rủi ro về thanh toán

Rủi ro thanh toán là rủi ro phát sinh khi Ngân hàng không đủ khả năng thực hiện các nghĩa vụ thanh toán, trả nợ khi đến hạn hoặc Ngân hàng phải chấp nhận huy động vốn với chi phí gia tăng để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ.

Năm 2020, VietinBank tiếp tục thực hiện chiến lược quản lý rủi ro thanh khoản với các mục tiêu chính như: duy trì đủ tài sản có tính thanh khoản cao để đáp ứng nhu cầu thanh khoản trong điều kiện hoạt động bình thường và có diễn biến bất lợi về thanh khoản; chiến lược nguồn vốn đảm bảo đa dạng hoá về kênh huy động và cấu trúc kỳ hạn, phù hợp với cơ cấu kỳ hạn sử dụng nguồn; trong đó tăng cường các nguồn vốn có chi phí hợp lý như CASA, nguồn tiền gửi Kho bạc nhà nước, kết hợp linh hoạt khai thác nguồn vốn từ thị trường liên ngân hàng. VietinBank cũng thiết lập, mở rộng giới hạn và quan hệ giao dịch với các TCTD khác để tăng cường kênh huy động và sử dụng nguồn. Định kỳ, VietinBank tiến hành kiểm tra sức chịu đựng về thanh khoản nhằm đánh giá khả năng thực hiện các nghĩa vụ, cam kết và xây dựng kế hoạch dự phòng thanh khoản.

Mô hình 3 tuyến bảo vệ được tiếp tục phát huy với Phòng Quản lý cân đối vốn và Kế hoạch tài chính đóng vai trò đầu mối phối hợp với Phòng Kinh doanh vốn và các đơn vị liên quan tuyến bảo vệ thứ nhất; Phòng Quản lý Rủi ro Thị trường đóng vai trò tuyến bảo vệ thứ hai theo dõi giám sát độc lập, và Phòng Kiểm toán nội bộ thực hiện chức năng tuyến bảo vệ thứ ba. Tình hình cân đối vốn và các chỉ tiêu an toàn thanh khoản, hạn mức rủi ro thanh khoản (RRTK) được theo dõi hàng ngày, giám sát chặt chẽ đảm bảo tuân thủ các giới hạn theo quy định của NHNN. Định kỳ hàng tháng, tại cuộc họp Hội đồng rủi ro, Hội đồng ALCO, tình hình cân đối vốn và thanh khoản, tình hình tuân thủ các chỉ số hạn mức rủi ro được rà soát, báo cáo và đề xuất định hướng điều hành cân đối vốn đảm bảo thanh khoản an toàn và tối ưu hiệu quả sử dụng vốn.

Hệ thống ALM quản lý tài sản Nợ - Có được xây dựng theo thông lệ quốc tế, tiếp tục cung cấp tự động các báo cáo cân đối vốn và báo cáo dòng tiền để tính toán trạng thái thanh khoản hằng ngày của Ngân hàng, đồng thời phân tích, dự báo về tình hình thanh khoản trong tương lai. Qua đó, RRTK của Ngân hàng được quản lý chặt chẽ theo từng đồng tiền chính (VND, USD, EUR) trên cơ sở phân tích nhu cầu thanh khoản, nguồn thanh khoản của từng HĐKD; cơ cấu Tài sản/Nợ phải trả và dòng tiền

của các khoản mục nội bảng và ngoại bảng; khả năng tiếp cận thanh khoản trên thị trường.

e) *Rủi ro từ các hoạt động ngoại bảng*

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Ngân hàng thực hiện các công cụ tài chính liên quan đến các khoản mục ngoại bảng cân đối kế toán. Các công cụ tài chính này chủ yếu bao gồm các cam kết bảo lãnh và thư tín dụng. Các công cụ này cũng tạo ra những rủi ro tín dụng cho Ngân hàng ngoài các rủi ro tín dụng đã được ghi nhận trong nội bảng. Đó là khả năng mang đến rủi ro tín dụng cho Ngân hàng khi một trong các bên liên quan đến các công cụ tài chính đó không thực hiện các điều khoản của hợp đồng.

Các cam kết giao dịch hối đoái chủ yếu là các giao dịch/hợp đồng phái sinh (mua/bán ngoại tệ có kỳ hạn hoặc giao dịch hoán đổi) nên có mức độ rủi ro thấp. Các nghĩa vụ nợ tiềm ẩn bao gồm các cam kết bảo lãnh vay vốn; cam kết trong nghiệp vụ thư tín dụng (L/C) và các cam kết trong bảo lãnh khác.

Tại thời điểm 30/09/2021, tổng các nghĩa vụ nợ tiềm ẩn và các cam kết ngoại bảng theo số liệu hợp nhất của VietinBank là 642.466 tỷ đồng, trong đó: các nghĩa vụ nợ tiềm ẩn (*gồm bảo lãnh vay vốn, cam kết trong nghiệp vụ L/C và bảo lãnh khác*) là 94.858 tỷ đồng (chiếm 14,8%) và các cam kết đưa ra (*gồm cam kết giao dịch hối đoái và cam kết khác*) là 547.608 tỷ đồng (chiếm 85,2%).

Rủi ro từ các hoạt động ngoại bảng xảy ra khi khách hàng mất khả năng thanh toán cho người thụ hưởng (như mất khả năng thanh toán L/C, không thực hiện nghĩa vụ được bảo lãnh...). Khi đó, VietinBank sẽ phải thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho người thụ hưởng thay cho khách hàng. Nghĩa vụ này được hạch toán nội bảng với tư cách là những khoản tín dụng bắt buộc.

Để phòng ngừa và giảm thiểu rủi ro, VietinBank đã ban hành các quy trình thẩm định, cấp bảo lãnh, cam kết L/C, hệ thống xếp hạng tín dụng và phân loại khách hàng; các quy định về tỷ lệ tài sản bảo đảm, ký quỹ dựa trên mức độ rủi ro của từng nhóm khách hàng và mức độ rủi ro của từng loại bảo lãnh, cụ thể:

- *Đối với các cam kết bảo lãnh*: VietinBank thực hiện phân loại bảo lãnh theo các mức độ rủi ro tăng dần theo thứ tự lần lượt: bảo lãnh dự thầu, bảo lãnh bảo hành, bảo lãnh thực hiện hợp đồng/hoàn tiền tạm ứng, bảo lãnh thanh toán/vay vốn... Căn cứ mức độ rủi ro của từng sản phẩm bảo lãnh và mức độ tín nhiệm của khách hàng, VietinBank sẽ yêu cầu tỷ lệ tài sản bảo đảm/ký quỹ phù hợp để có biện pháp hạn chế, giảm thiểu rủi ro.
- *Đối với các cam kết thanh toán L/C*: VietinBank quản lý rủi ro xảy ra tổn thất thông qua việc thẩm định trước khi phát hành L/C, yêu cầu tỷ lệ ký quỹ và tài sản bảo đảm tương đương với mức độ tin cậy và tín nhiệm của từng nhóm khách hàng do VietinBank đánh giá.

2. *Rủi ro về luật pháp*

Rủi ro về pháp luật là các rủi ro xảy ra khi mà các quy định pháp luật hiện hành và/hoặc các quy định pháp luật mới được ban hành không còn phù hợp, chông chéo hoặc chưa đáp ứng đòi hỏi với tình hình thực tiễn, xu thế của thị trường và gây ra các khó khăn, trở ngại, vướng mắc cho hoạt động SXKD của doanh nghiệp và làm doanh nghiệp phải đối mặt với các chi phí và thiệt hại phát sinh do các tranh chấp pháp lý. Hiện nay, Việt Nam vẫn đang trong quá trình tiếp tục xây dựng và hoàn thiện khung pháp lý liên quan đến tổ chức và hoạt động của TCTD tại Việt Nam, trong đó có VietinBank. Trong thời gian vừa qua, nhiều văn bản quy phạm pháp luật mới đã được ban hành nhằm hoàn thiện, sửa đổi, bổ sung, thay thế các luật cũ đã không còn phù hợp như (Luật các Tổ chức tín dụng, Luật Chứng Khoán, Luật Doanh nghiệp, Bộ luật Dân sự, Luật Nhà ở, Luật Kinh doanh bất động sản, Luật Xây dựng, Luật Đầu tư ...). Đồng thời, Chính phủ và các bộ, ngành (trong đó có NHNN) cũng ban hành nhiều Nghị định, Thông tư hướng dẫn thi hành các văn bản pháp luật liên quan. Tuy nhiên, với đặc thù là một nền kinh tế đang phát triển và đang trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế mạnh mẽ nên mặc dù Việt Nam đã ban hành nhiều văn bản quy phạm pháp luật để điều chỉnh trong lĩnh vực này nhưng có thể thấy hệ thống pháp luật về TCTD tại Việt Nam vẫn đang trong quá trình hoàn thiện để dần đáp ứng các chuẩn mực, thông lệ quốc tế. Do vậy, đây vẫn có thể coi là một trong các rủi ro tiềm tàng đối với các nhà đầu tư Trái Phiếu liên quan đến vấn đề thay đổi quy định pháp luật từ phía các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

Tại VietinBank, công tác quản lý rủi ro pháp lý/luật pháp luôn được ưu tiên hàng đầu nhằm nhận diện, đánh giá, kiểm soát, phòng ngừa và giảm thiểu những tổn thất, ảnh hưởng bất lợi đến HĐKD và quản trị nội bộ của VietinBank, cụ thể như sau:

- VietinBank đã xây dựng hệ thống văn bản chính sách nội bộ quy định về các nguyên tắc, tiêu chuẩn, trình tự, thủ tục, bộ mẫu biểu hợp đồng phải tuân thủ trong quá trình thực hiện tất cả các mảng nghiệp vụ để thống nhất áp dụng trong toàn hệ thống; hệ thống văn bản chính sách được rà soát đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật trước khi ban hành và hệ thống hóa, pháp điển hóa định kỳ để đảm bảo tính đồng bộ, đầy đủ và phù hợp trong quá trình triển khai văn bản.
- Bộ phận Pháp chế tại VietinBank chịu trách nhiệm tư vấn toàn diện các vấn đề pháp lý theo quy định pháp luật Việt Nam đối với hoạt động tổ chức, quản lý và HĐKD, phù hợp với quy định pháp luật; tối đa hóa quyền và lợi ích hợp pháp của VietinBank; cử đại diện tố tụng, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của VietinBank trong các hoạt động tố tụng mà VietinBank là một bên tham gia.
- Bộ phận Tuân thủ tại VietinBank có trách nhiệm quản lý thay đổi văn bản chính sách nội bộ trong hệ thống VietinBank; phòng chống rửa tiền/tài trợ khủng bố/cấm vận; phòng chống gian lận; tuân thủ FATCA và quản lý tuân thủ các cam kết quốc tế khác, cam kết với cổ đông chiến lược, đối tác; quản lý xung đột lợi ích; bảo vệ quyền lợi khách hàng; bảo mật thông tin khách hàng; phòng chống tham nhũng và các vấn đề tuân thủ khác theo quy định của VietinBank đảm bảo phù hợp với quy định pháp luật; xây dựng kế hoạch, chương trình triển khai công tác giám sát, quản lý tuân thủ trên toàn hàng định kỳ hoặc đột xuất nhằm giảm thiểu, ngăn chặn rủi ro phát sinh.
- VietinBank luôn chủ động nghiên cứu, tham gia góp ý dự thảo văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến hoạt động ngân hàng để nắm bắt các thay đổi của chính sách pháp luật và định hướng HĐKD cho phù hợp; đồng thời kiến nghị với các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để quy định chi tiết, hướng dẫn hoặc sửa đổi, bổ sung quy định pháp luật để đảm bảo hành lang pháp lý cho hoạt động ngân hàng.
- Công tác đào tạo, phổ biến, tuyên truyền quy định pháp luật liên quan đến hoạt động ngân hàng luôn được chú trọng để nâng cao hiểu biết, ý thức pháp luật của từng cán bộ trong toàn hệ thống.
- Đối với các giao dịch có giá trị lớn, phức tạp hoặc có liên quan đến yếu tố nước ngoài, VietinBank thường chỉ định các công ty luật có uy tín, kinh nghiệm để tư vấn nhằm đảm bảo tính pháp lý của giao dịch phù hợp với quy định pháp luật có liên quan.

3. Rủi ro về ngành

VietinBank là một ngân hàng thương mại cổ phần do Nhà nước nắm giữ cổ phần chi phối (chiếm tỷ lệ 64,46%). Bên cạnh các rủi ro đặc thù đã đề cập ở trên, hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực/ngành ngân hàng tại Việt Nam còn chịu sự tác động và rủi ro từ áp lực cạnh tranh giữa các ngân hàng cùng ngành. Theo đó, VietinBank không chỉ chịu áp lực cạnh tranh với các ngân hàng thương mại có vốn Nhà nước chi phối khác, mà còn phải chịu sự cạnh tranh ngày càng lớn từ các ngân hàng thương mại cổ phần tư nhân, các ngân hàng 100% vốn nước ngoài và chi nhánh ngân hàng nước ngoài hoạt động tại Việt Nam. Là một quốc gia có nền kinh tế mở và tốc độ tăng trưởng cao, Việt Nam đã và đang ngày càng chủ động và đẩy mạnh quá trình toàn cầu hóa, hội nhập sâu rộng với khu vực và thế giới. Điều này đồng nghĩa với việc Việt Nam sẽ mở rộng hơn nữa các quan hệ hợp tác quốc tế, cũng như tham gia nhiều hơn vào các thị trường, khu vực thương mại tự do với các đối tác kinh tế, thương mại quan trọng. Do vậy, sự cạnh tranh trong ngành ngân hàng sẽ ngày càng gia tăng mạnh mẽ. Các ngân hàng nói chung và VietinBank nói riêng, bên cạnh các cơ hội và thuận lợi, sẽ phải đối mặt với không ít những rủi ro, thách thức và sự cạnh tranh khốc liệt trong môi trường kinh doanh toàn cầu.

4. Rủi ro khác

Ngoài các rủi ro nêu trên, một số rủi ro mang tính bất khả kháng: như thiên tai, bão lũ, động đất, hạn hán, hòa hạn, dịch bệnh, chiến tranh, khủng bố... mặc dù hiếm khi xảy ra, nhưng nếu xảy ra (tùy thuộc vào mức độ và phạm vi ảnh hưởng) cũng sẽ có thể tác động và ảnh hưởng đến HĐKD của

VietinBank.

Minh chứng rõ nhất cho thấy sự ảnh hưởng của những rủi ro này đối với HDKD của Tổ Chức Phát Hành là sự bùng phát của dịch bệnh COVID-19 đang diễn ra trên phạm vi toàn thế giới kể từ cuối năm 2019 đến nay. Đại dịch COVID-19 là cú sốc về y tế, gây tác động mạnh mẽ và tiêu cực đến mọi mặt của nền kinh tế thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng, cụ thể: tăng trưởng kinh tế của toàn cầu và nhiều quốc gia, khu vực ở mức âm; đầu tư thương mại toàn cầu suy giảm; các chuỗi giá trị, chuỗi cung ứng toàn cầu bị đứt gãy; quan hệ giao thương bị đình trệ; hoạt động SXKD của các doanh nghiệp liên tục bị gián đoạn; người lao động bị mất việc làm, tỷ lệ thất nghiệp tăng cao; người dân bị hạn chế đi lại và tiếp xúc...

Đối với Việt Nam, ngay từ khi dịch bệnh khởi phát vào đầu năm 2020, Chính phủ và Nhà nước đã nhanh chóng có những biện pháp đồng bộ, quyết liệt để phòng chống, kiểm soát và ngăn chặn sự lây lan của dịch bệnh. Các giải pháp đã mang lại hiệu quả và thành công ban đầu khi Việt Nam đã khống chế được dịch bệnh, không để dịch bệnh lây lan trong cộng đồng trong một khoảng thời gian dài. Tuy nhiên, từ cuối tháng 4/2021 đến nay, với những diễn biến phức tạp của dịch bệnh COVID-19 do phát sinh thêm các biến chủng, biến thể mới; khả năng kiểm soát lây nhiễm trong ngắn hạn và tiến độ triển khai tiêm chủng còn chậm do sự hạn chế về nguồn cung và năng lực sản xuất vaccines, Việt Nam và nhiều quốc gia trên thế giới và khu vực vẫn đang phải đối mặt với nhiều rủi ro và khó khăn do những ảnh hưởng trầm trọng bởi dịch bệnh COVID-19. Lạm phát có dấu hiệu gia tăng do gián đoạn chuỗi cung ứng, sản xuất và một số hàng hóa cơ bản, thiết yếu có xu hướng tăng. Kinh tế Việt Nam dự kiến tăng trưởng chậm hơn do sự bùng phát trở lại của dịch COVID-19, làm gián đoạn nguồn lao động, giảm sản lượng công nghiệp và gây đứt gãy chuỗi giá trị nông nghiệp. Ngân hàng Standard Chartered và Ngân hàng Châu Á đã hạ dự báo tăng trưởng GDP năm 2021 của Việt Nam xuống mức tương ứng là 2,7% (công bố ngày 06/10/2021) và 3,8% (công bố ngày 22/09/2021).

DANH MỤC CÁC YẾU TỐ RỦI RO NÊU TRÊN KHÔNG PHẢI LÀ BẢNG LIỆT KÊ HAY GIẢI THÍCH ĐẦY ĐỦ VỀ CÁC RỦI RO LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU. CÁC NHÀ ĐẦU TƯ CẦN CÓ NHỮNG ĐÁNH GIÁ KHÁCH QUAN ĐỂ CÓ THỂ NHẬN ĐỊNH MỘT CÁCH ĐẦY ĐỦ CÁC NHÂN TỐ RỦI RO CÓ THỂ TÁC ĐỘNG ĐẾN VIỆC ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU CỦA VIETINBANK.

[Phần cuối của trang này được cố tình bỏ trống để chuyển tiếp sang nội dung trang tiếp theo của Bản Cáo Bạch]

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ Chức Niêm Yết

NGÂN HÀNG TMCP CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

Ông Trần Minh Bình

Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị

Ông Nguyễn Hoàng Dũng

Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc phụ trách Ban Điều hành

(theo Quyết định 688/QĐ-HĐQT-NHCT1.2 ngày 07/09/2021 của HĐQT VietinBank v/v giao nhiệm vụ phụ trách Ban Điều hành VietinBank, Ông Nguyễn Hoàng Dũng thực hiện quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm Tổng Giám đốc theo quy định của pháp luật hiện hành, Điều lệ Tổ chức hoạt động của VietinBank và hệ thống các quy chế, quy định nội bộ của VietinBank, kể từ ngày 07/09/2021 cho đến khi có quyết định khác thay thế).

Bà Lê Anh Hà

Chức vụ: Trưởng Ban Kiểm soát

Ông Nguyễn Đức Thành

Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Hải Hưng

Chức vụ: Kế toán trưởng

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

2. Tổ Chức Tư Vấn Niêm Yết

CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN VNDIRECT

Đại diện theo pháp luật:

Bà

Phạm Minh Hương

Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký niêm yết do Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT tham gia lập trên cơ sở Hợp đồng dịch vụ số 01/2021/HĐDV/VNDIRECT-VIETINBANK ngày 08/06/2021 ký kết với Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam cung cấp.

[Phần cuối của trang này được cố tình bỏ trống để chuyển tiếp sang nội dung trang tiếp theo của Bản Cáo Bạch]

III. CÁC KHÁI NIỆM

Trong Bản cáo bạch này, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

Tổ Chức Niêm Yết hoặc Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết hoặc VietinBank hoặc Ngân hàng	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam
Tổ Chức Tư Vấn Niêm Yết	Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT
ĐHĐCĐ	Đại hội đồng cổ đông
TMCP	Thương mại cổ phần
NHTM	Ngân hàng thương mại
TCTD	Tổ chức tín dụng
TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
TNHH MTV	Trách nhiệm hữu hạn một thành viên
HĐQT	Hội đồng quản trị
TGD	Tổng Giám đốc
CP	Cổ phần
NHNN	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
UBCKNN	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
VSD	Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam hoặc Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam
SGDCK	Sở giao dịch chứng khoán
HSX / HOSE	Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh
VAMC	Công ty TNHH MTV Quản lý Tài sản của các TCTD Việt Nam
BCTC	Báo cáo tài chính
SXKD	Sản xuất kinh doanh
HĐKD	Hoạt động kinh doanh
NSLĐ	Năng suất lao động
CNTT	Công nghệ thông tin
GCNĐKDN	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
GCNĐKKD	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh
LNTT	Lợi nhuận trước thuế
LNST	Lợi nhuận sau thuế
VCSH	Vốn chủ sở hữu
VĐL	Vốn điều lệ
GTCG	Giấy tờ có giá
FTP	Hệ thống điều chuyển vốn nội bộ
VaR	Giá trị chịu rủi ro (Value at Risk)
RWA	Tài sản chịu rủi ro trọng yếu (Risk Weighted Assets)
ATM	Máy rút tiền tự động (Automated Teller Machine)
VND / VNĐ	Đồng Việt Nam (đơn vị tiền tệ hợp pháp của Việt Nam)
TSC	Trụ sở chính Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam
SPDV	Sản phẩm dịch vụ
BHXH, BHYT, BHTN	Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp

NSNN	Ngân sách Nhà nước
DNNVV / SME	Doanh nghiệp nhỏ và vừa (Small and Medium Enterprise)
KHCN	Khách hàng cá nhân
KHDN	Khách hàng doanh nghiệp
FDI	Đầu tư trực tiếp nước ngoài (Foreign Direct Investment).
DPRR	Dự phòng rủi ro
ROAE (Công ty mẹ)	Tỷ suất LNST / VCSH bình quân (đầu kỳ/cuối kỳ)
ROAE (Hợp nhất)	Tỷ suất Lợi nhuận thuần của chủ sở hữu / (VCSH – Lợi ích cổ đông không kiểm soát) bình quân (đầu kỳ/cuối kỳ)
ROAA (Công ty mẹ)	Tỷ suất LNST / Tổng tài sản bình quân (đầu kỳ/cuối kỳ)
ROAA (Hợp nhất)	Tỷ suất Lợi nhuận thuần của chủ sở hữu / Tổng tài sản bình quân (đầu kỳ/cuối kỳ)
EPS	LNST trên một cổ phiếu (Earnings Per Share)
Thuế TNDN	Thuế thu nhập doanh nghiệp.
Thuế TNCN	Thuế thu nhập cá nhân
TP	Trái phiếu


Các từ ngữ, khái niệm khác được sử dụng trong Bản cáo bạch này nhưng không được giải thích/định nghĩa trong mục này sẽ có nghĩa như được giải thích/định nghĩa trong các mục khác của Bản cáo bạch này.

[Phần cuối của trang này được cố tình bỏ trống để chuyển tiếp sang nội dung trang tiếp theo của Bản Cáo Bạch]

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

1.1 Giới thiệu chung về Tổ Chức Niêm Yết

- Tên đầy đủ tiếng Việt : **NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM**
- Tên đầy đủ tiếng nước ngoài : **VIETNAM JOINT STOCK COMMERCIAL BANK FOR INDUSTRY AND TRADE**
- Tên viết tắt : **VietinBank hoặc VIETINBANK**
- Logo : **VietinBank** 
- Địa chỉ trụ sở chính : Số 108 Trần Hưng Đạo, Phường Cửa Nam, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.
- Điện thoại : 1900 558868 hoặc (84-24) 3941 8868
- Fax : (84-24) 3942 1032
- Website : www.vietinbank.vn
- Vốn điều lệ hiện tại : **48.057.506.090.000 đồng** (Bốn mươi tám nghìn không trăm năm mươi bảy tỷ năm trăm linh sáu triệu không trăm chín mươi nghìn đồng)
- Giấy phép thành lập và hoạt động : Số 142/GP-NHNN do NHNN cấp ngày 03/07/2009
- GCNĐKDN : Số 0100111948 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp đăng ký lần đầu ngày 03/07/2009 và đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 08/09/2021.
- Người đại diện theo pháp luật : Ông Trần Minh Bình – Chủ tịch HĐQT
- Mã cổ phiếu : CTG
- Sàn niêm yết cổ phiếu : Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

Ngành nghề kinh doanh chính

VietinBank là một ngân hàng thương mại cổ phần, với ngành nghề kinh doanh chính là “Hoạt động trung gian tiền tệ” theo Mã ngành 6419. Hoạt động kinh doanh chính của VietinBank là: Kinh doanh ngân hàng và các hoạt động, nghiệp vụ được phép tiến hành kinh doanh theo Giấy phép thành lập và hoạt động do NHNN cấp, GCNĐKDN và Điều lệ tổ chức hoạt động của VietinBank, phù hợp với các quy định của pháp luật, bao gồm:

- Hoạt động ngân hàng thương mại: *huy động vốn; hoạt động tín dụng; dịch vụ thanh toán và ngân quỹ;*
- Hoạt động ngân hàng đầu tư: *Đầu tư tài chính; các dịch vụ về chứng khoán; quản lý quỹ đầu tư, quản lý danh mục đầu tư, ủy thác đầu tư, nhận ủy thác đầu tư; tư vấn việc mua bán, sáp nhập, tái cơ cấu doanh nghiệp, mua bán nợ theo quy định của pháp luật; kinh doanh, cung ứng dịch vụ cho khách hàng trong nước và nước ngoài các sản phẩm phái sinh về tỷ giá, lãi suất, ngoại hối, tiền tệ, giá cả hàng hóa và các sản phẩm tài chính trên nguyên tắc phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và các hoạt động ngân hàng đầu tư khác theo quy định của pháp luật;*
- Hoạt động bảo hiểm: *Bảo hiểm nhân thọ; bảo hiểm phi nhân thọ; tái bảo hiểm và các dịch vụ*

bảo hiểm khác;

- Hoạt động khác: Kinh doanh các sản phẩm, dịch vụ tài chính phải sinh được NHNN chấp thuận; thành lập công ty con để hoạt động, kinh doanh, quản lý, khai thác, bán tài sản trong quá trình xử lý tài sản bảo đảm tiền vay và tài sản mà Nhà nước giao cho VietinBank xử lý, thu hồi nợ; cho thuê các tài sản thuộc quyền sở hữu, quản lý và sử dụng của VietinBank theo quy định của pháp luật.

1.2 Quá trình hình thành và phát triển

Thời gian	Sự kiện quan trọng
1988	<ul style="list-style-type: none"> • Tiền thân là Ngân hàng chuyên doanh Công thương Việt Nam theo Nghị định số 53/HĐBT ngày 26/03/1988 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) về tổ chức bộ máy NHNN.
1990	<ul style="list-style-type: none"> • Chính thức được đổi tên thành Ngân hàng Công Thương Việt Nam theo Quyết định số 402/CT ngày 14/11/1990 của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng (nay là Thủ tướng Chính phủ). • Là ngân hàng đầu tiên tại Việt Nam tham gia với ngân hàng nước ngoài thành lập Ngân hàng Liên doanh Indovina vào ngày 21/11/1990.
1993 - 1996	<ul style="list-style-type: none"> • Thống đốc NHNN ký Quyết định số 67/QĐ-NH5 ngày 27/03/1993 về việc thành lập Ngân hàng Công Thương Việt Nam thuộc NHNN. • Được sự ủy quyền của Thủ tướng Chính Phủ, Thống đốc NHNN ký Quyết định 285/QĐ-NH5 ngày 21/09/1996 về việc thành lập lại Ngân hàng Công Thương Việt Nam theo mô hình Tổng công ty Nhà nước.
2008	<ul style="list-style-type: none"> • Ra mắt thương hiệu mới VietinBank vào tháng 4/2008. • Thủ tướng Chính phủ ký Quyết định số 1354/QĐ-TTg ngày 23/09/2008 phê duyệt Phương án cổ phần hóa Ngân hàng Công Thương Việt Nam. Ngày 02/11/2008, NHNN ký Quyết định số 2604/QĐ-NHNN về việc công bố giá trị doanh nghiệp Ngân hàng Công Thương Việt Nam. • Ngày 25/12/2008, Ngân hàng Công Thương Việt Nam tổ chức bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng (IPO) thành công và thực hiện chuyển đổi thành CTCP.
2009	<ul style="list-style-type: none"> • Ngày 03/07/2009, Ngân hàng được cổ phần hóa và đổi tên thành Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 142/GP-NHNN ngày 03/07/2009 của NHNN và theo GCNĐKKD lần đầu số 0103038874 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 03/07/2009 với số vốn điều lệ là 11.252.972.800.000 đồng. • Chính thức niêm yết và giao dịch cổ phiếu trên SGDCK Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là "CTG" vào ngày 16/7/2009 với giá đóng cửa phiên giao dịch đầu tiên là 40.100 đồng/cổ phiếu.
2011	<ul style="list-style-type: none"> • Là NHTM Cổ phần có vốn Nhà nước đầu tiên có đối tác chiến lược nước ngoài khi thực hiện bán 10% vốn điều lệ cho IFC. • Khai trương chi nhánh tại Frankfurt, Cộng hòa liên bang Đức.
2012	<ul style="list-style-type: none"> • Là ngân hàng đầu tiên tại Việt Nam phát hành thành công 250 triệu USD trái phiếu ra thị trường quốc tế và niêm yết tại SGDCK Singapore (SGX). Trái phiếu

Thời gian	Sự kiện quan trọng
	<p>được phát hành ngày 17/5/2012, có kỳ hạn 5 năm và lãi suất cố định 8%/năm.</p> <ul style="list-style-type: none"> Mở chi nhánh tại Thủ đô Vientian, Lào.
2013	<ul style="list-style-type: none"> Tiếp tục bán 19,73% cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược nước ngoài là MUFG Bank (Nhật Bản) và trở thành NHTM Cổ phần có vốn Nhà nước có cơ cấu cổ đông mạnh nhất Việt Nam tại thời điểm này.
2014	<ul style="list-style-type: none"> Xây dựng chiến lược bán lẻ, lấy khách hàng làm trung tâm, mục tiêu trở thành Ngân hàng bán lẻ tốt nhất Việt Nam.
2015	<ul style="list-style-type: none"> Nâng cấp từ Chi nhánh trở thành Ngân hàng TNHH Công thương Việt Nam tại Lào (ngân hàng con); Định hướng chuyển dịch cơ cấu khách hàng sang bán lẻ và DNNVV, thúc đẩy mạnh mẽ hoạt động thu ngoài lãi.
2017	<ul style="list-style-type: none"> Chuyển đổi thành công hệ thống Core Banking (SunShine), đưa VietinBank trở thành ngân hàng sở hữu nền tảng công nghệ hiện đại bậc nhất trong Ngành Ngân hàng Việt Nam.
2018	<ul style="list-style-type: none"> Tăng cường hợp tác khu vực và hội nhập quốc tế, giá trị thương hiệu VietinBank được nâng cao và tăng trưởng liên tục.
2020	<ul style="list-style-type: none"> Hoàn thành tốt Phương án cơ cấu lại gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2016-2020 tại VietinBank và Kế hoạch Kinh doanh trung hạn 2018-2020. Xây dựng Chiến lược phát triển VietinBank giai đoạn 2021-2030 và tầm nhìn đến 2045, Kế hoạch Kinh doanh trung hạn giai đoạn 2021-2023.
2021	<ul style="list-style-type: none"> Đến trước ngày 08/07/2021, VietinBank đã có 06 lần thực hiện tăng vốn từ 11.252.972.800.000 đồng lên 37.234.045.560.000 đồng thông qua các hình thức như phát hành cổ phiếu trả cổ tức, chào bán cho cổ đông hiện hữu và chào bán riêng lẻ. Căn cứ Quyết định số 765/QĐ-TTg ngày 22/05/2021 của Thủ tướng Chính phủ và Công văn số 3829/NHNN-TTGSNH ngày 28/05/2021 của NHNN v/v phê duyệt phương án đầu tư bổ sung vốn Nhà nước tại VietinBank, ngày 08/07/2021, VietinBank đã hoàn thành đợt phát hành cổ phiếu để trả cổ tức (chi trả cổ tức từ lợi nhuận còn lại của các năm 2017, 2018 và 2019) và tăng vốn điều lệ từ 37.234.045.560.000 đồng lên 48.057.506.090.000 đồng, tạo tiền đề giúp VietinBank nâng cao năng lực tài chính trong các năm tiếp theo.

1.3 Các giải thưởng và danh hiệu tiêu biểu

- VietinBank là ngân hàng Việt Nam duy nhất 2 lần liên tiếp lọt vào **Top 300 Thương hiệu ngân hàng giá trị nhất thế giới** của Brand Finance. Vị trí này tiếp tục khẳng định vị thế và sức mạnh thương hiệu VietinBank. Đồng thời, theo Forbes Việt Nam, VietinBank cũng 5 năm liên tiếp nằm trong **Top 50 Thương hiệu dẫn đầu Việt Nam** năm 2020.
- VietinBank được vinh danh **Top 10 Doanh nghiệp bền vững** năm 2020 ở lĩnh vực Thương mại – Dịch vụ. Giải thưởng do Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) phối hợp với Hội đồng Doanh nghiệp vì sự phát triển bền vững Việt Nam (VBCSD), Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Bộ Lao động Thương binh và Xã hội tổ chức, với 127 chỉ số ở 4 lĩnh vực: chỉ số kết quả phát triển bền vững, chỉ số quản trị, chỉ số môi trường và chỉ số lao động.

- VietinBank lần thứ 9 liên tiếp nằm trong danh sách Forbes Global 2000 (**Top 2000 Doanh nghiệp lớn nhất thế giới**) do Tạp chí uy tín Forbes của Mỹ công bố. Forbes xác định VietinBank đạt doanh thu 4,1 tỷ USD và tài sản đạt 53,3 tỷ USD.
- Lần thứ 6 liên tiếp, **VietinBank là doanh nghiệp có SPDV đạt Thương hiệu Quốc gia**. Đây là danh hiệu uy tín và cao quý được Thủ tướng Chính phủ giao cho Hội đồng Thương hiệu Quốc gia phối hợp với Cục Xúc tiến Thương mại (Bộ Công thương) tổ chức. Chương trình Thương hiệu Quốc gia là chương trình duy nhất của Chính phủ Việt Nam nhằm quảng bá hình ảnh Quốc gia qua thương hiệu SPDV thông qua 3 tiêu chí: Chất lượng, Đổi mới sáng tạo và Năng lực tiên phong.
- Lần thứ 5 liên tiếp, VietinBank đã vinh dự đạt Giải thưởng “**Ngân hàng Bán lẻ tốt nhất Việt Nam**” của Tạp chí Global Banking & Finance Review cùng nhiều giải thưởng uy tín khác như: Ngân hàng bán lẻ tiêu biểu, Ngân hàng có SPDV sáng tạo tiêu biểu với Dịch vụ Tài khoản thanh toán theo yêu cầu của Hiệp hội Ngân hàng Việt Nam (VNBA) phối hợp với Tập đoàn Dữ liệu Quốc tế IDG trao tặng.
- Vietinbank được Tạp chí Global Finance vinh danh Giải thưởng “**Đơn vị cung cấp dịch vụ ngoại hối tốt nhất Việt Nam**” 3 năm liên tiếp, khẳng định thành công của Ngân hàng trong đổi mới, cải tiến không ngừng hoạt động ngoại hối, nâng cao vị thế của VietinBank trên thị trường. Đồng thời, năm 2020, The Asian Banker đã vinh danh VietinBank là “**Đơn vị cung cấp dịch vụ phái sinh lãi suất của năm tại Việt Nam**”.
- Lần thứ 2 đạt giải thưởng danh giá “**Ngân hàng SME phát triển nhanh nhất Việt Nam**” của Global Banking & Finance Review, VietinBank đã khẳng định định hướng phát triển đúng đắn, khả năng cung ứng cũng như chất lượng và lợi ích vượt trội của các SPDV dành cho khách hàng DNNVV. Bên cạnh đó, năm 2020, Global Banking & Finance Review cũng trao Giải thưởng “**Trung tâm Dịch vụ khách hàng dẫn đầu Việt Nam**” lần thứ 3 liên tiếp cho VietinBank, minh chứng cho sự nỗ lực không ngừng nâng cao chất lượng dịch vụ chăm sóc khách hàng của Ngân hàng.
- Tổ chức Tài chính Quốc tế (IFC) – thành viên của Nhóm Ngân hàng Thế giới – World Bank Group đã trao Giải thưởng “**Ngân hàng phát hành tốt nhất Khu vực Đông Á – Thái Bình Dương**” cho VietinBank. Đây là lần thứ 2 liên tiếp VietinBank nhận được giải thưởng danh giá này từ IFC. Giải thưởng công nhận đóng góp của VietinBank trong Chương trình Tài trợ thương mại toàn cầu (Global Trade Finance Program – GTFP) của IFC.
- Năm 2020 chứng kiến những thành công liên tiếp của VietinBank trong lĩnh vực ngân hàng số và chuyển đổi số. VietinBank vinh dự được Tạp chí The Asian Banker trao Giải thưởng “**Ứng dụng công nghệ ngân hàng trên điện thoại tốt nhất**” dành cho **VietinBank iPay Mobile**, tự hào là Ngân hàng Việt Nam duy nhất được vinh danh trong hạng mục giải thưởng này cùng với nhiều tên tuổi là các ngân hàng lớn và tổ chức khác trong khu vực Châu Á – Thái Bình Dương. Đồng thời, **VietinBank iPay Mobile cũng vinh dự là sản phẩm ngân hàng duy nhất lọt Top 10 Sao Khuê 2020**, và VietinBank eFast lần thứ 2 đạt danh hiệu Sao Khuê. Năm 2020, The Asian Banker cũng trao Giải thưởng “**Triển khai nền tảng API và Ngân hàng mở tốt nhất Việt Nam**” dành cho VietinBank. VietinBank cũng được Tạp chí Kinh tế Việt Nam trao **Top 10 sản phẩm Tin dùng cho Hệ thống Smart Digital Branch – Chi nhánh số hóa thông minh (SDB)**. Những thành công cùng với các giải thưởng và danh hiệu nói trên đã chứng minh sự chuyển mình mạnh mẽ trong đầu tư về công nghệ, đem đến SPDV tài chính hiện đại cùng trải nghiệm mới mẻ tới khách hàng của VietinBank.
- 9 tháng đầu năm 2021, VietinBank vinh dự và xuất sắc giành được nhiều danh hiệu và giải thưởng lớn, bao gồm: (i) Giải thưởng Sao Khuê 2021 cho 03 sản phẩm, dịch vụ ngân hàng là Ứng dụng Ngân hàng số VietinBank iPay Mobile, Dịch vụ Ngân hàng điện tử dành cho KHDN – VietinBank eFAST và Dịch vụ kết nối ERP dành cho KHDN – VietinBank ERP-Connect,

được trao tặng bởi Hiệp hội Phần mềm và Dịch vụ CNTT Việt Nam trao tặng; (ii) Giải thưởng “Ngân hàng cung ứng sản phẩm phái sinh tài chính tốt nhất năm 2020” của Tạp chí The Asian Banker; (iii) Giải thưởng vinh danh VietinBank là ngân hàng có “Giải pháp tài chính đổi mới sáng tạo nhất dành cho doanh nghiệp”; (iv) Giải thưởng “Ngân hàng SME tốt nhất Việt Nam” do Tạp chí The Asian Banker (Singapore) và Tạp chí Global Banking & Finance Review (Vương quốc Anh) trao tặng.

[Phần cuối của trang này được cố tình bỏ trống để chuyển tiếp sang nội dung trang tiếp theo của Bản Cáo Bạch]

1.4 Quá trình tăng vốn điều lệ (VDL)

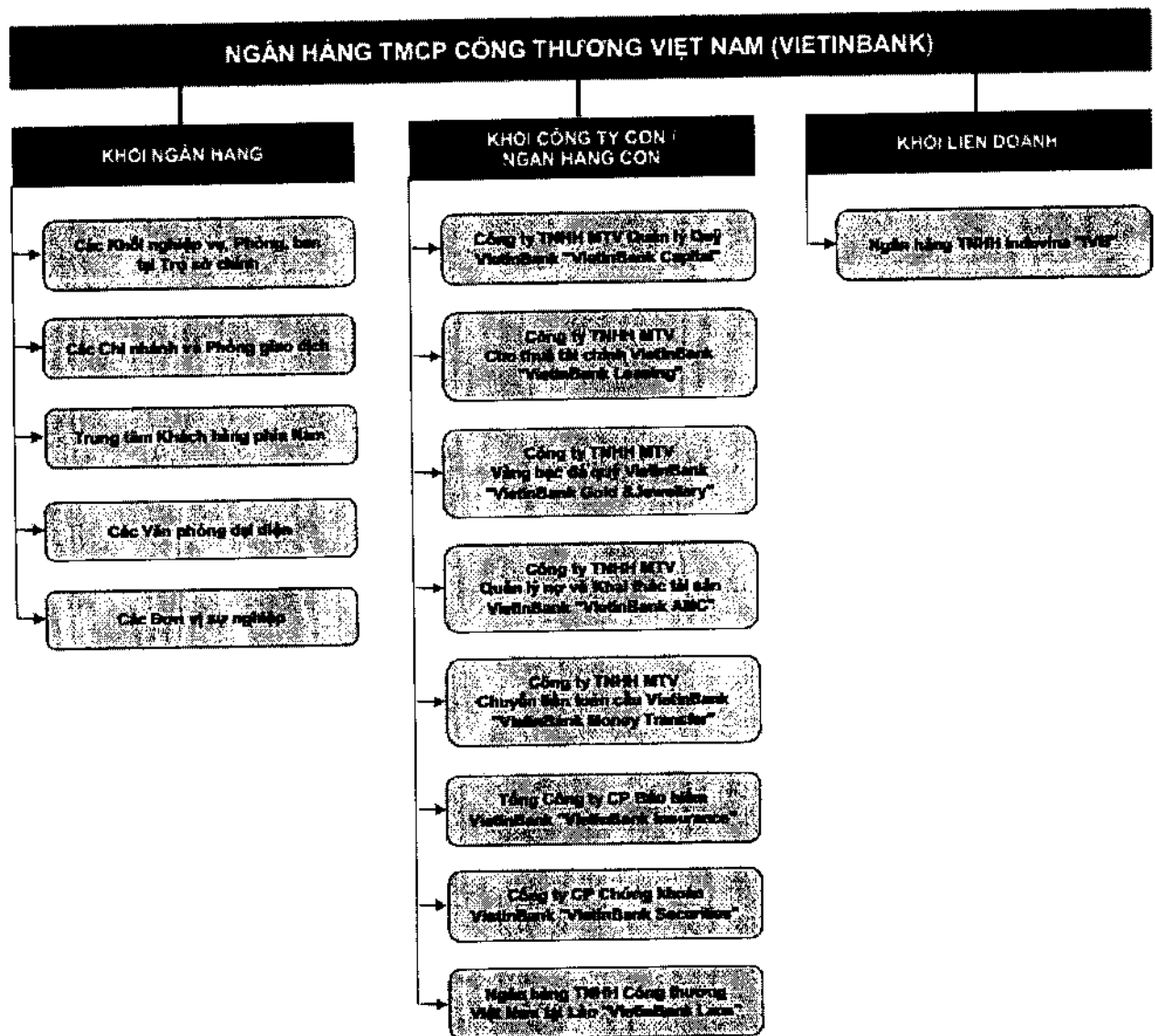
Kể từ khi cổ phần hóa và trở thành công ty đại chúng với số VDL là 11.252.972.800.000 đồng, tính đến thời điểm lập Bản Cáo Bạch này, VietinBank đã thực hiện 7 lần tăng vốn với số VDL hiện tại là 48.057.506.090.000 đồng, chi tiết như sau:

TT	Thời gian tăng vốn	Số vốn tăng thêm (đồng)	VDL sau phát hành (đồng)	Hình thức phát hành	Số lượng cổ phiếu phát hành thêm (cổ phiếu)	Cơ sở pháp lý
1	18/10/2010	3.919.318.410.000	15.172.291.210.000	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2009 (tỷ lệ 6,83%) và chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu (tỷ lệ 28%)	391.931.841	- Nghị quyết số 02/2009/NQ-ĐHĐCĐ ngày 18/12/2009 của ĐHĐCĐ VietinBank; - Văn bản số 3679/NHNN-TTGSNH ngày 19/5/2010 của NHNN về chấp thuận tăng vốn; - Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng số 651/UBCK-GCN ngày 24/8/2010 của UBCKNN; - GCNĐKDN số 0100111948 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 20/10/2010. - Công văn số 876/CV-HĐQT-NHCT26 ngày 25/10/2010 của VietinBank về Báo cáo kết quả tăng vốn điều lệ năm 2010.
2	10/03/2011	1.685.810.130.000	16.858.101.340.000	Chào bán cổ phiếu riêng lẻ cho IFC và Quỹ đầu tư cấp vốn IFC (tỷ lệ 10%)	168.581.013	- Nghị quyết số 03/NQ-ĐHĐCĐ ngày 04/04/2010 của ĐHĐCĐ thường niên năm 2010 của VietinBank; - Văn bản số 822/NHNN-TTGSNH ngày 24/01/2011 của NHNN về chấp thuận tăng vốn; - GCNĐKDN số 0100111948 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 10/03/2011.
3	28/12/2011	3.371.620.270.000	20.229.721.610.000	Chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu (tỷ lệ 20%)	337.162.027	- Nghị quyết số 04/NQ-ĐHĐCĐ ngày 31/5/2011 của ĐHĐCĐ VietinBank; - Văn bản số 8956/NHNN-TTGSNH ngày 18/11/2011 của NHNN về chấp thuận tăng vốn; - Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng số 118/UBCK-GCN ngày 18/11/2011 của UBCKNN; - GCNĐKDN số 0100111948 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp đăng ký thay đổi lần thứ 5 cho VietinBank vào ngày 28/12/2011; - Báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu của VietinBank ký ngày 28/12/2011
4	09/04/2012	5.987.823.760.000	26.217.545.370.000	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2011 (tỷ lệ 20%) và phát hành cổ phiếu thưởng (tỷ lệ 9,6%) cho cổ đông hiện hữu	598.782.376	- Nghị quyết số 05/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/02/2012 của ĐHĐCĐ thường niên năm 2012 của VietinBank; - Văn bản số 1633/NHNN-TTGSNH ngày 21/03/2012 của NHNN về chấp thuận tăng vốn; - Thông báo ngày 21/3/2012 của UBCKNN về việc đã nhận đủ hồ sơ báo cáo phát hành cổ phiếu; - GCNĐKDN số 0100111948 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp đăng ký sửa

TT	Thời gian tăng vốn	Số vốn tăng thêm (đồng)	VĐL sau phát hành (đồng)	Hình thức phát hành	Số lượng cổ phiếu phát hành thêm (cổ phiếu)	Cơ sở pháp lý
						<ul style="list-style-type: none"> đổi cho VietinBank vào ngày 13/04/2012. - Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2011 và thưởng cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu của VietinBank ký ngày 09/04/2012.
5	14/05/2013	6.443.898.110.000	32.661.443.480.000	Chào bán cổ phần riêng lẻ (tỷ lệ 19,73%) cho BTMU, nay là MUFG Bank	644.389.811	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị quyết số 07/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/02/2013 của ĐHĐCĐ bất thường năm 2013 của VietinBank; - Văn bản số 1812/NHNN-TTGSNH ngày 19/03/2013 của NHNN về chấp thuận tăng vốn; - GCNĐKDN số 0100111948 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp đăng ký sửa đổi lần thứ 8 cho VietinBank vào ngày 14/05/2013.
6	14/10/2013	4.572.602.080.000	37.234.045.560.000	Chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu (tỷ lệ 14%)	457.260.208	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị quyết số 09/NQ-ĐHĐCĐ ngày 13/7/2013 của ĐHĐCĐ bất thường lần 2 năm 2013 của VietinBank; - Văn bản số 5832/NHNN-TTGSNH ngày 15/8/2013 của NHNN về chấp thuận tăng vốn; - Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng số 37/UBCK-GCN ngày 26/08/2013 của UBCKNN; - Báo cáo số 1173/HĐQT-NHCT55 ngày 14/10/2013 của VietinBank về kết quả chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu; - GCNĐKDN số 0100111948 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp đăng ký sửa đổi lần thứ 9 cho VietinBank vào ngày 22/10/2013.
7	08/07/2021	10.823.460.530.000	48.057.506.090.000	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2017, 2018 và 2019 (tỷ lệ 29,0695%) cho cổ đông hiện hữu	1.082.346.053	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị quyết số 22/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/11/2020 của ĐHĐCĐ VietinBank; - Văn bản số 4142/NHNN-TTGSNH ngày 11/6/2021 của NHNN về chấp thuận tăng vốn; - Văn bản số 3074/UBCK-QLCB ngày 23/6/2021 của UBCKNN về phát hành cổ phiếu để trả cổ tức của VietinBank; - Báo cáo số 802/HĐQT-NHCT2.1 ngày 21/07/2021 của VietinBank về kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức; - Văn bản số 3890/UBCK-QLCB ngày 23/7/2021 của UBCKNN về báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức của VietinBank; - Quyết định số 1340/QĐ-NHNN ngày 20/8/2021 của NHNN về sửa đổi nội dung VĐL tại Giấy phép thành lập và hoạt động của VietinBank; - GCNĐKDN số 0100111948 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 08/09/2021.

(Nguồn: VietinBank)

2. Cơ cấu tổ chức của VietinBank



Nguồn: VietinBank

Tính đến thời điểm 29/10/2021, cơ cấu tổ chức của VietinBank bao gồm:

a. Khối Ngân hàng (Công ty mẹ) gồm có:

- 01 Trụ sở chính đặt tại số 108 Trần Hưng Đạo, Phường Cửa Nam, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội. Ngoài các cơ quan quản trị, giám sát và điều hành Ngân hàng (gồm HĐQT, Ban Kiểm soát và Ban Điều hành), trụ sở chính của VietinBank bao gồm các khối nghiệp vụ và các phòng ban, đơn vị chức năng liên quan;
- 157 Chi nhánh (gồm 155 Chi nhánh trong nước và 02 Chi nhánh nước ngoài tại Cộng hòa Liên bang Đức) và 958 phòng giao dịch trải khắp trên 63 tỉnh thành của cả nước;
- 01 Trung tâm Khách hàng phía Nam;
- 03 Văn phòng đại diện (gồm 02 văn phòng đại diện trong nước tại Đà Nẵng và Thành phố Hồ Chí Minh; và 01 văn phòng đại diện nước ngoài tại Myanmar);
- 09 Đơn vị sự nghiệp (gồm Trung tâm Tài trợ Thương mại; Trung tâm Thẻ; Trung tâm CNTT; Trường Đào tạo và Phát triển Nguồn nhân lực và 05 Trung tâm Quản lý Tiền mặt).

b. Khối Công ty con/Ngân hàng con

VietinBank có 07 công ty con và 01 ngân hàng con sở hữu trực tiếp, cụ thể như sau:

TT	Tên công ty con/ngân hàng con	Vốn điều lệ	Tỷ lệ sở hữu của VietinBank tại ngày 30/09/2021
1	Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ VietinBank (VietinBank Capital)	300 tỷ đồng	100%
2	Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính VietinBank (VietinBank Leasing)	1.000 tỷ đồng	100% (*)
3	Công ty TNHH MTV Vàng bạc đá quý VietinBank (VietinBank Gold & Jewellery)	200 tỷ đồng	100%
4	Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và Khai thác tài sản VietinBank (VietinBank AMC)	120 tỷ đồng	100%
5	Công ty TNHH MTV Chuyển tiền toàn cầu VietinBank (VietinBank Money Transfer)	50 tỷ đồng	100%
6	Tổng công ty CP Bảo hiểm VietinBank (VBI hoặc VietinBank Insurance)	666,67 tỷ đồng	73,37%
7	Công ty CP Chứng khoán VietinBank (VietinBank Securities)	1.064,37 tỷ đồng	75,61%
8	Ngân hàng TNHH Công thương Việt Nam tại Lào (VietinBank Laos)	50 triệu USD	100%

Nguồn: VietinBank

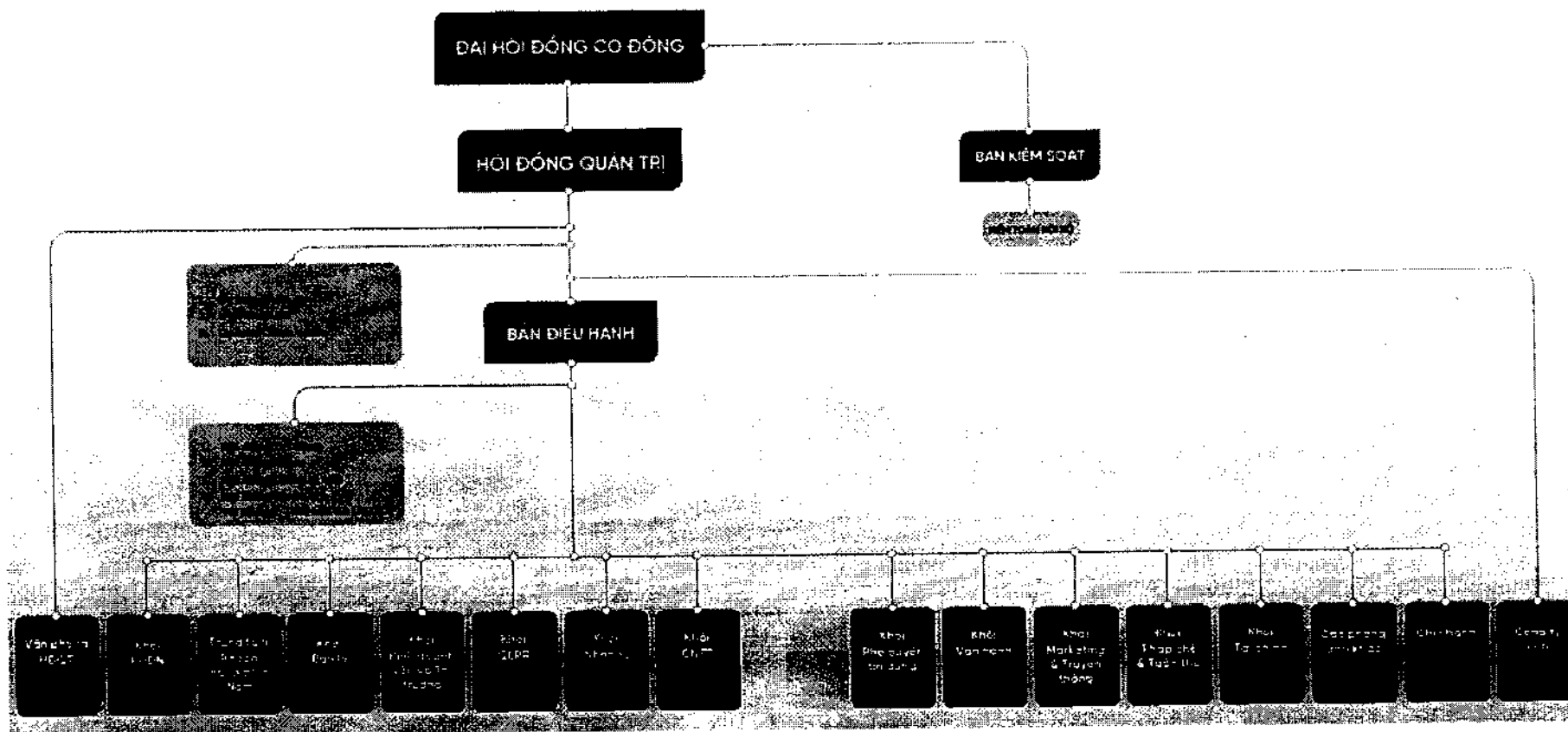
(*) Ghi chú: Ngày 22/06/2020, HĐQT VietinBank đã ban hành Nghị quyết số 231/NQ-HĐQT-NHCT2.1 về việc (i) phê duyệt việc chuyển nhượng 49% vốn điều lệ của VietinBank Leasing do VietinBank sở hữu cho Nhà đầu tư nước ngoài là Công ty Mitsubishi UFJ Lease & Finance và chuyển nhượng 01% vốn điều lệ của VietinBank Leasing do VietinBank sở hữu cho 01 Nhà đầu tư trong nước; và (ii) phê duyệt việc chuyển đổi hình thức pháp lý của VietinBank Leasing từ TCTD là công ty TNHH MTV thành TCTD là công ty TNHH hai thành viên trở lên sau khi hoàn thành việc chuyển nhượng một phần vốn điều lệ. Tuy nhiên, tại thời điểm ban hành Bản cáo bạch này, VietinBank đang trong quá trình thực hiện các thủ tục xin chấp thuận từ Cơ quan có thẩm quyền đối với việc chuyển đổi hình thức pháp lý của VietinBank Leasing.

c. Khối liên doanh

VietinBank có 01 công ty liên doanh là Ngân hàng TNHH Indovina (IVB), có vốn điều lệ là 193 triệu USD. Tỷ lệ sở hữu của VietinBank tại IVB là 50% vốn điều lệ.

[Phần cuối của trang này được cố tình bỏ trống để chuyển tiếp sang nội dung trang tiếp theo của Bản Cáo Bạch]

3. Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của VietinBank



Nguồn: VietinBank

3.1 Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ)

ĐHĐCĐ là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của VietinBank, bao gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết có tên trong danh sách đăng ký cổ đông. ĐHĐCĐ có thể được tổ chức thông qua cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên, ĐHĐCĐ bất thường hoặc lấy ý kiến bằng văn bản. ĐHĐCĐ quyết định tổ chức lại và giải thể Ngân hàng, quyết định định hướng hoạt động và phát triển của Ngân hàng, bổ nhiệm, miễn nhiệm thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát; quyết định sửa đổi, bổ sung điều lệ; quyết định các công việc khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ VietinBank.

3.2 Hội đồng quản trị (HĐQT)

HĐQT là cơ quan quản trị của Ngân hàng, có toàn quyền nhân danh VietinBank để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ liên quan đến mục đích, quyền lợi của ngân hàng, trừ các vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.

HĐQT chịu trách nhiệm trong việc xây dựng chiến lược của VietinBank và xác định các ưu tiên trong hoạt động kinh doanh của VietinBank, định hướng và kiểm soát công tác quản lý, đưa ra quyết định về những vấn đề không thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.

HĐQT do ĐHĐCĐ bầu ra. Chủ tịch HĐQT là người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng. Cơ cấu HĐQT hiện tại như sau:

1	Ông	Trần Minh Bình	- Chủ tịch HĐQT
2	Ông	Lê Thanh Tùng	- Thành viên HĐQT
3	Ông	Trần Văn Tân	- Thành viên HĐQT
4	Bà	Trần Thu Huyền	- Thành viên HĐQT
5	Ông	Masahiko Oki	- Thành viên HĐQT
6	Ông	Masashige Nakazono	- Thành viên HĐQT
7	Bà	Phạm Thị Thanh Hoài	- Thành viên HĐQT
8	Ông	Nguyễn Thế Huân	- Thành viên HĐQT
9	Bà	Nguyễn Thị Bắc	- Thành viên độc lập HĐQT

Các Ủy Ban trực thuộc HĐQT có chức năng tham mưu, giúp việc đối với các nội dung thuộc thẩm quyền HĐQT, bao gồm:

- Ủy ban Quản lý rủi ro
- Ủy ban Nhân sự
- Ủy ban Chính sách

3.3 Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát là cơ quan do ĐHĐCĐ bầu ra, thay mặt các cổ đông để giám sát một cách độc lập, khách quan và trung thực việc tuân thủ pháp luật trong việc quản trị và điều hành Ngân hàng, chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ trong việc thực hiện nhiệm vụ được giao. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ của mình, Ban Kiểm soát được sử dụng các quyền theo quy định của pháp luật và Điều lệ VietinBank. Ban Kiểm soát có vai trò thực hiện kiểm toán nội bộ, kiểm soát, đánh giá việc chấp hành quy định của pháp luật, quy định nội bộ, Điều lệ và nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ và HĐQT. Cơ cấu Ban kiểm soát hiện tại như sau:

1.	Bà	Lê Anh Hà	- Trưởng Ban Kiểm soát
2.	Bà	Nguyễn Thị Anh Thư	- Thành viên
3.	Bà	Phạm Thị Thơm	- Thành viên

3.4 Ban Điều hành

Ban Điều hành bao gồm Tổng Giám đốc (TGD) và các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, do HĐQT quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm và có sự thông qua của NHNN. TGD là người điều hành hoạt động hàng ngày của Ngân hàng. Cơ cấu Ban Điều hành hiện tại như sau:

- | | |
|----------------------------|---|
| 1. Ông Nguyễn Hoàng Dũng | - Phó Tổng Giám đốc phụ trách Ban Điều hành |
| 2. Ông Masahiko Oki | - Phó Tổng Giám đốc |
| 3. Ông Nguyễn Đức Thành | - Phó Tổng Giám đốc |
| 4. Ông Trần Công Quỳnh Lâm | - Phó Tổng Giám đốc |
| 5. Ông Nguyễn Đình Vinh | - Phó Tổng Giám đốc |
| 6. Bà Lê Như Hoa | - Phó Tổng Giám đốc |
| 7. Ông Nguyễn Hải Hưng | - Kế toán trưởng |

3.5 Các Hội đồng

- ❖ **Hội đồng Tín dụng (HĐTD):** Là bộ phận trực thuộc TGD, do TGD thành lập để thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của TGD liên quan đến công tác phê duyệt cấp tín dụng, cơ cấu lại thời hạn trả nợ một cách an toàn hiệu quả, phù hợp với quy định của pháp luật, quy định của NHNN; quy định nội bộ của VietinBank.
- ❖ **Hội đồng Quản lý Tài sản nợ - Tài sản có:** Tham mưu, giúp việc cho TGD nhằm đảm bảo cơ cấu Tài sản nợ - Tài sản có của VietinBank phù hợp với định hướng phát triển, khẩu vị rủi ro và các quy định khác của HĐQT; Tối đa hóa lợi nhuận theo định hướng phát triển của VietinBank; Kiểm soát rủi ro thanh khoản, rủi ro lãi suất trên sổ Ngân hàng, rủi ro thị trường của VietinBank ở mức hợp lý; Đảm bảo chính sách lãi suất, chính sách giá, chính sách điều chuyển vốn nội bộ của VietinBank hiệu quả, linh hoạt, phù hợp với diễn biến thị trường và kế hoạch kinh doanh của VietinBank.
- ❖ **Hội đồng Quản lý rủi ro (QLRR):** Tham mưu, giúp việc cho TGD nhằm đánh giá các chính sách QLRR để trình HĐQT; Xây dựng và thực thi các văn bản chính sách QLRR thuộc thẩm quyền TGD; Tham mưu cho TGD trình HĐQT xem xét, phê duyệt Hạn mức kiểm soát rủi ro thông qua Ủy ban Quản lý rủi ro; Tham mưu cho TGD phê duyệt Hạn mức rủi ro toàn hàng và Hạn mức rủi ro cấp khối và giám sát việc thực hiện; Giám sát trạng thái rủi ro của VietinBank; Đánh giá, nhận diện rủi ro trọng yếu đối với các SPDV có ảnh hưởng lớn đến trạng thái rủi ro, có nguy cơ dẫn đến vi phạm Hạn mức rủi ro toàn hàng; Đánh giá tác động của kịch bản căng thẳng lên Tổng tài sản tính theo các rủi ro trọng yếu và kết quả kiểm tra sức chịu đựng về thanh khoản, kế hoạch dự phòng thanh khoản; Tổ chức thực hiện, tham mưu cho TGD về giám sát việc xử lý, khắc phục các tồn tại, hạn chế về QLRR theo yêu cầu, kiến nghị của NHNN, tổ chức kiểm toán độc lập các cơ quan chức năng khác, Ban kiểm soát và phòng Kiểm toán nội bộ.
- ❖ **Hội đồng Quản lý vốn:** Tham mưu, giúp việc cho TGD trong công tác quản lý vốn, nhằm đảm bảo: VietinBank tuân thủ quy định về tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu của NHNN, các tổ chức xếp hạng tín nhiệm độc lập và cam kết với các đối tác liên quan; VietinBank duy trì tỷ lệ an toàn vốn mục tiêu trong kịch bản hoạt động bình thường và kịch bản có diễn biến bất lợi; Mức vốn phù hợp với khẩu vị rủi ro và các quy định khác của HĐQT trên cơ sở diễn biến của các rủi ro trọng yếu.

3.6 Các Khối nghiệp vụ

- ❖ **Khối KHDN:** Trực tiếp bán hàng với các khách hàng là Tập đoàn, Tổng công ty, KHDN quan trọng, phát triển hoàn thiện các sản phẩm phục vụ phân khúc KHDN đồng thời triển khai các chương trình khuyến mãi, chăm sóc khách hàng, thúc đẩy bán hàng, phối hợp với các khối kinh doanh khác thúc đẩy bán chéo SPDV.
- ❖ **Khối Bán lẻ:** Đầu mối xây dựng thị trường mục tiêu, khách hàng tiềm năng liên quan đến mảng bán lẻ trong chiến lược kinh doanh tổng thể; Hỗ trợ chi nhánh trong công tác bán hàng, chịu trách nhiệm quản lý hoạt động bán hàng liên quan đến khách hàng bán lẻ.
- ❖ **Khối Kinh doanh vốn và thị trường:** Là đơn vị tạo ra lợi nhuận, thực hiện quản lý, điều hành và tổ chức kinh doanh Sổ Kinh doanh và Sổ Ngân hàng; Thực hiện các nghiệp vụ bán hàng, giao dịch kinh doanh, tư vấn, môi giới, huy động vốn và đầu tư trên thị trường tiền tệ hoặc thị trường vốn trong và ngoài nước nhằm tối đa hóa lợi nhuận cho ngân hàng; đầu mối quản lý các đơn vị nhận vốn góp của VietinBank.

- ❖ **Khối Phê duyệt tín dụng:** Có chức năng tham mưu, giúp việc cho HĐQT và Ban điều hành trong việc kiểm soát thẩm định tín dụng đối với hồ sơ tín dụng của khách hàng trong hệ thống VietinBank, thực hiện phê duyệt tín dụng theo phân cấp thẩm quyền.
- ❖ **Khối Quản lý rủi ro:** Đóng vai trò là tuyến bảo vệ thứ hai, có nhiệm vụ xây dựng chính sách quản lý rủi ro, các quy định nội bộ về quản trị rủi ro; Theo dõi, giám sát và báo cáo độc lập đối với quá trình nhận diện, đo lường, quản lý, kiểm soát, ngăn ngừa toàn diện các loại rủi ro phát sinh trong hoạt động kinh doanh của hệ thống VietinBank đảm bảo phù hợp với khẩu vị rủi ro của VietinBank, tuân thủ quy định của pháp luật, VietinBank và phù hợp thông lệ quốc tế; Kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định nội bộ VietinBank.
- ❖ **Khối Pháp chế và Tuân thủ:** Tư vấn các vấn đề pháp lý liên quan đến tổ chức, quản lý và hoạt động kinh doanh của ngân hàng; Xây dựng các chính sách quản lý tuân thủ, giám sát và quản lý việc tuân thủ các quy định của pháp luật và các cam kết quốc tế của VietinBank bao gồm công tác Phòng chống rửa tiền, FATCA; Hỗ trợ hoặc xử lý các khoản nợ có vấn đề.
- ❖ **Khối Nhân sự:** Gồm 02 phòng chức năng và Trường Đào tạo, có chức năng tham mưu, giúp việc Ban lãnh đạo trong công tác hoàn thiện mô hình hoạt động, tổ chức, quản lý và phát triển nguồn nhân lực, mạng lưới trong hệ thống VietinBank; cung cấp các dịch vụ nhân sự, đào tạo cho cán bộ, người lao động.
- ❖ **Khối CNTT:** Có nhiệm vụ xây dựng chiến lược và kế hoạch phát triển CNTT phục vụ cho chiến lược phát triển kinh doanh SPDV và công tác quản trị, điều hành của VietinBank; đảm bảo hệ thống CNTT hoạt động thông suốt, ổn định và an toàn.
- ❖ **Khối Vận hành:** Có nhiệm vụ tổ chức, triển khai, quản lý và/hoặc xử lý tập trung các giao dịch thuộc các nghiệp vụ của ngân hàng; vận hành về nghiệp vụ các hệ thống công nghệ xử lý giao dịch nhằm đảm bảo thực thi chính xác, hiệu quả các quy trình nghiệp vụ, giao dịch của VietinBank; hỗ trợ khách hàng và thúc đẩy bán hàng thông qua các kênh điện tử và tổng đài Contact Center; xây dựng tiêu chuẩn quản lý chất lượng dịch vụ và giám sát công tác quản lý chất lượng của VietinBank.
- ❖ **Khối Marketing & Truyền thông:** Có nhiệm vụ xây dựng, triển khai và giám sát các hoạt động marketing truyền thông, thiết kế và giám sát tuân thủ hình ảnh, nhận diện thương hiệu của VietinBank; triển khai chiến lược hình ảnh/thương hiệu trong hệ thống và phát triển thương hiệu, hình ảnh, phát ngôn ra bên ngoài; nhận diện, phòng ngừa và xử lý rủi ro danh tiếng.
- ❖ **Khối Tài chính:** Thực hiện tập trung hóa công tác quản trị tài chính, đồng thời tổ chức chuyên môn hóa giữa các nhóm chức năng: (i) Quản lý hiệu quả hoạt động toàn hàng, (ii) Đối tác chiến lược tài chính, (iii) Quản lý cân đối vốn, (iv) Thuế, (v) Chính sách kế toán, (vi) Hạch toán kế toán, (vii) Báo cáo quản trị toàn hàng.

4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của VietinBank; Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ; Cơ cấu cổ đông

4.1 Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của VietinBank (tại ngày 29/10/2021)

STT	Tên cổ đông	GCNĐKDN/ Mã số giao dịch	Địa chỉ	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ
1	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	15/SL	49 Lý Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam	3.097.932.535	64,46%
2	MUFG Bank, Ltd.	CA6217	7-1, Marunouchi 2- Chome, Chiyoda-ku, Tokyo, 100-8388, Japan.	948.150.205	19,73%

(Nguồn: Danh sách cổ đông của VietinBank chốt tại ngày 29/10/2021 do VSD cấp)

4.2 Danh sách Cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ của VietinBank: Không có.

4.3 Cơ cấu cổ đông của VietinBank (tại thời điểm ngày 29/10/2021)

STT	Loại cổ phiếu và cổ đông	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ nắm giữ
I	Cổ phiếu phổ thông	4.805.750.609	100%
1	Cổ phiếu phổ thông do cổ đông trong nước nắm giữ	3.633.828.569	75,61%
	- Tổ chức	3.224.395.204	67,09%
	- Cá nhân	409.433.365	8,52%
2	Cổ phiếu phổ thông do cổ đông nước ngoài nắm giữ	1.171.922.040	24,39%
	- Tổ chức	1.168.531.836	24,32%
	- Cá nhân	3.390.204	0,07%
II	Cổ phiếu quỹ	0	0%
III	Cổ phiếu ưu đãi	0	0%
	Tổng cộng (= I + II + III)	4.805.750.609	100%

(Nguồn: Danh sách cổ đông của VietinBank chốt tại ngày 29/10/2021 do VSD cấp)

5. Danh sách các công ty mẹ và công ty con của VietinBank, các công ty mà VietinBank đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, các công ty nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với VietinBank

5.1. Danh sách công ty mẹ, công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với VietinBank:

VietinBank hiện có duy nhất 01 cơ quan nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối đối với VietinBank là Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN), cụ thể như sau:

- NHNN đóng vai trò là Cổ đông Nhà nước và là Cơ quan đại diện chủ sở hữu Nhà nước tại VietinBank.
- Trụ sở chính của NHNN đặt tại số 49 Lý Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.
- NHNN tiền thân là Ngân hàng Quốc gia Việt Nam, được thành lập vào ngày 06/05/1951 theo Sắc lệnh số 15/SL của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Ngày 26/10/1961, Ngân hàng Quốc gia Việt Nam được đổi tên thành Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
- Chức năng, nhiệm vụ và hoạt động chính:
 - NHNN là cơ quan ngang bộ của Chính phủ và là Ngân hàng trung ương của Việt Nam, thực hiện chức năng quản lý nhà nước về tiền tệ, hoạt động ngân hàng và ngoại hối; thực hiện chức năng Ngân hàng trung ương về phát hành tiền, ngân hàng của các TCTD và cung ứng dịch vụ tiền tệ cho Chính phủ.
 - Hoạt động của NHNN là nhằm ổn định giá trị đồng tiền; bảo đảm sự an toàn hoạt động ngân hàng và hệ thống các TCTD; bảo đảm sự an toàn, hiệu quả của hệ thống thanh toán quốc gia; góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.
- Vốn điều lệ: Không có, vì NHNN là cơ quan quản lý Nhà nước.
- Giá trị và tỷ lệ cổ phần nắm giữ của NHNN tại VietinBank (tại thời điểm 30/09/2021): 30.979.325.350.000 đồng, chiếm 64,46% vốn điều lệ.

5.2. Danh sách các công ty con, công ty mà VietinBank đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối (tại ngày 30/09/2021):

1	<p>Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (“VietinBank Capital”):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trụ sở chính: Tầng 6, Trung tâm thương mại Chợ Cửa Nam, 34 phố Cửa Nam, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội. - Ngày thành lập: 26/10/2010. - Giấy phép hoạt động: Số 50/UBCK-GP ngày 26/10/2010 và Giấy phép điều chỉnh 76/GPĐC-UBCK ngày 27/11/2020 của UBCKNN. - Vốn điều lệ đã đăng ký và thực góp của Công ty: 300 tỷ đồng. - Vốn đăng ký/Vốn thực góp của VietinBank tại Công ty: 300 tỷ đồng - HĐKD chính: Lập và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán; quản lý danh mục ủy thác đầu tư; tư vấn đầu tư chứng khoán và một số nghiệp vụ khác được pháp luật cho phép.
	- Tỷ lệ sở hữu của VietinBank tại Công ty: 100%.
2	<p>Tổng Công ty CP Bảo hiểm Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (“VietinBank Insurance / VBI”):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trụ sở chính: Tầng 10-11, Tòa nhà 126 Đội Cấn, quận Ba Đình, Hà Nội. - Ngày thành lập: 12/02/2008. - Giấy phép hoạt động: Số 21/GP/KDBH ngày 12/02/2002 và Giấy phép điều chỉnh số 21/GPĐC29/KDBH ngày 12/11/2020 của Bộ Tài chính. - Vốn điều lệ đã đăng ký và thực góp của Công ty: 666.666.670.000 đồng. - Vốn đăng ký/Vốn thực góp của VietinBank tại Công ty: 489.150.000.000 đồng - HĐKD chính: Kinh doanh bảo hiểm phi nhân thọ, tái bảo hiểm và đầu tư tài chính.
	- Tỷ lệ sở hữu của VietinBank tại Công ty: 73,37%.
3	<p>Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (“VietinBank Leasing”):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trụ sở chính: 16 Phan Đình Phùng, quận Ba Đình, Hà Nội. - Ngày thành lập: 26/01/1998 (theo Quyết định số 53/1998/QĐ-NHNN5 của NHNN) - GCNĐKKD: Số 0101047075 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 31/8/2009, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 05/11/2020 - Vốn điều lệ đã đăng ký và thực góp của Công ty: 1.000 tỷ đồng - Vốn đăng ký/Vốn thực góp của VietinBank tại Công ty: 1.000 tỷ đồng

	- HDKD chính:	Cho thuê tài chính đối với các doanh nghiệp, cá nhân, hộ gia đình, các tổ chức khác thuộc đối tượng cho vay vốn của TCTD theo quy định của pháp luật.
	- Tỷ lệ sở hữu của VietinBank tại Công ty:	100%. <i>Ghi chú: Ngày 22/06/2020, HĐQT VietinBank đã ban hành Nghị quyết số 231/NQ-HĐQT-NHCT2.1 v/v (i) phê duyệt việc chuyển nhượng 49% VDL của VietinBank Leasing cho Công ty Mitsubishi UFJ Lease & Finance và chuyển nhượng 01% VDL của VietinBank Leasing cho 01 nhà đầu tư trong nước; và (ii) phê duyệt việc chuyển đổi hình thức pháp lý của VietinBank Leasing từ TCTD là công ty TNHH MTV thành TCTD là công ty TNHH hai thành viên trở lên sau khi hoàn thành việc chuyển nhượng. Tuy nhiên, VietinBank hiện vẫn đang thực hiện các thủ tục xin chấp thuận từ Cơ quan có thẩm quyền về việc chuyển đổi hình thức pháp lý của VietinBank Leasing.</i>
4	Công ty CP Chứng khoán Ngân hàng Công Thương Việt Nam (“VietinBank Securities”):	
	- Trụ sở chính:	306 Bà Triệu, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.
	- Ngày thành lập:	01/09/2000 (theo Quyết định số 126/QĐ-HĐQT-NHCT1 của HĐQT VietinBank)
	- Giấy phép hoạt động:	Số 107/UBCK-GP ngày 01/7/2009 và Giấy phép điều chỉnh số 25/GPĐC-UBCK ngày 25/5/2020 của UBCKNN.
	- Vốn điều lệ đã đăng ký và thực góp của Công ty:	1.064.365.760.000 đồng
	- Vốn đăng ký/Vốn thực góp của VietinBank tại Công ty:	597.232.000.000 đồng
	- HDKD chính:	Môi giới chứng khoán; tự doanh chứng khoán; bảo lãnh phát hành, tư vấn đầu tư, tư vấn tài chính, lưu ký chứng khoán và các nghiệp vụ khác theo quy định của pháp luật.
	- Tỷ lệ sở hữu của VietinBank tại Công ty:	75,61%.
5	Công ty TNHH MTV Vàng bạc Đá quý Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (“VietinBank Gold & Jewellery”):	
	- Trụ sở chính:	Tầng 2 Tòa nhà Hoàng Thành, 114 Mai Hắc Đế, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.
	- Ngày thành lập:	15/09/2010 (theo Quyết định số 1521/QĐ-HĐQT-NHCT1 của HĐQT VietinBank)
	- GCNĐKKD:	Số 0105011873 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 25/11/2010, thay đổi lần 7 ngày 22/7/2019.
	- Vốn điều lệ đã đăng ký và thực góp của Công ty:	200 tỷ đồng
	- Vốn đăng ký/Vốn thực góp của VietinBank tại Công ty:	200 tỷ đồng
	- HDKD chính:	Kinh doanh vàng, bạc, đá quý và các kim loại quý khác theo quy định của pháp luật.
	- Tỷ lệ sở hữu của VietinBank tại Công ty:	100%.

6	<p>Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và Khai thác tài sản Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam “VietinBank AMC”:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trụ sở chính: 76 Nguyễn Văn Cừ, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. - Ngày thành lập: 10/07/2000. - GCNĐKKD: Số 0302077030 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 20/07/2010, thay đổi lần 5 ngày 24/11/2017. - Vốn điều lệ đã đăng ký và thực góp của Công ty: 120 tỷ đồng - Vốn đăng ký/Vốn thực góp của VietinBank tại Công ty: 120 tỷ đồng - HDKD chính: Quản lý nợ và khai thác tài sản; định giá tài sản; tiếp nhận và xử lý nợ, tài sản cầm cố, thế chấp, bảo lãnh; cho thuê tài sản; mua bán nợ theo quy định của pháp luật.
	<ul style="list-style-type: none"> - Tỷ lệ sở hữu của VietinBank tại Công ty: 100%
7	<p>Công ty TNHH MTV Chuyển tiền Toàn cầu Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam “VietinBank Money Transfer”:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trụ sở chính: Tầng 3, Tòa nhà VietinBank, 126 Đội Cấn, Quận Ba Đình, Hà Nội. - Ngày thành lập: 03/01/2012. - GCNĐKKD: Số 0105757686 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố. Hà Nội cấp ngày 03/01/2012, thay đổi lần 1 ngày 13/3/2015. - Vốn điều lệ đã đăng ký và thực góp của Công ty: 50 tỷ đồng - Vốn đăng ký/Vốn thực góp của VietinBank tại Công ty: 50 tỷ đồng - HDKD chính: Kinh doanh dịch vụ chuyển tiền, dịch vụ thu đổi ngoại tệ và các dịch vụ kiều hối khác theo quy định của pháp luật.
	<ul style="list-style-type: none"> - Tỷ lệ sở hữu của VietinBank tại Công ty: 100%.
8	<p>Ngân hàng TNHH Công Thương Việt Nam tại Lào (“VietinBank Laos”):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trụ sở chính: Số 268 đường Langxang, phường Hatsady, quận Chanthabouly, Thủ đô Vientian, CHDCND Lào. - Ngày thành lập: 03/02/2012. - Giấy phép đầu tư: Số 4116/ERO ngày 10/11/2011 và Giấy phép đầu tư sửa đổi số 512/BLA ngày 13/07/2015 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư Nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào cấp. - Giấy phép hoạt động: Giấy phép thành lập Chi nhánh ngân hàng nước ngoài số 068/BOL ngày 27/01/2012 và Giấy phép chuyển đổi thành ngân hàng con số 068/BOL ngày 08/07/2015 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Lào. - Vốn điều lệ đã đăng ký và thực góp của Công ty: 50 triệu USD - Vốn đăng ký/Vốn thực góp của VietinBank tại Công ty: 50 triệu USD (giá gốc quy đổi là 1.083.650 triệu đồng)

	- HĐKD chính:	Kinh doanh ngân hàng và các hoạt động, nghiệp vụ được phép tiến hành đăng ký kinh doanh, đầu tư ra nước ngoài theo quy định của pháp luật Việt Nam và theo Giấy phép hoạt động do NHNN Lào cấp.
	- Tỷ lệ sở hữu của VietinBank tại Công ty:	100%
9	Ngân hàng TNHH Indovina (“IVB”):	
	- Trụ sở chính:	97A Nguyễn Văn Trỗi, phường 12, quận Phú Nhuận, Thành phố. Hồ Chí Minh.
	- Ngày thành lập:	21/11/1990 (theo Giấy phép Đầu tư số 135/GP của Ủy ban Nhà nước về Hợp tác)
	- Giấy phép thành lập và hoạt động:	Số 101/GP-NHNN do NHNN cấp ngày 11/11/2019, thay thế cho Giấy phép hoạt động ngân hàng liên doanh số 08/NH-GP do NHNN cấp ngày 29/10/1992.
	- Lĩnh vực hoạt động:	Kinh doanh ngân hàng.
	- Vốn điều lệ đã đăng ký và thực góp của Công ty:	193 triệu USD
	- Vốn đăng ký/Vốn thực góp của VietinBank tại Công ty:	96,5 triệu USD (giá gốc quy đổi là 1.688.788 triệu đồng)
	- HĐKD chính:	Kinh doanh ngân hàng và các hoạt động, nghiệp vụ được phép tiến hành kinh doanh theo quy định của pháp luật và theo Giấy phép hoạt động do NHNN cấp.
	- Tỷ lệ sở hữu của VietinBank tại Công ty:	50%.

[Phần cuối của trang này được cố tình bỏ trống để chuyển tiếp sang nội dung trang tiếp theo của Bản Cáo Bạch]

6. Hoạt động kinh doanh của VietinBank

6.1 Ngành nghề kinh doanh chính của VietinBank

6.1.1. Chủng loại và chất lượng sản phẩm dịch vụ

SẢN PHẨM DỊCH VỤ CHO KHÁCH HÀNG CÁ NHÂN (KHCCN)

- (a) **Ngân hàng số:** Dịch vụ ngân hàng số của VietinBank hỗ trợ khách hàng thực hiện các giao dịch 24/24 tại bất cứ nơi đâu với một thiết bị kết nối Internet.
- **VietinBank iPay:** Là dịch vụ Ngân hàng số cho phép khách hàng thực hiện các giao dịch ngân hàng trên máy tính hay thiết bị di động có kết nối Internet, hỗ trợ khách hàng chủ động quản lý thông tin tài khoản và thực hiện giao dịch an toàn với nhiều hình thức bảo mật và xác thực với các chức năng chính: Quản lý tài chính cá nhân, Chuyển khoản, Gửi và tất toán tiết kiệm trực tuyến, Thanh toán hóa đơn trực tuyến, Trả nợ vay trực tuyến...
 - **VietinBank iPay Mobile:** Là ứng dụng Ngân hàng số trên điện thoại di động thông minh, cho phép khách hàng thực hiện nhiều giao dịch với hạn mức giao dịch cao phù hợp với nhu cầu của từng khách hàng. Bên cạnh việc sử dụng tất cả các chức năng của VietinBank iPay, VietinBank iPay Mobile còn có các tính năng vượt trội như: Thanh toán QRPay, Đặt vé máy bay, vé tàu, vé xe, Checkin vé máy bay, Mua vé xem phim, Mua sắm trực tuyến, Đặt mua và thanh toán bằng thẻ tín dụng...
 - **Bank Plus:** Là dịch vụ Ngân hàng số của VietinBank đối với khách hàng sử dụng sim điện thoại Viettel, hỗ trợ các chức năng: Chuyển khoản trong hệ thống VietinBank, Thanh toán hóa đơn Viettel và Truy vấn số dư tài khoản.
 - **SMS Banking:** Là dịch vụ Ngân hàng qua tin nhắn trên điện thoại di động, giúp khách hàng cập nhật tức thì các thông tin biến động số dư, biến động thông tin tài khoản hoặc thông báo đến hạn khoản vay.
- (b) **Tiền gửi**
- Tiền gửi không kỳ hạn:
 - Tiền gửi thanh toán: Là sản phẩm tiền gửi VND, USD, EUR cho khách hàng cá nhân với các tiện ích như: được gửi và rút tiền tại bất kỳ thời điểm và địa điểm giao dịch nào trong giờ giao dịch của ngân hàng; được sử dụng các dịch vụ tiện ích gia tăng: SMS Banking, Mobile Banking, Internet banking, thẻ ghi nợ nội địa (ATM)/ thẻ ghi nợ quốc tế (Visa Debit)...; được phát hành séc; được hưởng bảo hiểm tiền gửi bằng VND.
 - Tiết kiệm không kỳ hạn thông thường: Là sản phẩm tiền gửi VND, USD, EUR cho KHCCN với các tiện ích như: được gửi thêm hoặc rút tiền vào bất kỳ thời điểm và tại bất kỳ điểm giao dịch nào trong giờ giao dịch của ngân hàng; được nhận các khoản lãi đến hạn tự động; được cầm cố sổ/thẻ tiết kiệm để vay vốn; được mở tài khoản đồng chủ sở hữu hoặc chuyển quyền sở hữu; được lựa chọn phương thức thanh toán; được xác nhận số dư; được sử dụng các tiện ích gia tăng khác; được bảo mật tuyệt đối; được bảo hiểm tiền gửi bằng VND.
 - Tiết kiệm có kỳ hạn:
 - Tiết kiệm có kỳ hạn thông thường: Là sản phẩm tiền gửi có kỳ hạn cho KHCCN với tiền VND, USD, EUR với các tiện ích như: gửi/tất toán tại bất kỳ điểm giao dịch của VietinBank, được nhận các khoản lãi đến hạn tự động; được bảo hiểm tiền gửi bằng VND; được mở tài khoản đồng chủ sở hữu hoặc chuyển quyền sở hữu; có thể ủy quyền cho người khác lĩnh lãi và rút tiền tiết kiệm; được sử dụng để cầm cố vay vốn tại ngân hàng; được xác nhận số dư tiền gửi cho các mục đích hợp pháp; được lựa chọn phương thức thanh toán lãi/gốc.
 - Tiền gửi ưu đãi tỷ giá: Là sản phẩm tiền gửi dành cho khách hàng bán ngoại tệ tại VietinBank để gửi tiết kiệm bằng đồng Việt Nam với số tiền gửi tối thiểu bằng số tiền ngoại tệ quy đổi ra VND. Ngoại tệ của khách hàng được mua với tỷ giá ưu đãi so với tỷ giá niêm yết, đồng thời khoản tiền gửi tiết kiệm VND được hưởng lãi suất ưu đãi so với lãi suất tiền gửi TK thông thường, được bảo hiểm tiền gửi bằng VND.
 - GTCG gồm: Kỳ phiếu, chứng chỉ tiền gửi, trái phiếu được VietinBank phát hành trong từng

thời kỳ với mức lãi suất hấp dẫn và cạnh tranh, được chuyển nhượng và cầm cố GTCG để vay vốn hoặc bảo lãnh cho người thứ 3 vay vốn tại VietinBank hoặc các TCTD khác.

- Tiết kiệm trực tuyến: Là sản phẩm tiết kiệm VND cho KHCN với kỳ hạn từ 1 đến 12 tháng, lãi suất được hưởng cao hơn lãi suất tiết kiệm tại quầy, được gửi và tất toán mọi lúc mọi nơi, an toàn và bảo mật.

(c) Thẻ

VietinBank cung cấp đa dạng các loại thẻ và dịch vụ thẻ cho KHCN và KHDN. Ngoài việc cung cấp dịch vụ thanh toán truyền thống như Rút tiền, chuyển khoản liên ngân hàng tại ATM, Thanh toán mua bán hàng hóa dịch vụ qua máy cà thẻ POS/mPOS, VietinBank hỗ trợ nhiều dịch vụ tiện ích như: Dịch Vụ Thanh Toán Trực Tuyến; Dịch Vụ Nộp Tiền Vào Tài Khoản Tại ATM Deposit; Dịch Vụ SMS Banking; Dịch Vụ Gửi Tiết Kiệm Tại ATM; Dịch Vụ Rút Tiền Không Dùng Thẻ; Dịch vụ Thanh toán hóa đơn, Dịch vụ Tự động thu nợ khoản vay, Tự động thu nợ thẻ tín dụng, Dịch vụ Trả lương qua thẻ, Dịch vụ thu học phí, Thu viện phí, Dịch Vụ Nhận Tiền Kiếu Hối Qua Thẻ ATM, Dịch Vụ nạp tiền vào điện thoại VNTOP UP. Các sản phẩm thẻ hiện nay của VietinBank cung cấp cho KHCN bao gồm:

- Thẻ ghi nợ nội địa: đa dạng theo từng đối tượng khách hàng: thẻ dành cho KH cao cấp VietinBank E-Partner Chip Contactless Premium, VietinBank E-Partner Chip Contactless, VietinBank E-Partner Vpay.
- Thẻ tín dụng nội địa: VietinBank iZero, Thẻ Tài chính cá nhân,
- Thẻ ghi nợ quốc tế: VietinBank Visa Debit Vpay, VietinBank Visa Debit Sống khỏe, Thẻ ghi nợ Quốc Tế Premium Banking, Visa Debit EMV USD, Visa Debit Sakura.
- Thẻ tín dụng quốc tế: VietinBank Mastercard Cashback, VietinBank Visa/ Mastercard/ JCB Platinum, Thẻ Visa Signature, Thẻ Tín Dụng Quốc Tế Premium Banking, Thẻ công ty Diners Club Corporate Card, Thashback, VietinBank Visa/ Mastercard/ JCB Platinum, Thẻ Visa Signature, Thẻ Tín Dụng Quốc Tế Premium Banking, Thẻ công ty tinum Vietnam Airlines; Thẻ Tín Dụng Quốc Tế VietinBank JCB Ultimate Vietnam Airlines; Thẻ Tín Dụng Visa Paywave SaigonCoop.
- Thẻ Quà tặng nội địa và Thẻ quà tặng quốc tế.

(d) Cho vay

Các sản phẩm cho vay do VietinBank cung cấp rất đa dạng, phong phú đặc biệt đối với các KHCN.

- Cho vay phục vụ nhu cầu đời sống: Vietinbank cung cấp đa dạng các sản phẩm cho vay để đáp ứng nhu cầu phục vụ đời sống của khách hàng: Cho vay mua, xây dựng sửa chữa nhà ở và nhận quyền sử dụng đất; Cho vay mua nhà dự án; Cho vay mua nhà ở xã hội; Cho vay mua ô tô; Gói sản phẩm cho vay du học; Cho vay phục vụ nhu cầu đời sống CBNV; Cho vay phát hành thẻ tài chính cá nhân; Cho vay thấu chi phục vụ nhu cầu đời sống; Cho vay có bảo đảm đầy đủ bằng tài sản có tính thanh khoản cao...
- Cho vay SXKD: là giải pháp tài chính đối với các KHCN phục vụ hoạt động kinh doanh với các nhu cầu đa dạng như: Cho vay phục vụ phát triển Nông nghiệp Nông thôn; Cho vay phát triển thủy sản theo Nghị định 67; Cho vay phục vụ hoạt động đầu tư/kinh doanh nhà hàng, khách sạn; Cho vay đầu tư, xây dựng địa điểm kinh doanh; Cho vay nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà, xây dựng, sửa chữa nhà để ở và kinh doanh một phần; Cho vay đầu tư bất động sản nghỉ dưỡng và căn hộ dịch vụ; Cho vay Hợp tác kinh doanh thuốc; Cho vay kinh doanh tại chợ; Cho vay Sản xuất, kinh doanh nhỏ lẻ; Cho vay SXKD siêu nhỏ; Cho vay mua ô tô; Cho vay thấu chi SXKD; Cho vay cầm cố bảo đảm đầy đủ bằng số dư tiền gửi, sổ tiết kiệm, GTCG phục vụ mục đích SXKD; Cho vay ứng trước tiền bán chứng khoán...

(e) Bảo hiểm

- Bảo hiểm Phi nhân thọ: VietinBank liên kết chặt chẽ cùng Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (VBI) cung cấp các sản phẩm bảo hiểm hấp dẫn, đa dạng, đáp ứng mọi nhu cầu của KHCN như: Bảo hiểm Sức khỏe, Bảo hiểm Người vay vốn,

Bảo hiểm Tai nạn cá nhân, Bảo hiểm Ô tô, Bảo hiểm Xe máy, Bảo hiểm Nhà tư nhân, Bảo hiểm Du lịch (trong nước và quốc tế), Bảo hiểm thẻ, Bảo hiểm Ung thư, Bảo hiểm trẻ chuyên bay,... Khách hàng có thể dễ dàng lựa chọn và tham gia sản phẩm tại tất cả các Chi nhánh VietinBank trên toàn quốc, cũng như có thể mua trực tuyến và được hỗ trợ giải pháp khai báo bồi thường online qua ứng dụng app My VBI. VietinBank và VBI tự hào là đơn vị tiên phong trong việc ứng dụng CNTT nhằm mang đến những trải nghiệm tuyệt vời cho Khách hàng trong quá trình tham gia sản phẩm.

- Bảo hiểm Nhân thọ: VietinBank hợp tác với Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ Aviva Việt Nam (Aviva) cung cấp các giải pháp Tài chính - Bảo hiểm toàn diện, ưu việt cho Khách hàng. Danh mục sản phẩm đa dạng, linh hoạt, phù hợp với nhu cầu của tất cả các Khách hàng để xây dựng các kế hoạch tài chính từ khi mới đi làm cho tới khi hưu trí như: các sản phẩm bảo hiểm liên kết Đầu tư giúp khách hàng tạo dựng tài sản và đầu tư sinh lời hiệu quả, các sản phẩm bảo hiểm Giáo dục giúp tích lũy đảm bảo cho tương lai học vấn của con trẻ, các sản phẩm Bảo vệ giúp khách hàng an tâm trước những rủi ro trong cuộc sống, cùng với đó là nhóm sản phẩm bảo hiểm hỗ trợ y tế, chăm sóc sức khỏe giúp bảo vệ cho cả gia đình của khách hàng.

SẢN PHẨM DỊCH VỤ CHO KHÁCH HÀNG DOANH NGHIỆP (KHDN)

Là ngân hàng lớn, giữ vai trò chủ đạo, trụ cột trong hệ thống NHMT tại Việt Nam, VietinBank cung cấp SPDV tài chính ngân hàng hiện đại, tiện ích, tiêu chuẩn quốc tế. VietinBank luôn song hành với sự đổi mới của nền kinh tế, góp phần nâng cao năng lực SXKD và khả năng cạnh tranh của các doanh nghiệp, trở thành địa chỉ tin cậy cung ứng vốn cho các dự án trọng điểm quốc gia, các ngành kinh tế mũi nhọn của đất nước trong bối cảnh hội nhập kinh tế.

VietinBank luôn nỗ lực mang đến những giải pháp tài chính toàn diện cùng phong cách phục vụ chuyên nghiệp, hiệu quả, đáp ứng tốt nhất nhu cầu đa dạng của các KHDN.

(a) Tiền gửi

VietinBank cung cấp đa dạng các SPDV tiền gửi và dịch vụ quản lý tài khoản, cho phép doanh nghiệp quản lý dòng tiền một cách chính xác, hiệu quả, qua đó tối ưu khả năng sinh lời của nguồn vốn nhàn rỗi cũng như đáp ứng nhu cầu thanh toán, chỉ tiêu phục vụ hoạt động SXKD của doanh nghiệp.

- *Tiền gửi trên tài khoản thanh toán*: Cho phép doanh nghiệp thực hiện gửi/rút tiền mặt, thực hiện các giao dịch thanh toán chuyển khoản tới các đối tác trong/ngoài nước thuận tiện, nhanh chóng.
- *Tiền gửi có kỳ hạn*: Doanh nghiệp chủ động lựa chọn kỳ hạn gửi tiền và hình thức linh lãi đa dạng, phù hợp với kế hoạch sử dụng vốn của doanh nghiệp.
- *Tiền gửi ký quỹ*: Xác nhận cho doanh nghiệp về khoản tiền đã ký quỹ tại VietinBank để chứng minh năng lực tài chính trong các lĩnh vực/ngành nghề/dịch vụ mà pháp luật Việt Nam quy định phải ký quỹ.
- *Đầu tư tiền gửi có kỳ hạn tự động*: Định kỳ theo tần suất thỏa thuận, VietinBank tự động chuyển số dư từ tài khoản thanh toán của doanh nghiệp sang đầu tư Tiền gửi có kỳ hạn và ngược lại.

(b) Cho vay

Là một trong những ngân hàng có quy mô VCSH lớn nhất Việt Nam, sở hữu hệ thống chi nhánh, điểm giao dịch rộng khắp trên toàn quốc cùng đội ngũ nhân viên tận tình, chuyên nghiệp, VietinBank cam kết đem tới những giải pháp tài chính đa dạng, linh hoạt đáp ứng tối ưu nhu cầu vốn ngắn hạn cũng như vốn trung dài hạn của doanh nghiệp. VietinBank tự hào là đối tác tin cậy giúp hiện thực hóa các mục tiêu kinh doanh của doanh nghiệp.

- Cho vay ngắn hạn: VietinBank đáp ứng nhanh chóng, kịp thời nhu cầu vay vốn lưu động trên cơ sở thấu hiểu dòng tiền và kế hoạch SXKD của doanh nghiệp:
 - Cho vay vốn lưu động: Đáp ứng mọi nhu cầu vốn lưu động thường xuyên, hợp pháp cho hoạt động SXKD của doanh nghiệp.
 - Cho vay thấu chi: Cho phép doanh nghiệp chi vượt số tiền có trên tài khoản tiền gửi thanh toán nhằm đáp ứng kịp thời phần vốn thiếu hụt tạm thời trong thanh toán.

- Cho vay thanh toán UPAS LC: Cho phép doanh nghiệp xuất khẩu thanh toán trả ngay cho Người hưởng LC khi xuất trình được bộ chứng từ hợp lệ.
- Các sản phẩm tài trợ theo chuỗi dành cho doanh nghiệp chính và các nhà cung cấp, nhà phân phối: VietinBank luôn cố gắng đi đầu trong việc chuyên biệt hóa sản phẩm phục vụ cho từng đối tượng khách hàng và các sản phẩm có hàm lượng công nghệ cao, trong đó từ mỗi quan hệ hợp tác chiến lược với các doanh nghiệp chính, cung cấp các giải pháp hỗ trợ tài chính cho các nhà phân phối/nhà cung cấp của doanh nghiệp chính.
- Cho vay trung và dài hạn: VietinBank đồng hành và tài trợ nguồn vốn trung dài hạn dành cho doanh nghiệp để đầu tư dự án hay mở rộng hoạt động SXKD.
 - Cho vay đầu tư dự án: Đáp ứng nhu cầu vốn trung và dài hạn dành cho doanh nghiệp để thực hiện các dự án đầu tư mới hoặc dự án nâng cấp, mở rộng SXKD.
 - Cho vay hợp vốn: VietinBank cùng một hoặc một số TCTD khác thực hiện cho vay đối với một dự án vay vốn hoặc phương án vay vốn của doanh nghiệp.
 - Cho vay chuyên biệt: VietinBank cung cấp đa dạng giải pháp, đáp ứng linh hoạt nhu cầu vay vốn chuyên biệt của doanh nghiệp.
 - Cho vay mua xe ô tô: Đáp ứng nhu cầu mua ô tô của doanh nghiệp với mục đích đầu tư tài sản cố định phục vụ hoạt động SXKD, nhu cầu đi lại hay kinh doanh vận tải.

(c) Dịch vụ thanh toán và Quản lý dòng tiền

VietinBank cung cấp đa dạng kênh giao dịch, đáp ứng tối ưu mọi nhu cầu thanh toán và quản lý dòng tiền của cá nhân và doanh nghiệp. Dịch vụ thanh toán và quản lý dòng tiền của VietinBank hỗ trợ doanh nghiệp:

- Thanh toán, chuyển tiền: VietinBank cung cấp dịch vụ thanh toán, chuyển tiền trong nước và quốc tế một cách nhanh chóng và chính xác, giao dịch thuận tiện tại bất kỳ điểm giao dịch hoặc các kênh thanh toán hiện đại (internet banking, mobile banking...) của VietinBank;
- Quản lý khoản phải thu: Với hệ thống mạng lưới rộng khắp, những sản phẩm thu hộ của VietinBank giúp đưa dòng tiền của khách hàng về tài khoản tại VietinBank nhanh chóng, thuận tiện và chính xác nhất. Các dịch vụ quản lý khoản phải thu cơ bản: Thu hộ học phí, thu hộ nhà cung cấp, ủy nhiệm thu, thu hộ xổ số, thu hộ hàng không, thu hộ viện phí, thu hộ công ty tài chính, thu hộ Tổng liên đoàn lao động...
- Quản lý khoản phải chi: Với công nghệ hiện đại tiên tiến, mạng lưới rộng khắp cùng mối quan hệ gắn kết lâu năm, VietinBank đã kết nối hệ thống với những nhà cung cấp dịch vụ, Kho bạc, cơ quan BHXH,... để có thể cung cấp những dịch vụ thanh toán tiện ích nhất cho khách hàng qua các kênh thanh toán của VietinBank. Các dịch vụ chi hộ cơ bản cho các công ty chứng khoán, công ty bảo hiểm, công ty tài chính, chi hộ NSNN, chi hộ quỹ BHYT, chi lương...
- Quản lý dòng tiền tập trung: Là sản phẩm hỗ trợ doanh nghiệp quản lý nguồn thu – chi từ các đơn vị thành viên, tối ưu nhu cầu quản lý dòng tiền của khách hàng, đảm bảo sinh lời và có hiệu quả cao nhất, tiết kiệm chi phí quản lý, dễ dàng thu thập số liệu phục vụ công tác kế toán qua các báo cáo do VietinBank cung cấp.
- Nộp Ngân sách Nhà nước: Với hệ thống kết nối trực tiếp với Tổng Cục Thuế và Tổng Cục Hải Quan, VietinBank có thể hỗ trợ doanh nghiệp thực hiện nghĩa vụ nộp thuế nội địa và thuế xuất nhập khẩu một cách nhanh chóng, thuận tiện thông qua các hình thức đa dạng và tiện ích như tại các quầy giao dịch của VietinBank, qua Internet Banking, qua cổng thông tin của Tổng Cục Thuế. Trong những năm qua, VietinBank đã tích cực phối hợp với Kho bạc Nhà nước, Tổng cục Thuế, Tổng cục Hải quan ứng dụng công nghệ triển khai nhiều giải pháp nộp thuế tiện ích cho khách hàng như: nộp thuế điện tử, nộp thuế hải quan điện tử và thông quan 24/7, hải quan điện tử nhờ thu...đáp ứng xử lý tự động các yêu cầu nộp thuế của cá nhân, doanh nghiệp, mọi lúc, mọi nơi.
- Thu phí, lệ phí hàng hóa xuất nhập khẩu cho các Sở/ban/ngành kết nối với Cổng một cửa quốc gia: Với mong muốn đẩy nhanh tiến độ thông quan hàng hóa, tiết kiệm chi phí lưu kho, lưu bãi

cho các doanh nghiệp, VietinBank đã tiên phong phối hợp với Tổng cục Hải quan xây dựng giải pháp và triển khai dịch vụ thu phí, lệ phí cho các cơ quan quản lý có kết nối trao đổi thông tin điện tử với Cổng một cửa quốc gia. Giải pháp đã được triển khai thành công cho việc thu phí sử dụng kết cấu hạ tầng cửa khẩu, cảng biển tại Hải Phòng, là cơ sở để tiếp tục phối hợp triển khai cho các Sở/ban/ngành.

- Thu phí, lệ phí dịch vụ hành chính công và nộp thuế trên Cổng dịch vụ Công quốc gia: Triển khai chỉ đạo của Chính phủ trong việc đẩy mạnh thanh toán điện tử trong lĩnh vực hành chính công, thực hiện cải cách hành chính, xây dựng nền tảng cho Chính phủ điện tử và thành phố thông minh, VietinBank đã tiên phong xây dựng giải pháp tích hợp thanh toán đáp ứng cho người dân và doanh nghiệp thực hiện nộp phí, lệ phí cho các Sở/ban/ngành trên Cổng thông tin điện tử của các Tỉnh/Thành phố. Với việc triển khai thành công giải pháp tại 12 Tỉnh/Thành phố, VietinBank đã vinh dự được Văn Phòng Chính Phủ lựa chọn là Ngân hàng phối hợp triển khai các giải pháp thanh toán trên Cổng dịch vụ công quốc gia, tích hợp toàn bộ các dịch vụ hành chính công của các Sở/ban/ngành/địa phương. Trong tháng 03/2020, VietinBank đã phối hợp với các đơn vị liên quan triển khai thành công dịch vụ thu phạt vi phạm hành chính lĩnh vực giao thông trên Cổng dịch vụ công quốc gia và đang tiếp tục phát triển thêm các dịch vụ thanh toán hành chính công khác theo lộ trình triển khai của Văn Phòng Chính phủ.
- Chứng khoán phái sinh: Với uy tín trong việc phối hợp với các cơ quan quản lý ứng dụng hiệu quả công nghệ và triển khai các giải pháp thanh toán hiện đại, VietinBank đã được UBCKNN lựa chọn là Ngân hàng thanh toán cho thị trường chứng khoán phái sinh. Theo đó VietinBank thực hiện toàn bộ các giao dịch thanh toán, bù trừ chứng khoán phái sinh, đáp ứng yêu cầu rất khắt khe của thị trường về tốc độ xử lý và an toàn tuyệt đối. Đồng thời VietinBank cũng phối hợp hiệu quả với UBCKNN, VSD, SGDCK và 19 công ty chứng khoán triển khai thành công sản phẩm mới Hợp đồng tương lai trái phiếu chính phủ 05 năm. Giải pháp của VietinBank đã đóng góp tích cực vào việc củng cố lòng tin của nhà đầu tư và sự phát triển của thị trường tài chính mới mẻ này tại Việt Nam.
- Nộp BHXH, BHYT, BHTN bằng phương thức điện tử: Phối hợp với BHXH Việt Nam triển khai ứng dụng công nghệ nhằm cải cách thủ tục hành chính trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội, VietinBank đã xây dựng giải pháp thu nộp tiền BHXH, BHYT, BHTN, đáp ứng cho khách hàng thực hiện nộp tiền bảo hiểm tại các kênh giao dịch của VietinBank, thông tin nộp bảo hiểm sau đó sẽ được gửi đến cơ quan bảo hiểm để ghi nhận nhanh chóng cho Người được bảo hiểm, nhờ đó quản lý chặt chẽ, đảm bảo an toàn nguồn thu và lợi ích cho người lao động.

(d) Thanh toán quốc tế và Tài trợ thương mại (TTQT & TTTM)

Là ngân hàng đầu tiên tại Việt Nam xử lý tập trung nghiệp vụ TTQT & TTTM, bên cạnh các sản phẩm truyền thống đang được VietinBank cung cấp rất hiệu quả cho khách hàng như: Thư tín dụng xuất nhập khẩu, nhờ thu xuất nhập khẩu, chuyển tiền ngoại tệ, bảo lãnh, tái bảo lãnh..., VietinBank luôn tiên phong phát triển các sản phẩm TTQT & TTTM mới, tích cực hợp tác với các ngân hàng quốc tế, khai thác tối đa thế mạnh nhằm đem lại giải pháp tối ưu nhất cho khách hàng, đảm bảo giao dịch an toàn, hiệu quả, hỗ trợ mở rộng thị trường, thúc đẩy hoạt động xuất nhập khẩu như một số sản phẩm đặc thù sau:

- **UPAS LC (Thư tín dụng trả chậm có thể thanh toán trả ngay):** VietinBank triển khai ngay từ năm 2013 và không ngừng cải tiến nhằm tăng thêm lựa chọn cho khách hàng. Là ngân hàng uy tín hàng đầu Việt Nam có quan hệ ngân hàng đại lý khắp các châu lục, VietinBank luôn được cấp hạn mức lớn nhất, lãi suất tốt nhất trên thị trường, từ đó chuyển hóa thành mức phí dịch vụ hấp dẫn cho khách hàng.
- **Thư tín dụng nội địa:** Đáp ứng nhu cầu của khách hàng trong việc thanh toán thư tín dụng bằng VND cho các hợp đồng mua bán trong nước, VietinBank đang tích cực triển khai sản phẩm Thư tín dụng nội địa. Ngoài ưu thế về nguồn vốn VND mạnh nhất thị trường, VietinBank tự tin thực hiện các giao dịch LC nội địa nhanh nhất, hiệu quả nhất cho khách hàng và đối tác thông qua mạng lưới 155 chi nhánh, hơn 1.000 điểm giao dịch tại các tỉnh, thành và xử lý tập trung cho cả bên bán và bên mua tại Trung tâm TTTM.

- **Hợp tác Ngân hàng đại lý chiết khấu chứng từ xuất khẩu theo LC trả chậm:** Với khách hàng xuất khẩu hàng hóa theo LC trả chậm, VietinBank cung cấp sản phẩm “Hợp tác ngân hàng đại lý chiết khấu chứng từ xuất khẩu theo LC trả chậm”. Khách hàng được bổ sung vốn lưu động kịp thời, được đảm bảo rủi ro thanh toán trong trường hợp Ngân hàng phát hành LC mất khả năng thanh toán và hưởng mức lãi suất chiết khấu cạnh tranh.
- **Bao thanh toán:** VietinBank hiện là thành viên chủ chốt của Hiệp hội Bao thanh toán quốc tế FCI. VietinBank luôn được các đại lý bao thanh toán nhập khẩu/bên mua xếp hạng cao. Với tiềm lực vốn mạnh, không chỉ chào được lãi suất chiết khấu cạnh tranh, cùng uy tín và danh tiếng của mình, VietinBank luôn có các đối tác để đảm bảo rủi ro thanh toán bên nhập khẩu/bên mua với mức phí thấp nhất giúp mang lại giải pháp tài chính hiệu quả nhất cho khách hàng. Bên cạnh các sản phẩm Bao thanh toán truyền thống, VietinBank còn cung cấp sản phẩm Bao thanh toán hiện đại là Bao thanh toán trong Tài trợ chuỗi cung ứng, mang lại nhiều giải pháp tiện ích hơn nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng đa dạng của nhiều đối tượng khách hàng.
- **Chuyển tiền ngoại tệ đặc thù:** Chuyển tiền ngoại tệ cũng là một thế mạnh của VietinBank với danh mục sản phẩm đa dạng, linh hoạt, hiệu quả. Ngoài sản phẩm chuyển tiền ngoại tệ truyền thống, VietinBank cung cấp cho khách hàng sản phẩm chuyển tiền ngoại tệ đặc thù, mang tính cạnh tranh như: chuyển tiền đa tệ ghi có cho người hưởng bằng các loại ngoại tệ khác nhau ngay cả đồng tiền bản tệ, đồng tiền không tự do chuyển đổi với tỷ giá cạnh tranh; Ngoài ra, VietinBank có thể đảm bảo các khoản chuyển tiền ngoại tệ của khách hàng trước giờ cut-off time tối thị trường châu Á được ghi có cho ngân hàng hưởng nhanh nhất trong ngày giao dịch; VietinBank cũng cung cấp dịch vụ thanh toán biên mậu đồng Nhân dân tệ, Việt Nam đồng tại khu vực cửa khẩu Việt Nam – Trung Quốc.
- **Kênh giao dịch TTTM qua Internet Banking (VietinBank Trade Portal):** VietinBank là NHTM Việt Nam đầu tiên phát triển thành công kênh TTTM qua Internet Banking. Khách hàng có thể gửi đề nghị thực hiện giao dịch TTTM, nhận kết quả giao dịch 24/7 trên hệ thống kết nối Internet.

Ngoài ra, để đáp ứng tốt hơn nhu cầu của khách hàng, VietinBank tiếp tục phát triển và triển khai đa dạng các sản phẩm khác, tích cực hợp tác với các ngân hàng quốc tế mang đến những giải pháp tốt nhất với chi phí hợp lý nhất cho khách hàng như tài trợ xuất khẩu, thư tín dụng theo chương trình hỗ trợ xuất khẩu nông sản Mỹ, tài trợ nhập khẩu theo các chương trình bảo lãnh tín dụng xuất khẩu (ECA), tài trợ chuỗi cung ứng, tài trợ nhà phân phối...

(e) Kinh doanh ngoại tệ và thị trường vốn

VietinBank cung cấp các SPDV đáp ứng nhanh chóng, kịp thời các nhu cầu giao dịch ngoại tệ đồng thời hỗ trợ doanh nghiệp chủ động kiểm soát rủi ro tỷ giá. Đồng thời, VietinBank đã triển khai hệ thống hỗ trợ mua bán ngoại tệ online trên kênh eFAST - VietinBank FX Online (FX Online) áp dụng cho đối tượng KHDN - trở thành ngân hàng đầu tiên tại Việt Nam triển khai dịch vụ hiện đại này, đáp ứng nhu cầu giao dịch hiệu quả, an toàn đi đầu trong xu hướng làm việc online tại nhà hoặc bất kỳ đâu mà không phụ thuộc vào vị trí, khoảng cách địa lý:

- **Kinh doanh ngoại tệ và sản phẩm phái sinh:** Với thế mạnh về nguồn vốn ngoại tệ cùng mạng lưới rộng trên toàn quốc, VietinBank sẵn sàng đáp ứng nhanh chóng, kịp thời nhu cầu ngoại tệ của doanh nghiệp với giá cả cạnh tranh đồng thời hỗ trợ doanh nghiệp chủ động kiểm soát rủi ro phát sinh từ biến động tỷ giá, qua đó tối ưu hóa lợi nhuận của doanh nghiệp.
 - **Giao dịch ngoại tệ giao ngay:** Đáp ứng nhu cầu của khách hàng: Mua bán ngoại tệ để phục vụ cho thanh toán xuất nhập khẩu hàng hóa, dịch vụ, cước vận tải, bảo hiểm; Góp vốn liên doanh với nước ngoài; Đóng hội phí cho các tổ chức quốc tế, các giao dịch mua, chuyển, mang ngoại tệ ra nước ngoài cho các mục đích được phép diễn hình như du học, chữa bệnh, du lịch, công tác,...
 - **Giao dịch ngoại tệ kỳ hạn:** Đáp ứng nhu cầu của khách hàng bao gồm: Thanh toán xuất nhập khẩu; Chuyển tiền ra nước ngoài hoặc đầu tư; Phòng ngừa rủi ro biến động tỷ giá ảnh hưởng xấu tới thu nhập và chi phí trong tương lai.

- Giao dịch ngoại tệ hoán đổi: Đáp ứng nhu cầu của khách hàng: Quản lý dòng tiền hiệu quả, tận dụng nguồn ngoại tệ sẵn có; Sử dụng ngay được nguồn ngoại tệ sẽ có trong tương lai; Tìm kiếm cơ hội sinh lời từ chênh lệch lãi suất giữa các đồng tiền; Phòng ngừa rủi ro biến động tỷ giá ảnh hưởng xấu tới thu nhập và chi phí trong tương lai.
- Giao dịch ngoại tệ quyền chọn: Đáp ứng nhu cầu của khách hàng: Xác định mức chi phí tối đa (quyền chọn mua) hay mức lãi tối thiểu (quyền chọn bán)...; Lựa chọn mức tỷ giá giúp tối đa hóa lợi ích; Phòng ngừa rủi ro biến động tỷ giá; Tìm kiếm cơ hội sinh lời từ các biến động có lợi của tỷ giá.
- Hoán đổi lãi suất: Đáp ứng nhu cầu của khách hàng: Tái cơ cấu dòng tiền và cân đối nguồn tài sản nợ; Xác định trước chi phí phải sử dụng từ đó xây dựng kế hoạch tài chính và chủ động trong kinh doanh; Phòng ngừa rủi ro biến động lãi suất cho từng khoản nợ.
- Hoán đổi tiền tệ chéo: Đáp ứng nhu cầu của khách hàng: Phòng ngừa rủi ro biến động lãi suất và tỷ giá, đặc biệt trong trung và dài hạn; Kiểm soát hiệu quả các dòng lưu chuyển tiền tệ của mình; Giảm thiểu chi phí vốn hoặc chi phí cơ hội về lãi trên cơ sở nhận định tốt xu hướng thị trường.
- Dịch vụ ngân hàng đầu tư: VietinBank và thông qua các công ty con (công ty chứng khoán...) cung cấp đa dạng các dịch vụ ngân hàng đầu tư nhằm giúp khách hàng đa dạng hóa kênh huy động vốn, tái cơ cấu tài chính, nâng cao năng lực cạnh tranh... phục vụ mục tiêu tăng trưởng nhanh và bền vững.
 - Tư vấn phát hành trái phiếu: Giúp doanh nghiệp huy động nguồn vốn trung và dài hạn phục vụ việc mở rộng hoạt động SXKD, đầu tư dự án mới, cơ cấu tình hình tài chính.
 - Tư vấn phát hành cổ phiếu lần đầu ra công chúng: Là dịch vụ tư vấn giúp tăng quy mô vốn hoạt động cho doanh nghiệp thông qua việc chào bán cổ phần lần đầu ra công chúng, đưa giá trị doanh nghiệp đến tiếp cận với giá trị thị trường.
 - Tư vấn cổ phần hóa: Giúp khách hàng chuyển đổi mô hình hoạt động thành CTCP, tận dụng các lợi thế của loại hình CTCP trong việc huy động vốn.
 - Tư vấn niêm yết chứng khoán: Giúp khách hàng niêm yết cổ phiếu trên SGDCK tập trung, tăng tính thanh khoản cho cổ phiếu của doanh nghiệp.
 - Tư vấn xác định giá trị doanh nghiệp: Tư vấn cho khách hàng trong quá trình xác định giá trị của doanh nghiệp dựa trên các phương pháp định giá như chiết khấu dòng tiền, chỉ số so sánh giá và phương pháp tài sản ròng.
 - Tư vấn mua bán và sáp nhập doanh nghiệp: Tư vấn tìm kiếm và thực hiện giao dịch với đối tác tài chính/ đối tác chiến lược cung cấp vốn lẫn năng lực điều hành quản trị nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh và năng lực cạnh tranh cho doanh nghiệp.

(f) Dịch vụ ngân hàng điện tử - VietinBank eFAST

VietinBank eFAST là dịch vụ ngân hàng điện tử do VietinBank cung cấp nhằm hỗ trợ doanh nghiệp thực hiện giao dịch tài chính và quản lý tài khoản mọi lúc, mọi nơi thông qua kết nối Internet. Các tiện ích dịch vụ bao gồm: Quản lý tài khoản, Dịch vụ chuyển tiền, Dịch vụ thanh toán; Dịch vụ tiền gửi và tín dụng; Dịch vụ nộp NSNN; Báo cáo; Dịch vụ hỗ trợ và trợ giúp. Khách hàng còn có thể thực hiện được giao dịch với ngân hàng trên phần mềm kế toán hoặc ERP của khách hàng thông qua kết nối trực tiếp giữa hệ thống khách hàng với ngân hàng.

(g) Dịch vụ thẻ

Với những ưu đãi hấp dẫn và tiện ích đa dạng, VietinBank mang tới những giải pháp thanh toán qua thẻ tối ưu nhất dành cho doanh nghiệp như thẻ tín dụng nội địa SME Business card, Thẻ tín dụng quốc tế Diner Club...

(h) Bảo hiểm nhân thọ

VietinBank đem đến những giải pháp bảo hiểm phù hợp và tối ưu nhất dành cho cán bộ nhân viên của doanh nghiệp.

(i) Bảo hiểm phi nhân thọ

VietinBank liên kết cùng Tổng Công ty CP Bảo hiểm Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam cung cấp nhiều sản phẩm bảo hiểm đa dạng dành cho doanh nghiệp với chi phí hợp lý và nhiều giá trị gia tăng bao gồm: Bảo hiểm tài sản; Bảo hiểm ô tô; Bảo hiểm hàng hóa; Bảo hiểm kỹ thuật; Bảo hiểm tàu thuyền; Bảo hiểm sức khỏe; Bảo hiểm trách nhiệm; Bảo hiểm hỗn hợp, Bảo an doanh nghiệp...

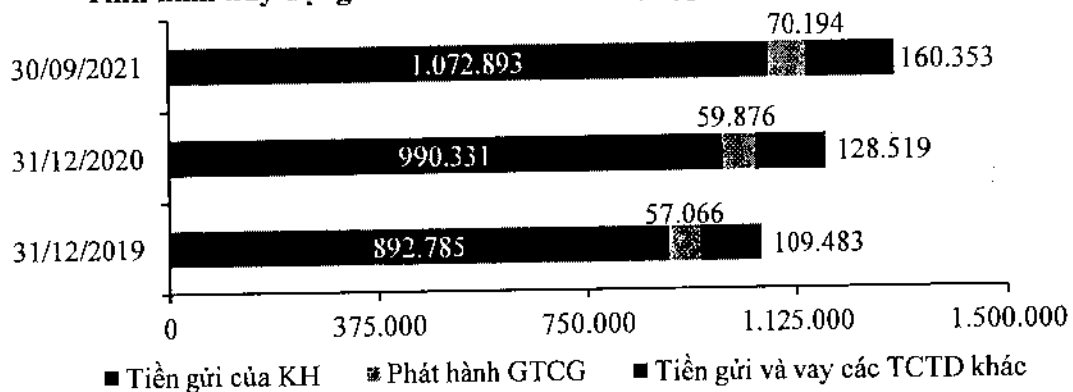
6.1.2. Huy động vốn

➤ Tình hình huy động vốn:

Theo BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2020, tổng giá trị huy động vốn của VietinBank tại 31/12/2020, đạt xấp xỉ 1.178,73 nghìn tỷ đồng, tăng 11,3% so với cùng kỳ năm 2019. Nguyên nhân là do: Tiền gửi của khách hàng tiếp tục duy trì được đà tăng trưởng, đạt gần 990,3 nghìn tỷ đồng, tăng 10,9% so với năm 2019; Tiền gửi và vay các TCTD khác đạt 128,5 nghìn tỷ đồng, tăng 17,4% so với năm 2019 và Số dư phát hành GTCG là 59,9 nghìn tỷ đồng, tăng 4,9% so với năm 2019.

Tại 30/09/2021, tổng giá trị huy động vốn (hợp nhất) của VietinBank đạt 1.303 nghìn tỷ đồng, tăng 10,58% so với cuối năm 2020. Nguyên nhân là do trong kỳ các khoản tiền gửi của khách hàng; tiền gửi và vay các TCTD và phát hành GTCG đều đạt mức tăng lần lượt là 8,34%; 24,77% và 17,23% so với cuối năm 2020.

Tình hình huy động vốn của VietinBank (Hợp nhất) (Đơn vị: Tỷ đồng)

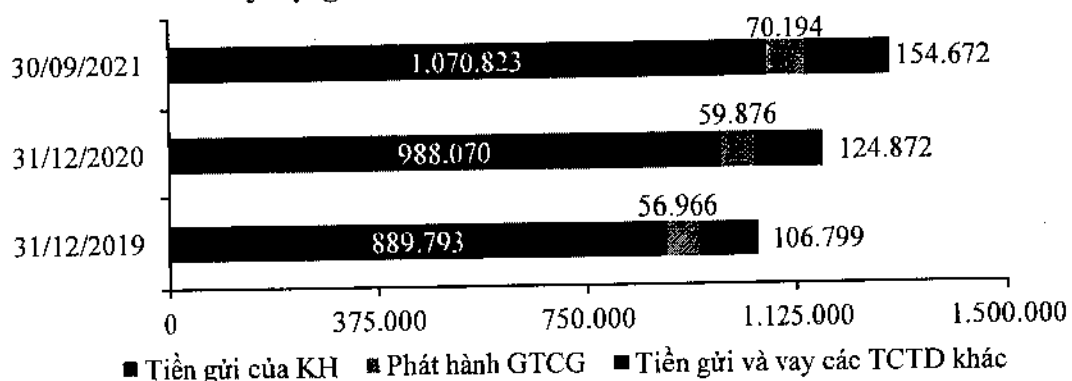


(Nguồn: BCTC hợp nhất 2019, 2020 được kiểm toán và BCTC hợp nhất Quý III năm 2021 của VietinBank)

Theo BCTC riêng đã kiểm toán năm 2020, tổng giá trị huy động vốn của VietinBank tại 31/12/2020, đạt xấp xỉ 1.172,82 nghìn tỷ đồng, tăng 11,3% so với cùng kỳ năm 2019. Nguyên nhân là do việc tăng của các khoản mục: Tiền gửi của khách hàng (tăng 11,04%); Tiền gửi và vay các TCTD khác (tăng 16,9%) và Số dư phát hành GTCG (tăng 5,11%).

Tại 30/09/2021, tổng giá trị huy động vốn (riêng lẻ) của VietinBank đạt 1.296 nghìn tỷ đồng, tăng 10,48% so với cuối năm 2020. Nguyên nhân là từ việc tăng của các khoản mục tiền gửi của khách hàng (tăng 8,38%); phát hành GTCG (tăng 17,23%); tiền gửi và vay các TCTD khác (tăng 23,86%).

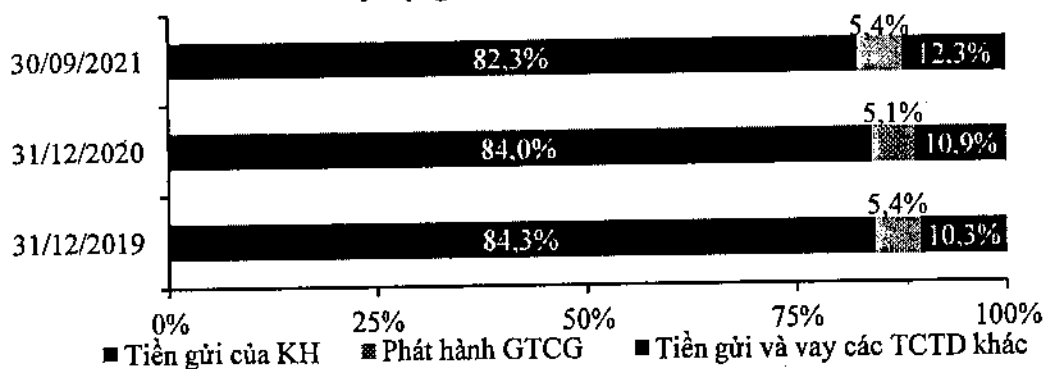
Tình hình huy động vốn của VietinBank (Công ty mẹ) (Đơn vị: Tỷ đồng)



(Nguồn: BCTC riêng 2019, 2020 được kiểm toán và BCTC riêng Quý III năm 2021 của VietinBank)

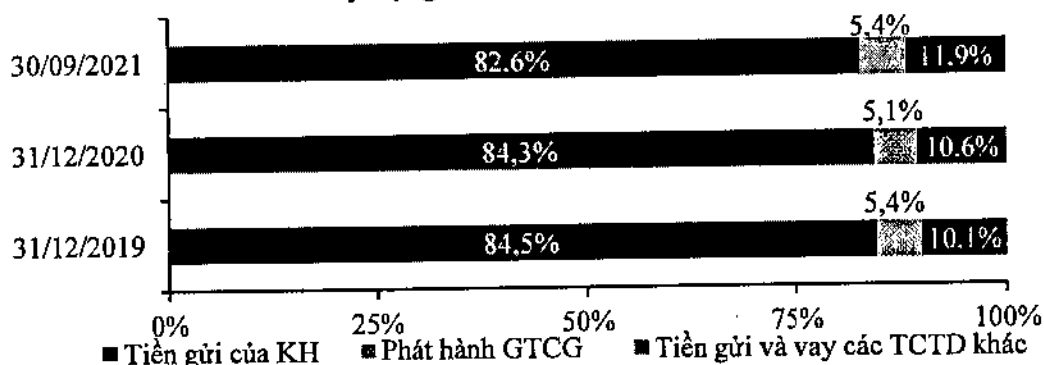
➤ Cơ cấu nguồn vốn huy động:

Cơ cấu huy động vốn của VietinBank (Hợp nhất)



(Nguồn: BCTC hợp nhất 2019, 2020 được kiểm toán và BCTC hợp nhất Quý III năm 2021 của VietinBank)

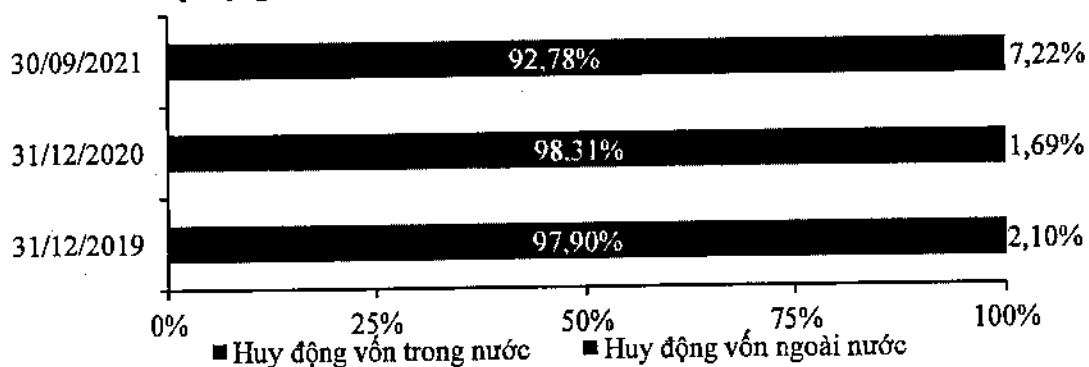
Cơ cấu huy động vốn của VietinBank (Công ty mẹ)



(Nguồn: BCTC riêng năm 2019, 2020 được kiểm toán và BCTC riêng Quý III năm 2021 của VietinBank)

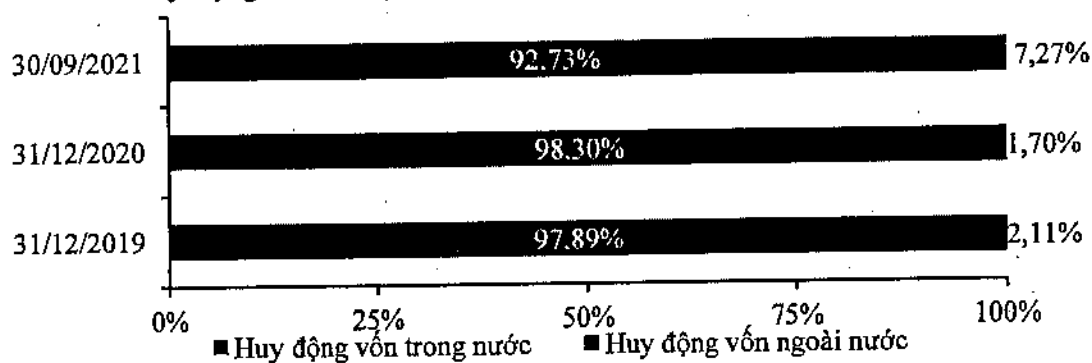
➤ **Cơ cấu nguồn vốn huy động trong nước và ngoài nước**

Cơ cấu huy động vốn trong nước và ngoài nước của VietinBank (Hợp nhất)



(Nguồn: VietinBank)

Cơ cấu huy động vốn trong nước và ngoài nước của VietinBank (Công ty mẹ)



(Nguồn: VietinBank)

6.1.3. Hoạt động tín dụng

➤ Hiệu quả, tỷ lệ an toàn vốn (CAR):

VietinBank luôn bảo đảm đáp ứng các nguyên tắc về quản trị rủi ro, thực hiện có hiệu quả và tuân thủ đúng các quy định của NHNN về tỷ lệ bảo đảm an toàn hoạt động và tỷ lệ an toàn vốn.

Tỷ lệ an toàn vốn của VietinBank (*)

Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2020	30/09/2021
Tỷ lệ an toàn vốn (CAR) – Hợp nhất	10,28%	10,79%	9,27%
Tỷ lệ an toàn vốn (CAR) – Công ty mẹ	9,81%	10,51%	9,05%

(Nguồn: VietinBank)

(*) Ghi chú: Kể từ ngày 01/01/2021, VietinBank áp dụng tỷ lệ an toàn vốn theo chuẩn Basel II của Thông tư 41/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 (tối thiểu là 8%). Trước năm 2021, VietinBank áp dụng tỷ lệ an toàn vốn theo Thông tư 19/2017/TT-NHNN ngày 28/12/2017 và Thông tư 22/2019/TT-NHNN ngày 15/11/2019 (tối thiểu là 9%).

➤ Tổng dư nợ cho vay

Theo số liệu hợp nhất tại thời điểm 31/12/2020, tổng dư nợ cho vay khách hàng của VietinBank đạt 1.015,33 nghìn tỷ đồng, tăng 8,6% so với cùng kỳ năm 2019. Kết thúc 9 tháng đầu năm 2021, dư nợ tín dụng đạt 1.084,61 nghìn tỷ đồng, tăng 6,8% so với cuối năm 2020. Hoạt động tín dụng tiếp tục có sự tăng trưởng bền vững do định hướng của VietinBank chú trọng tăng tỷ trọng các phân khúc sinh lời cao như bán lẻ và SMEs. Cơ cấu danh mục tín dụng, đa dạng hóa và ưu tiên tín dụng cho SXKD, phù hợp với nhu cầu và diễn biến từng ngành, lĩnh vực kinh tế.

Dư nợ cho vay theo kỳ hạn vay của VietinBank (Hợp nhất)

Phân loại nợ (Đơn vị: Tỷ đồng)	Tại 31/12/2019		Tại 31/12/2020		% tăng (giảm) 2020/2019	Tại 30/09/2021	
	Giá trị	%	Giá trị	%		Giá trị	%
Nợ ngắn hạn	537.206	57,4%	593.991	58,5%	10,6%	645.077	59,5%
Nợ trung hạn	61.930	6,6%	61.855	6,1%	(0,1%)	64.981	6,0%
Nợ dài hạn	336.134	35,9%	359.487	35,4%	6,9%	374.548	34,5%
Tổng dư nợ cho vay	935.271	100%	1.015.333	100%	8,6%	1.084.606	100%

(Nguồn: BCTC hợp nhất 2019, 2020 được kiểm toán và BCTC hợp nhất Quý III năm 2021 của VietinBank)

Theo số liệu riêng lẻ tại thời điểm 31/12/2020, tổng dư nợ cho vay khách hàng của VietinBank đạt 1.004,98 nghìn tỷ đồng, tăng 8,6% so với cùng kỳ năm 2019. Kết thúc 9 tháng đầu năm 2021, dư nợ tín dụng đạt 1.073,43 nghìn tỷ đồng, tăng 6,8% so với cuối năm 2020. Nguyên nhân là do nợ ngắn hạn tăng 8,7%, nợ trung hạn tăng 6,4% và nợ dài hạn tăng 3,8%.

Dư nợ cho vay theo kỳ hạn vay của VietinBank (Công ty mẹ)

Phân loại nợ (Đơn vị: Tỷ đồng)	Tại 31/12/2019		Tại 31/12/2020		% tăng (giảm) 2020/2019	Tại 30/09/2021	
	Giá trị	%	Giá trị	%		Giá trị	%
Nợ ngắn hạn	533.784	57,7%	590.293	58,7%	10,6%	641.412	59,8%
Nợ trung hạn	59.551	6,4%	58.165	5,8%	(2,3%)	61.892	5,8%
Nợ dài hạn	331.917	35,9%	356.517	35,5%	7,4%	370.129	34,5%
Tổng dư nợ cho vay	925.253	100%	1.004.976	100%	8,6%	1.073.433	100%

(Nguồn: BCTC riêng 2019, 2020 được kiểm toán và BCTC riêng Quý III năm 2021 của VietinBank)

➤ Chất lượng tín dụng và tỷ lệ nợ xấu (nợ khó đòi)

Chất lượng tín dụng luôn được VietinBank ưu tiên và kiểm soát chặt chẽ, tuân thủ quy định của pháp luật và các giới hạn an toàn theo quy định của NHNN bằng những giải pháp quyết liệt và đồng bộ.

Nhờ quy mô tăng trưởng tốt, cơ cấu chuyển dịch tích cực đi cùng với kiểm soát chặt chẽ chất lượng tín dụng, hiệu quả từ hoạt động tín dụng tiếp tục được nâng cao đóng góp quan trọng cho kết quả kinh doanh chung của Ngân hàng.

Tỷ lệ nợ xấu theo số liệu hợp nhất tại 31/12/2020 là 0,94%, giảm mạnh so với mức 1,16% của cùng kỳ năm 2019. Đồng thời trong năm 2020, VietinBank đã tắt toán toàn bộ 13.000 tỷ đồng trái phiếu đặc biệt, đã bán cho VAMC, góp phần lành mạnh hóa bảng cân đối, nâng cao năng lực tài chính và kiểm soát chặt chẽ chất lượng tín dụng và bảo đảm tuân thủ các giới hạn an toàn theo quy định NHNN.

Trong 9 tháng đầu năm 2021, ngay sau khi Thông tư 03/2021/TT-NHNN ngày 02/04/2021 có hiệu lực từ 15/05/2021, VietinBank đã chủ động dành nguồn lực tài chính bổ sung trích lập dự phòng cho các khoản nợ được cơ cấu do tác động của dịch bệnh COVID-19. Tỷ lệ nợ xấu theo số liệu hợp nhất tại thời điểm 30/09/2021 là 1,67%, tăng so với mức 0,94% tại thời điểm cuối năm 2020. Tỷ lệ nợ xấu tăng do VietinBank chủ động cơ cấu nợ tổng thể cho một số khách hàng lớn để đảm bảo cho các khách hàng có thể tiếp tục duy trì hoạt động, cũng như phục hồi phát triển trở lại trong thời gian tới.

Chất lượng tín dụng và Tỷ lệ nợ xấu của VietinBank (Hợp nhất)

Phân loại nợ (Đơn vị: Tỷ đồng)	Tại 31/12/2019		Tại 31/12/2020		% tăng(giảm) 2020/2019	Tại 30/09/2021	
	Giá trị	%	Giá trị	%		Giá trị	%
Nợ đủ tiêu chuẩn	918.780	98,2%	1.003.015	98,8%	9,2%	1.061.583	97,9%
Nợ cần chú ý	5.677	0,6%	2.799	0,3%	(50,7%)	4.925	0,5%
Nợ dưới tiêu chuẩn	2.063	0,2%	1.857	0,2%	(10%)	2.923	0,3%
Nợ nghi ngờ	1.547	0,2%	1.612	0,2%	4,2%	11.631	1,1%
Nợ có khả năng mất vốn	7.204	0,8%	6.050	0,6%	(16%)	3.543	0,3%
Tổng dư nợ cho vay	935.271	100%	1.015.333	100%	8,6%	1.084.606	100%
Tỷ lệ nợ xấu	1,16%		0,94%		(0,22%)	1,67%	

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2019, 2020 được kiểm toán và BCTC hợp nhất Quý III năm 2021 của VietinBank)

Tỷ lệ nợ xấu theo số liệu riêng lẻ tại 31/12/2020 là 0,93%, giảm đáng kể so với mức 1,15% cùng kỳ năm 2019 nhờ vào các biện pháp kiểm soát chặt chẽ của VietinBank đối với chất lượng tín dụng, cũng như bảo đảm tuân thủ các giới hạn an toàn theo quy định NHNN.

Tại thời điểm 30/09/2021, tỷ lệ nợ xấu theo số liệu riêng lẻ là 1,67%, tăng 0,74% so với thời điểm cuối năm 2020 do việc chủ động triển khai các phương án cơ cấu nợ tổng thể của VietinBank đối với các khách hàng lớn.

Chất lượng tín dụng và Tỷ lệ nợ xấu của VietinBank (Công ty mẹ)

Phân loại nợ (Đơn vị: Tỷ đồng)	Tại 31/12/2019		Tại 31/12/2020		% tăng(giảm) 2020/2019	Tại 30/09/2021	
	Giá trị	%	Giá trị	%		Giá trị	%
Nợ đủ tiêu chuẩn	909.030	98,2%	992.888	98,8%	9,2%	1.050.591	97,9%
Nợ cần chú ý	5.563	0,6%	2.770	0,3%	(50,2%)	4.883	0,5%
Nợ dưới tiêu chuẩn	1.945	0,2%	1.799	0,2%	(7,5%)	2.914	0,3%
Nợ nghi ngờ	1.518	0,2%	1.507	0,1%	(0,7%)	11.622	1,1%
Nợ có khả năng mất vốn	7.197	0,8%	6.011	0,6%	(16,5%)	3.423	0,3%
Tổng dư nợ cho vay	925.253	100%	1.004.976	100%	(8,6%)	1.073.433	100%
Tỷ lệ nợ xấu	1,15%		0,93%		(0,22%)	1,67%	

(Nguồn: BCTC riêng 2019 2020 được kiểm toán và BCTC riêng Quý III năm 2021 của VietinBank)

➤ Rủi ro lãi suất và việc phân loại, trích lập DPRR tín dụng

Rủi ro lãi suất được VietinBank thực hiện kiểm soát thông qua việc xác định mức lãi suất cho vay theo nguyên tắc đảm bảo bù đắp chi phí vốn, các chi phí quản lý và trên cơ sở xem xét các yếu tố rủi

ro, mặt bằng lãi suất thị trường nhằm đảm bảo khả năng cạnh tranh và hiệu quả kinh doanh của Ngân hàng. Để giảm thiểu rủi ro lãi suất có thể phát sinh, Ngân hàng áp dụng đồng bộ các biện pháp như: quy định chính sách lãi suất thả nổi đối với các khoản cho vay trung, dài hạn; quy định các điều khoản phòng ngừa rủi ro lãi suất trong hợp đồng tín dụng để đảm bảo Ngân hàng luôn chủ động trước những biến động của thị trường...

9 tháng đầu năm 2021, VietinBank đã chủ động trích lập DPRR bổ sung theo Thông tư 03/TT-NHNN ngày 02/04/2021 của NHNN, thận trọng hơn mức quy định của NHNN nhằm nâng cao năng lực quản trị rủi ro, tăng khả năng chống chịu trước các biến động bất lợi của nền kinh tế. Tỷ lệ bao phủ nợ xấu của VietinBank tại thời điểm 30/09/2021 là 118,6%, giảm 13,4 điểm phần trăm so với mức 132% tại thời điểm 31/12/2020 và tăng 34,4 điểm phần trăm so với mức 84,2% của cùng kỳ năm 2020.

Đối với việc phân loại nợ và trích lập DPRR tín dụng:

VietinBank tuân thủ và thực hiện theo Điều 11 (Phân loại nợ định tính) của Thông tư 02/2013/TT-NHNN ngày 21/01/2013 quy định về phân loại tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập DPRR và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; Thông tư 09/2014/TT-NHNN ngày 18/03/2014 v/v sửa đổi, bổ sung Thông tư 02/2013/TT-NHNN ngày 21/01/2013.

VietinBank chủ động sàng lọc khách hàng để phản ánh chất lượng nợ phù hợp với năng lực tài chính thực tế của khách hàng. Với các biện pháp quản lý các khoản nợ sát sao, đa dạng các ứng xử tín dụng, chất lượng nợ của VietinBank luôn được duy trì ở mức cao trong các năm qua.

Việc trích lập DPRR tín dụng (bao gồm dự phòng chung và dự phòng cụ thể) được thực hiện theo quy định của NHNN, trong đó có loại trừ giá trị khấu trừ tài sản đảm bảo theo tỷ lệ quy định của NHNN.

Số dư quỹ DPRR cho vay khách hàng của VietinBank

Khoản mục <i>Đơn vị: Tỷ đồng</i>	Hợp nhất				Công ty mẹ			
	31/12/2019	31/12/2020	%tăng(giảm) 2020/2019	30/09/2021	31/12/2019	31/12/2020	%tăng(giảm) 2020/2019	30/09/2021
Dự phòng chung	6.858	7.366	7,41%	8.224	6.717	7.228	7,61%	8.006
Dự phòng cụ thể	6.088	5.196	(14,65%)	13.240	6.072	5.118	(15,71%)	13.105
Tổng cộng	12.946	12.562	(2,97%)	21.464	12.789	12.346	(3,46%)	21.111

(Nguồn: BCTC hợp nhất và riêng 2019, 2020 được kiểm toán và BCTC hợp nhất và riêng Quý III năm 2021 của VietinBank)

6.1.4. Hoạt động kinh doanh ngoại tệ và thanh toán

(a) Hoạt động kinh doanh ngoại tệ

HĐKD ngoại tệ của VietinBank tập trung mạnh với trọng tâm là công tác phát triển khách hàng và đa dạng hóa sản phẩm và các loại ngoại tệ giao dịch với khách hàng nhằm khai thác tối đa tệp khách hàng hiện hữu và tăng trưởng khách hàng mới trên tất cả các phân khúc. Bên cạnh đó, VietinBank đặc biệt chú trọng đến phân khúc khách hàng FDI, SME cũng như các giao dịch mua bán sáp nhập (M&A), các giao dịch thoái vốn, bán vốn cho nhà đầu tư nước ngoài.

Năm 2020, HĐKD ngoại tệ của VietinBank tiếp tục tăng trưởng, nắm giữ thị phần dẫn đầu trên thị trường về cả doanh số và thị phần kinh doanh ngoại hối, qua đó khẳng định vị thế của VietinBank trên thị trường.

Lãi thuần từ kinh doanh ngoại tệ theo số liệu hợp nhất và riêng lẻ năm 2020 lần lượt đạt 2.000 tỷ đồng và 1.887 tỷ đồng, tương ứng với mức tăng là 27,88% và 24,23% so với năm 2019. Nguyên nhân là do mức tăng trưởng tích cực của các hoạt động ngoại hối (37%) và thu nhập cải thiện từ hoạt động kinh doanh vàng.

9 tháng đầu năm 2021, lãi thuần từ HĐKD ngoại tệ theo kết quả hợp nhất và Công ty mẹ lần lượt đạt 1.355 tỷ đồng và 1.426 tỷ đồng, tương ứng với mức giảm là 10,5% và 0,05% so với cùng kỳ năm 2020. Nguyên nhân sụt giảm chủ yếu là do tỷ giá USD/VND đi xuống trong quý III/2021.

Kết quả HĐKD ngoại tệ

Chỉ tiêu (Đơn vị: Tỷ đồng)	Năm 2019		Năm 2020		9 tháng đầu năm 2021	
	Giá trị	%thay đổi so với 2018	Giá trị	%thay đổi so với 2019	Giá trị	%thay đổi so với cùng kỳ 2020
Lãi thuần từ HĐKD ngoại tệ (Hợp nhất)	1.564	120,36%	2.000	27,88%	1.355	-10,50%
Lãi thuần từ HĐKD ngoại tệ (Công ty mẹ)	1.519	121,13%	1.887	24,23%	1.426	-0,05%

(Nguồn: BCTC hợp nhất và riêng 2019, 2020 được kiểm toán và BCTC hợp nhất và riêng Quý III năm 2021 của VietinBank)

(b) Hoạt động thanh toán

(i) Hoạt động thanh toán trong nước

Năm 2020, số lượng giao dịch thanh toán trong nước của VietinBank đạt 457,02 triệu giao dịch tăng 47% so với năm 2019; doanh số thanh toán đạt 29.343 nghìn tỷ đồng, tăng 24,5% so với năm 2019. 9 tháng đầu năm 2021, số lượng giao dịch thanh toán trong nước đạt 487,84 triệu giao dịch, tăng 55,5% so với cùng kỳ 2020; doanh số thanh toán đạt 31.316 nghìn tỷ đồng, tăng 49,6% so với cùng kỳ của năm 2020.

Hoạt động thanh toán trong nước trong thời gian qua của VietinBank có mức tăng trưởng mạnh là nhờ việc thúc đẩy mạnh mẽ việc thanh toán không dùng tiền, đặc biệt trong bối cảnh dịch bệnh phức tạp. Đồng thời, VietinBank thực hiện tốt công tác quản trị chi phí một cách có hiệu quả, ưu tiên chuyển đổi số toàn diện trong hoạt động thanh toán của Ngân hàng.

Kết quả hoạt động thanh toán trong nước

Chỉ tiêu	Năm 2019		Năm 2020		9 tháng đầu năm 2021	
	Giá trị	% thay đổi so với 2018	Giá trị	% thay đổi so với 2019	Giá trị	% thay đổi so với cùng kỳ 2020
Số lượng giao dịch (triệu giao dịch)	310,86	43,2%	457,02	47,0%	487,84	55,5%
Doanh số thanh toán (nghìn tỷ đồng)	23.569	20,3%	29.343	24,5%	31.316	49,6%

(Nguồn: VietinBank)

VietinBank đẩy mạnh triển khai SPDV thanh toán cho tất cả các phân khúc khách hàng, trong đó chú trọng đến các giải pháp thanh toán điện tử cung ứng cho khách hàng sử dụng dịch vụ như thanh toán qua Mobile App, QR code..., triển khai kết nối hệ thống thanh toán với các NHTM, các trung gian thanh toán, các công ty công nghệ, công ty tài chính, công ty bảo hiểm, công ty chứng khoán bằng các phương thức hiện đại như API, áp dụng chuẩn quốc tế ISO 20022 trong trao đổi dữ liệu điện tử.

(ii) Hoạt động thanh toán quốc tế và tài trợ thương mại (TTQT & TTTM)

VietinBank luôn nỗ lực thúc đẩy phát triển sản phẩm mới về TTQT, TTTM thông qua thiết kế, cải tiến, cung cấp các sản phẩm chuyên biệt cho từng ngành hàng/đối tượng khách hàng và nâng cấp hệ thống kỹ thuật phục vụ xử lý nghiệp vụ nhằm phục vụ tốt nhất nhu cầu của khách hàng.

Năm 2020, doanh số thanh toán quốc tế và TTTM của VietinBank đạt 58.583,44 triệu USD, giảm 2,5% so với năm 2019; số lượng giao dịch là 501.734 giao dịch, giảm 0,9% so với năm 2019. Nguyên nhân là do nhu cầu thanh toán và hoạt động thương mại quốc tế của các doanh nghiệp xuất khẩu bị suy giảm, gián đoạn do chịu tác động bởi dịch bệnh COVID-19. Mặc dù vậy, trong 9 tháng đầu năm 2021, với việc các hoạt động giao thương, thương mại quốc tế đã được khôi phục trở lại, doanh số thanh toán quốc tế và TTTM được cải thiện, đạt 56.249,48 triệu USD, tăng 36,5% so với cùng kỳ năm 2020; số lượng giao dịch thanh toán đạt 389.038 giao dịch, tăng 6,3% so với cùng kỳ năm 2020.

Kết quả hoạt động thanh toán quốc tế và tài trợ thương mại

Chỉ tiêu	Năm 2019		Năm 2020		9 tháng đầu năm 2021	
	Giá trị	% thay đổi so với 2018	Giá trị	% thay đổi so với 2019	Giá trị	% thay đổi so với cùng kỳ 2020
Số lượng giao dịch	506.331	6,4%	501.734	-0,9%	389.038	6,3%
Doanh số thanh toán (triệu USD)	60.083,93	-0,4%	58.583,44	-2,5%	56.249,48	36,5%

(Nguồn: VietinBank)

6.1.5. Hoạt động đầu tư

Bên cạnh hoạt động tín dụng và nguồn vốn, VietinBank chú trọng đa dạng hóa SPDV, phát triển sản phẩm đầu tư hiện đại, giữ vững vai trò là ngân hàng tạo lập thị trường. VietinBank không ngừng đa dạng hóa HĐKD, đầu tư và đẩy mạnh cung cấp các sản phẩm phái sinh lãi suất, tiền tệ. Danh mục đầu tư liên tục được điều chỉnh theo hướng tăng khả năng sinh lời, đảm bảo dự trữ thanh khoản cho toàn hệ thống và nâng cao vai trò, vị thế của VietinBank trên thị trường.

Theo BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2020, danh mục đầu tư của VietinBank tại thời điểm 31/12/2020, duy trì với quy mô bằng 16,9% tổng tài sản, tương ứng với giá trị là 226,41 nghìn tỷ đồng.

Đến 30/09/2021, tỷ lệ danh mục đầu tư trên tổng tài sản hợp nhất đạt 20%, tương ứng với giá trị là 289,57 nghìn tỷ đồng; tăng gần 28% so với cuối năm 2020. Đóng góp chủ yếu vào mức tăng này là do trong kỳ danh mục chứng khoán đầu tư tăng mạnh tới 47,4%, đạt 169,8 nghìn tỷ đồng.

Cơ cấu danh mục đầu tư của VietinBank (Hợp nhất)

Chỉ tiêu (Đơn vị: Tỷ đồng)	Tại 31/12/2019		Tại 31/12/2020		% tăng (giảm) 2020/2019	Tại 30/09/2021	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng		Giá trị	Tỷ trọng
1. Tiền gửi, vay các TCTD khác	129.389	53,7%	102.533	45,3%	(20,8%)	112.616	38,9%
Tiền gửi tại các TCTD khác	123.085		92.628			94.736	
Cho vay các TCTD khác	6.304		9.905			17.880	
2. Chứng khoán kinh doanh	3.825	1,6%	5.602	2,5%	46,4%	3.932	1,4%
Chứng khoán kinh doanh	4.051		5.723			4.084	
DPRR chứng khoán kinh doanh	-226		-121			-152	
3. Chứng khoán đầu tư	104.615	43,4%	114.942	50,8%	9,9%	169.797	58,6%
CK đầu tư sẵn sàng bán	97.132		112.678			167.390	
CK đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	15.368		2.617			2.617	
DPRR chứng khoán đầu tư	-7.884		-353			-210	
4. Góp vốn, đầu tư dài hạn	3.283	1,4%	3.336	1,5%	1,6%	3.221	1,1%
Vốn góp liên doanh	3.018		3.118			3.005	
Đầu tư dài hạn khác	265		241			241	
DP giảm giá đầu tư dài hạn	0		-23			-24	
Tổng cộng	241.112	100%	226.412	100%	(6,1%)	289.567	100%

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2019, 2020 được kiểm toán và BCTC hợp nhất Quý III năm 2021 của VietinBank)

Theo BCTC riêng kiểm toán năm 2020, danh mục đầu tư của VietinBank tại thời điểm 31/12/2020, bằng 17% tổng tài sản, tương ứng với giá trị là 225,82 nghìn tỷ đồng. Tại 30/09/2021, tỷ lệ danh mục đầu tư trên tổng tài sản Công ty mẹ đạt 21,6%, tương ứng với giá trị là 287,56 nghìn tỷ đồng; tăng 27,3% so với cuối năm 2020, trong đó mặc dù danh mục chứng khoán kinh doanh có sự sụt giảm nhưng danh mục chứng khoán đầu tư đã tăng mạnh tới 48,3%, đạt gần 168 nghìn tỷ đồng.

Cơ cấu danh mục đầu tư của VietinBank (Công ty mẹ)

Chỉ tiêu (Đơn vị: Tỷ đồng)	Tại 31/12/2019		Tại 31/12/2020		% tăng (giảm) 2020/2019	Tại 30/09/2021	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng		Giá trị	Tỷ trọng
1. Tiền gửi, vay các TCTD khác	129.708	53,8%	102.713	45,5%	(20,8%)	111.451	38,8%
Tiền gửi tại các TCTD khác	122.644		93.651			96.130	
Cho vay các TCTD khác	7.064		9.062			15.321	
2. Chứng khoán kinh doanh	2.475	1,0%	4.253	1,9%	71,8%	2.583	0,9%
Chứng khoán kinh doanh	2.475		4.253			2.599	
DPRR chứng khoán kinh doanh	0		0			-17	
3. Chứng khoán đầu tư	103.347	42,8%	113.302	50,2%	9,6%	167.972	58,4%
CK đầu tư sẵn sàng bán	95.856		111.057			165.589	
CK đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	15.368		2.587			2.587	
DPRR chứng khoán đầu tư	-7.877		-343			-204	
4. Góp vốn, đầu tư dài hạn	5.752	2,4%	5.552	2,5%	(3,5%)	5.552	1,9%
Vốn góp liên doanh	4.040		3.840			3.840	
Đầu tư dài hạn khác	1.689		1.689			1.689	
DP giảm giá đầu tư dài hạn	23		23			23	
Tổng cộng	241.282	100%	225.819	100%	(6,4%)	287.558	100%

(Nguồn: BCTC riêng năm 2019, 2020 được kiểm toán và BCTC riêng Quý III năm 2021 của VietinBank)

6.1.6. Hoạt động ngân hàng đại lý

VietinBank đã thiết lập mạng lưới ngân hàng đại lý rộng khắp toàn cầu, đáp ứng mọi nhu cầu giao dịch ngân hàng quốc tế, trong đó chủ yếu là chuyển tiền và tài trợ thương mại cho các khách hàng với các thị trường trên thế giới được nhanh chóng, an toàn và hiệu quả.

Hiện tại VietinBank có quan hệ đại lý với trên 1.000 ngân hàng và chi nhánh ngân hàng tại trên 100 quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới. Tại mỗi quốc gia và vùng lãnh thổ, VietinBank luôn đặt quan hệ đại lý với các ngân hàng hàng đầu và có uy tín tốt.

Trong thời gian tới, chiến lược của Vietinbank đối với hoạt động ngân hàng đại lý là tập trung duy trì, mở rộng và nâng cấp quan hệ đại lý với các đối tác truyền thống, chú trọng vào các thị trường tiềm năng với mục tiêu tăng cường huy động nguồn vốn với lãi suất tốt, chào bán SPDV của VietinBank để tăng thu phí dịch vụ, kết nối kinh doanh để mở rộng cơ sở khách hàng.

6.2 Quản lý rủi ro và bảo toàn vốn

6.2.1. Các chính sách quản lý rủi ro đang áp dụng

a. Chính sách quản lý rủi ro tín dụng

Đối với hoạt động tín dụng, VietinBank kiểm soát và quản lý rủi ro tín dụng bằng cách thiết lập hạn mức kiểm soát rủi ro tín dụng tương ứng với mức độ rủi ro mà VietinBank có thể chấp nhận được đối với từng khách hàng và đối với mỗi lĩnh vực, địa lý, ngành nghề. VietinBank đã thiết lập quy trình soát xét chất lượng tín dụng cho phép dự báo sớm những thay đổi về tình hình tài chính, khả năng trả nợ của các bên đối tác dựa trên các yếu tố định tính, định lượng. Hạn mức kiểm soát rủi ro tín dụng đối với mỗi khách hàng được thiết lập thông qua việc sử dụng hệ thống xếp hạng tín dụng, trong đó mỗi khách hàng được xếp loại ở một mức độ rủi ro. Mức độ rủi ro này có thể được sửa đổi, cập nhật thường xuyên.

Đối với hoạt động đầu tư/cho vay trên thị trường liên ngân hàng, VietinBank kiểm soát và quản lý rủi ro bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư liên ngân hàng đối với từng đối tác cụ thể trên cơ sở phân tích, đánh giá của VietinBank về mức độ rủi ro của đối tác. Hạn mức đầu tư liên ngân hàng do Hội

đồng Định chế tài chính xác lập và giao Phòng Kinh doanh Vốn thực hiện.

Để quản lý rủi ro một cách chuyên nghiệp và đáp ứng chuẩn mực quốc tế, VietinBank đã chuẩn hóa mô hình tổ chức 03 tuyến bảo vệ bao gồm: (i) Tuyến bảo vệ thứ nhất (nhận dạng, kiểm soát và giảm thiểu rủi ro tín dụng); (ii) Tuyến bảo vệ thứ hai (xây dựng chính sách quản lý rủi ro, quy định nội bộ quản trị rủi ro, đo lường, theo dõi rủi ro và tuân thủ); (iii) Tuyến bảo vệ thứ ba (kiểm toán nội bộ về quản lý rủi ro). Ngoài ra, VietinBank thực hiện quy trình quản lý rủi ro tín dụng theo cả 02 cấp độ là danh mục và giao dịch bao gồm 5 bước cơ bản, cụ thể như sau:

- *Nhận dạng*: xác định rủi ro tín dụng trọng yếu, nguy cơ gây ra rủi ro tín dụng và xác định nguyên nhân gây ra rủi ro tín dụng.
- *Đo lường*: sử dụng các phương pháp, mô hình đo lường rủi ro để xác định tác động ngắn hạn, dài hạn của rủi ro tín dụng đối với thu nhập, tỷ lệ an toàn vốn và khả năng đạt được mục tiêu kinh doanh của Ngân hàng.
- *Theo dõi*: theo dõi trạng thái rủi ro và đánh giá kịp thời, cảnh báo sớm khả năng vi phạm các hạn mức kiểm soát rủi ro.
- *Kiểm soát*: kiểm soát trạng thái rủi ro tín dụng thực tế để tuân thủ giới hạn cấp tín dụng, hạn mức kiểm soát tín dụng theo quy định pháp luật và nội bộ của Ngân hàng, thực hiện các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu và xử lý kịp thời các rủi ro để đảm bảo tuân thủ các hạn mức kiểm soát rủi ro và có biện pháp xử lý khi chất lượng tín dụng bị suy giảm.
- *Báo cáo*: thực hiện báo cáo thông tin kịp thời, đầy đủ về trạng thái rủi ro tín dụng, hiệu quả của các biện pháp kiểm soát rủi ro tín dụng cho người có thẩm quyền và các bên liên quan để có quyết định phù hợp nhằm hạn chế rủi ro tín dụng và nâng cao hiệu quả công tác quản lý rủi ro tín dụng tại VietinBank.

VietinBank xây dựng các công cụ/hệ thống nhằm hỗ trợ hoạt động quản lý rủi ro tín dụng một cách chủ động, hiệu quả, phù hợp với yêu cầu thực tế, quy mô và mức độ phức tạp trong hoạt động tín dụng của ngân hàng trong từng thời kỳ. Hạ tầng CNTT được ưu tiên chú trọng đầu tư, đảm bảo công tác quản lý danh mục tín dụng, cảnh báo sớm, giám sát rủi ro tín dụng chi nhánh, quản lý thu hồi và xử lý nợ được thực hiện tự động, giảm thiểu thời gian xử lý dữ liệu và nâng cao chất lượng thông tin. Bên cạnh đó, VietinBank là một trong những ngân hàng đầu tiên triển khai các mô hình đo lường rủi ro tín dụng theo chuẩn Basel II theo phương pháp phân tích thống kê để thay thế Hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ theo phương pháp chuyên gia trước đây và sử dụng kết quả mô hình trong công tác phê duyệt tín dụng, định giá khoản vay và quản lý khách hàng.

b. Chính sách quản lý rủi ro hoạt động

VietinBank thực hiện việc áp dụng các thông lệ quốc tế về quản trị rủi ro hoạt động thông qua một số công cụ như (i) tự đánh giá rủi ro và biện pháp kiểm soát (RCSA); (ii) chỉ số rủi ro chính (KRJ); (iii) thu thập và quản lý sự kiện rủi ro hoạt động (LDC) và (iv) sử dụng các phát hiện của kiểm toán nội bộ và kiểm toán độc lập.

VietinBank xây dựng chính sách và hướng dẫn cho công tác quản lý rủi ro hoạt động nhằm đáp ứng các yêu cầu của Thông tư 13/2018/TT-NHNN ngày 18/05/2018 của NHNN như hạn mức rủi ro hoạt động (bao gồm hạn mức về tổn thất tài chính và phí tài chính); quản lý rủi ro trong ứng dụng công nghệ, hoạt động thuê ngoài, đảm bảo kinh doanh liên tục (BCP). VietinBank liên tục đẩy mạnh và nâng cao nhận thức, văn hóa quản lý rủi ro hoạt động trên toàn hệ thống thông qua việc chủ động tổ chức các lớp đào tạo chuyên sâu rủi ro hoạt động, cũng như các cuộc thi nội bộ để tạo ra những làn sóng đổi mới, khơi gợi ý tưởng, sáng kiến cải tiến, quản trị rủi ro. Đồng thời, VietinBank tiếp tục chú trọng đào tạo, xây dựng và tuyển dụng một đội ngũ cán bộ triển khai quản lý rủi ro hoạt động chủ chốt có kinh nghiệm, có năng lực.

Việc quản lý rủi ro hoạt động tại VietinBank được vận hành theo mô hình 03 tuyến bảo vệ, quy định rõ ràng vai trò cũng như trách nhiệm của từng đơn vị thuộc mỗi tuyến bảo vệ. Trên thực tế, các đơn vị thuộc các tuyến bảo vệ phối hợp chặt chẽ với nhau nhằm thực hiện công tác quản lý rủi ro hoạt động một cách xuyên suốt từ Trụ sở chính tới Chi nhánh và toàn diện ở tất cả các HĐKD, nghiệp vụ, phát huy tốt hiệu quả mô hình 3 tuyến bảo vệ, đảm bảo HĐKD đúng định hướng, an toàn và tuân thủ quy định pháp luật.

c. Chính sách quản lý rủi ro thị trường

VietinBank xây dựng chiến lược quản lý rủi ro thị trường nhằm thiết lập mục tiêu kiểm soát rủi ro đối với các hoạt động phát sinh rủi ro thị trường, các biện pháp kiểm soát phù hợp năng lực quản lý rủi ro thị trường gắn với chiến lược kinh doanh trung và dài hạn của VietinBank, đảm bảo HĐKD phát triển an toàn, bền vững, tuân thủ các quy định của cơ quan quản lý, cam kết với đối tác chiến lược.

Tất cả các rủi ro thị trường phát sinh được quản lý tập trung tại Trụ sở chính VietinBank theo mô hình 3 tuyến bảo vệ. Phòng Kinh doanh vốn đóng vai trò là tuyến bảo vệ thứ nhất, chủ động nhận dạng, kiểm soát trạng thái rủi ro thị trường, thiết lập các chốt kiểm soát và giám sát tại đơn vị mình, đảm bảo tuân thủ các hạn mức, khẩu vị rủi ro thị trường. Phòng Quản lý rủi ro thị trường đóng vai trò là tuyến bảo vệ thứ 2, thực hiện chức năng kiểm soát rủi ro thị trường một cách độc lập thông qua thiết lập các văn bản chính sách và xây dựng mô hình đo lường rủi ro, đồng thời báo cáo trực tiếp cho Phó TGD phụ trách/Giám đốc Khối Quản lý rủi ro và độc lập với đơn vị Kinh doanh vốn & Thị trường. Phòng Kiểm toán nội bộ thực hiện chức năng tuyến bảo vệ thứ ba, kiểm toán tại các đơn vị thuộc tuyến bảo vệ thứ nhất và thứ hai, đảm bảo kiểm tra, giám sát rủi ro thị trường một cách độc lập, hiệu quả.

VietinBank đã xây dựng hệ thống chính sách, quy định về quản lý rủi ro thị trường, trong đó quản lý rủi ro tập trung trong giao dịch tự doanh đầy đủ, đồng bộ các bước nhận dạng, đo lường, theo dõi và kiểm soát rủi ro, định kỳ được rà soát, cập nhật kịp thời nhằm đáp ứng nhu cầu HĐKD thực tế, phù hợp với thông lệ quốc tế (Basel II, Basel III) và các yêu cầu của cơ quan quản lý.

Mục tiêu của việc kiểm soát rủi ro thị trường là quản lý mức độ tổn thất của VietinBank trước các biến động có thể xảy ra của các yếu tố rủi ro thị trường (tỷ giá, lãi suất, giá hàng hóa, giá cổ phiếu, mức độ tập trung giao dịch tự doanh). VietinBank thực hiện kiểm soát rủi ro thị trường thông qua việc thiết lập, cập nhật, duy trì và quản lý, giám sát tuân thủ khẩu vị rủi ro thị trường và hạn mức rủi ro thị trường thông qua các chỉ số đo lường như: lãi/lỗ, trạng thái, giá trị chịu rủi ro (VaR), chỉ số đo lường độ nhạy với lãi suất (PV01), hạn mức trạng thái/số dư đối với các sản phẩm giao dịch, loại tiền tệ, đối tác giao dịch thuộc danh mục tự doanh có rủi ro tập trung; mức tổn thất trong điều kiện căng thẳng (Stress loss); tính vốn yêu cầu cho rủi ro thị trường; thực hiện kiểm định mô hình (test hệ thống, xác thực giá độc lập, backtesting).

d. Chính sách quản lý rủi ro lãi suất trên Sổ Ngân hàng

VietinBank đã thiết lập hệ thống quy định, quy trình và hạn mức kiểm soát rủi ro lãi suất (RRLS) trên Sổ Ngân hàng đáp ứng yêu cầu của cơ quan quản lý và theo thông lệ Basel II. Công tác quản lý RRLS trên Sổ Ngân hàng được triển khai thông qua mô hình 3 tuyến bảo vệ nhằm đảm bảo sự chuyên sâu, toàn diện, mang tính hệ thống và phù hợp với thông lệ thị trường. VietinBank áp dụng bộ công cụ quản lý RRLS theo các chỉ số về (i) trạng thái chênh lệch kỳ định lại lãi suất (repricing gap), (ii) tác động thay đổi lãi suất đến thu nhập lãi thuần (Delta NII) và/hoặc giá trị kinh tế của vốn chủ sở hữu (Delta EVE). VietinBank đã triển khai hệ thống phần mềm Quản lý Tài sản Nợ - Có (ALM) và hệ thống điều chuyển vốn nội bộ (FTP) cho phép quản lý tập trung trạng thái RRLS tại Trụ sở chính Vietinbank, cung cấp tự động các báo cáo đo lường chỉ số, báo cáo phân tích kịch bản tăng/giảm lãi suất... nhằm kiểm soát RRLS trong phạm vi cho phép, đưa ra các biện pháp phòng ngừa và xây dựng các chính sách lãi suất phù hợp. Ở cấp độ giao dịch, tất cả các hợp đồng tín dụng của VietinBank đều phải có các điều khoản phòng ngừa RRLS để đảm bảo Ngân hàng luôn chủ động trước những biến động bất thường của thị trường; lãi suất cho vay phải được xây dựng dựa trên cơ sở phản ánh đúng chi phí huy động vốn thực tế của Ngân hàng.

e. Chính sách quản lý, bảo đảm hệ số an toàn vốn

VietinBank đã ban hành quy định và quy trình quản lý vốn tự có và đánh giá nội bộ về mức đủ vốn trong hệ thống VietinBank bao gồm (i) các nguyên tắc, chính sách quản lý vốn tự có; (ii) quy trình cụ thể nhằm xác định vốn mục tiêu và lập kế hoạch vốn; (iii) giám sát và báo cáo về vốn và tỷ lệ CAR; (iv) trách nhiệm và quyền hạn các bên liên quan; đảm bảo tuân thủ quy định của NHNN, cam kết với các đối tác và phù hợp với thông lệ quốc tế.

Hàng năm, kế hoạch vốn được xây dựng trên cơ sở dự kiến về các biện pháp tăng vốn tự có và kiểm

soát tài sản có rủi ro, từ đó làm cơ sở xây dựng chiến lược, kế hoạch kinh doanh trong từng giai đoạn. Định kỳ, kế hoạch vốn được rà soát, cập nhật nhằm phù hợp với thực tiễn, đảm bảo tuân thủ, đồng thời tiết giảm chi phí và nâng cao hiệu quả trong kinh doanh.

Về hệ thống, VietinBank đã xây dựng hệ thống tính toán tỷ lệ an toàn vốn tự động trên nền tảng các dữ liệu nguồn của Ngân hàng. Dữ liệu tính toán thường xuyên được kiểm tra, đối chiếu nhằm đảm bảo tính chính xác. Vốn và tỷ lệ an toàn vốn được định kỳ giám sát, dự báo và báo cáo Ban Điều hành, các Hội đồng nhằm kiểm soát, đảm bảo tuân thủ theo quy định.

6.2.2. Đánh giá tình hình thực hiện, giải pháp khắc phục các tồn tại, hạn chế

Từ năm 2020 đến nay, đại dịch COVID-19 đã tác động tiêu cực tới các lĩnh vực và ngành nghề của nền kinh tế Việt Nam. HĐKD của rất nhiều doanh nghiệp và khách hàng của VietinBank bị ảnh hưởng nặng nề và gặp rất nhiều khó khăn gây tiềm ẩn các rủi ro phát sinh nợ xấu cho Ngân hàng. Trong bối cảnh này, VietinBank đã và đang tích cực đồng hành cùng khách hàng để kịp thời có các biện pháp hỗ trợ, tháo gỡ phù hợp, thiết thực như cơ cấu lại thời hạn trả nợ, ưu đãi lãi suất, giữ nguyên nhóm nợ và giải ngân mới... nhằm giúp doanh nghiệp và khách hàng vượt qua khó khăn, ổn định hoạt động SXKD; đồng thời chủ động nhận diện sớm rủi ro và triển khai các biện pháp phân loại, thu hồi xử lý nợ để giảm thiểu tổn thất và rủi ro cho Ngân hàng. Chính vì vậy, VietinBank đã kiểm soát tốt tỷ lệ nợ xấu ở mức dưới 1% vào thời điểm cuối năm 2020.

Công tác quản lý rủi ro tín dụng tiếp tục được chú trọng từ cấp tổng thể đến cấp độ giao dịch. Theo đó, VietinBank triển khai mạnh mẽ các biện pháp hạn chế phát sinh mới nợ xấu, tăng cường thu hồi, xử lý nợ nhằm nâng cao chất lượng tín dụng và hiệu quả sử dụng vốn. Các chính sách, quy trình cấp tín dụng thường xuyên được rà soát, cập nhật nhằm tăng cường quản trị rủi ro, tuân thủ quy định của NHNN và chuẩn hóa theo thông lệ quốc tế. Cùng với đó, VietinBank ưu tiên và nâng cấp, cải tiến hệ thống CNTT để hỗ trợ việc quản lý, giám sát rủi ro tín dụng, cảnh báo sớm rủi ro tiềm ẩn từ danh mục tín dụng và khách hàng, kịp thời thu hồi và xử lý nợ.

Trước những diễn biến phức tạp và khó lường của thị trường trong nước và quốc tế do tác động của dịch bệnh COVID-19, VietinBank chủ động giám sát chặt chẽ và kiểm soát các yếu tố rủi ro thị trường với việc điều chỉnh linh hoạt khẩu vị và hạn mức rủi ro thị trường đối với các sản phẩm giao dịch, loại tiền tệ và đối tượng khách hàng; đồng thời định kỳ phân tích, đo lường mức độ tổn thất, mức vốn yêu cầu cho rủi ro thị trường để xác định mức rủi ro tiềm ẩn. Trong năm 2020, VietinBank đã tiến hành nâng cấp hệ thống Treasury Murex để chủ động đáp ứng sẵn sàng các thay đổi về HĐKD vốn, giúp Ngân hàng tiếp cận gần hơn với thông lệ tiên tiến và tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường. Song song với đó, VietinBank cũng chủ động cải tiến các hệ thống tính toán vốn yêu cầu cho các rủi ro trọng yếu (RWA), hệ thống hỗ trợ giám sát sau giao dịch kinh doanh vốn (Treasury Monitoring), hệ thống quản lý giao dịch phái sinh hàng hóa (Vision Commodity)...

Kể từ khi dịch COVID-19 bùng phát, VietinBank đã thành lập Ban chỉ đạo phòng chống dịch COVID-19 nhằm triển khai công tác quản trị rủi ro hoạt động, thực hiện các kế hoạch duy trì kinh doanh liên tục và ứng phó với các tình huống khẩn cấp và diễn biến phức tạp, lan rộng của dịch bệnh. VietinBank đã xây dựng các phương án giao dịch, làm việc phân tách, triển khai khám sức khỏe và tiêm phòng cho cán bộ nhân viên; đồng hành, hỗ trợ người dân, doanh nghiệp vượt qua khó khăn; hoàn thiện xây dựng kế hoạch ứng phó dịch bệnh thường xuyên, định kỳ theo hướng dẫn của Bộ Y tế và Chính phủ. Nhờ vậy, HĐKD của VietinBank được duy trì liên tục và đảm bảo cung cấp dịch vụ toàn diện đến khách hàng. Cùng với công tác ứng phó các rủi ro mang tính khách quan, trong năm 2020 VietinBank cũng liên tục cập nhật chính sách và giám sát kết quả môi trường kiểm soát tại từng đơn vị nhằm chủ động phòng ngừa rủi ro nội tại và tăng cường hiệu quả hoạt động, hỗ trợ Chi nhánh và các đơn vị Trụ sở chính nhận diện các vấn đề còn tồn tại trong môi trường kiểm soát toàn hàng và từ đó triển khai các biện pháp ứng xử phù hợp.

Theo định kỳ, VietinBank thường xuyên tiến hành kiểm tra sức chịu đựng về thanh khoản nhằm đánh giá khả năng thực hiện các nghĩa vụ cam kết, xây dựng kế hoạch dự phòng thanh khoản; bảo đảm các tỷ lệ về an toàn vốn hoạt động theo quy định của NHNN. Thực hiện các chiến lược, mục tiêu quản lý rủi ro thanh khoản nhằm duy trì đủ tài sản có tính thanh khoản cao để đáp ứng nhu cầu thanh toán

trong điều kiện hoạt động bình thường và có diễn biến bất lợi về thanh khoản; đảm bảo đa dạng hóa về kênh huy động vốn, phù hợp với cơ cấu kỳ hạn sử dụng nguồn vốn. VietinBank cũng thiết lập, mở rộng giới hạn và quan hệ với các TCTD và định chế tài chính khác để tăng cường hiệu quả huy động và sử dụng nguồn.

6.3 Thị trường hoạt động

6.3.1 Mạng lưới chi nhánh, phòng giao dịch và văn phòng đại diện:

- **Mạng lưới trong nước:** Tính đến 30/09/2021, VietinBank có 155 Chi nhánh hoạt động trong nước (trong đó, miền Bắc có 73 Chi nhánh, miền Trung có 29 Chi nhánh và miền Nam là 53 Chi nhánh); 958 phòng giao dịch trải khắp trên 63 tỉnh thành của cả nước. Ngoài ra, VietinBank còn có 02 văn phòng đại diện đặt tại Đà Nẵng và Tp. Hồ Chí Minh và 01 Trung tâm Khách hàng phía Nam.
- **Mạng lưới quốc tế:** Tính đến 30/09/2021, VietinBank có 02 Chi nhánh hoạt động tại Đức, 01 ngân hàng con hoạt động tại Lào và 01 văn phòng đại diện đặt tại Myanmar.

6.3.2 Mạng lưới khách hàng và các loại dịch vụ cho khách hàng

- **Mạng lưới khách hàng của VietinBank:** Tính đến thời điểm 30/09/2021, mạng lưới khách hàng của VietinBank phân loại theo từng đối tượng khách hàng gồm có:
 - ✓ **KHDN lớn:** bao gồm 8.056 khách hàng, chiếm 7,6% tổng số KHDN và tăng 31,10% so với đầu năm 2021. Theo địa bàn hoạt động, số lượng khách hàng tại miền Bắc là 3.533 (chiếm 43,9%), miền Trung là 1.434 (chiếm 17,8%) và miền Nam là 3.089 (chiếm 38,3%).
 - ✓ **KHDN nhỏ và vừa:** gồm có 93.642 khách hàng, chiếm 88,7% tổng số KHDN và tăng 11,42% so với đầu năm 2021. Phân theo địa bàn hoạt động: miền Bắc có 38.840 khách hàng (chiếm 41,5%), miền Trung có 19.793 khách hàng (chiếm 21,1%) và miền Nam có 35.009 khách hàng (chiếm 37,4%).
 - ✓ **KHDN FDI:** bao gồm 3.849 khách hàng, chiếm 3,6% tổng số KHDN và tăng 4,5% so với đầu năm 2021. Theo địa bàn hoạt động: miền Bắc có 1.890 khách hàng (chiếm 49,1%), miền Nam có 1.616 khách hàng (chiếm 42%) và miền Trung có 343 khách hàng (chiếm 8,9%).
 - ✓ **Khách hàng Định chế tài chính ("ĐCTC"):** VietinBank thiết lập và mở rộng quan hệ với 294 khách hàng ĐCTC, bao gồm:
 - 186 khách hàng ĐCTC là TCTD; trong đó: có 46 TCTD trong nước (gồm 39 NHTM, 5 công ty tài chính và 2 tổ chức tài chính vi mô) và 140 TCTD nước ngoài (gồm 136 NHTM và 4 công ty tài chính).
 - 105 khách hàng ĐCTC phi TCTD; trong đó: có 45 công ty bảo hiểm (gồm 31 công ty trong nước và 14 công ty nước ngoài) và 60 công ty chứng khoán (44 công ty trong nước và 16 công ty nước ngoài);
 - 03 khách hàng ĐCTC là tổ chức đa phương, gồm Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB), Công ty Tài chính Quốc tế (IFC) và Ngân hàng Đầu tư Châu Âu (EIB).
 - ✓ **Khách hàng cá nhân (KHCCN):** quy mô KHCCN của VietinBank đạt gần 15 triệu khách hàng tại thời điểm 30/09/2021, tăng 7,34% so với đầu năm 2021 và tăng 10,2% so với cùng kỳ 2020.
- **Các SPDV cho khách hàng:**
 - ✓ **Các SPDV dành cho cá nhân:** bao gồm:
 - **Ngân hàng số:** bao gồm các dịch vụ như VietinBank iPay, iPay Mobile, SMS Banking và Bank Plus;
 - **Tiền gửi:** gồm các sản phẩm tiền gửi tiết kiệm; tiền gửi tài khoản thanh toán và sản phẩm GTCG khác như kỳ phiếu, chứng chỉ tiền gửi và trái phiếu...
 - **Thẻ:** bao gồm các sản phẩm thẻ, dịch vụ thanh toán thẻ và các dịch vụ khác dành cho thẻ;

- *Cho vay*: gồm các sản phẩm cho vay tiêu dùng và cho vay phục vụ SXKD;
- *Bảo hiểm*: gồm các sản phẩm bảo hiểm phi nhân thọ và bảo hiểm nhân thọ dành cho nhu cầu cá nhân.
- ✓ *Các SPDV dành cho doanh nghiệp*: bao gồm:
 - *Tiền gửi*: gồm tiền gửi không kỳ hạn trên tài khoản thanh toán; tiền gửi đầu tư đa năng; tiền gửi ký quỹ; tiền gửi có kỳ hạn thông thường; đầu tư tiền gửi có kỳ hạn tự động;
 - *Cho vay*: bao gồm các sản phẩm cho vay ngắn hạn, trung hạn và dài hạn; cho vay chuyên biệt; các chương trình tín dụng quốc tế;
 - *Thanh toán quốc tế và tài trợ thương mại*: gồm các sản phẩm dành cho doanh nghiệp xuất/nhập khẩu; chuyển tiền ngoại tệ; bảo lãnh; tài trợ thương mại nội địa; VietinBank Trade Portal...;
 - *Thanh toán và quản lý dòng tiền*: các dịch vụ quản lý khoản phải chi/phải thu; quản lý dòng tiền; chuyển tiền và quản lý tài khoản;
 - *Kinh doanh ngoại tệ và thị trường vốn*: gồm các dịch vụ ngân hàng đầu tư; kinh doanh ngoại tệ và sản phẩm phái sinh lãi suất; ngân hàng lưu ký giám sát và các sản phẩm phái sinh giá cả hàng hóa;
 - *Ngân hàng điện tử*: dịch vụ VietinBank eFast cung cấp và hỗ trợ khách hàng thực hiện các giao dịch tài chính và quản lý tài khoản mọi lúc, mọi nơi thông qua kết nối Internet.
 - *Bảo hiểm*: gồm các sản phẩm bảo hiểm phi nhân thọ và bảo hiểm nhân thọ phục vụ nhu cầu của doanh nghiệp.

6.3.3. Thị phần và khả năng cạnh tranh

Tại thời điểm 30/09/2021, thị phần của VietinBank về tổng tài sản, dư nợ cho vay và tiền gửi của khách hàng so với các ngân hàng trong ngành lần lượt là 14,15%; 15,53% và 14,87%.

Chỉ tiêu hợp nhất (tại 30/09/2021)	Tổng tài sản	Dư nợ cho vay	Tiền gửi của khách hàng
VietinBank (tỷ đồng)	1.447.809	1.084.606	1.072.893
Thị phần VietinBank so với các ngân hàng trong ngành (*)	14,15%	15,53%	14,87%

Nguồn: () Số liệu được tính toán theo dữ liệu tổng hợp của FIINGROUP từ BCTC hợp nhất Quý III/2021 của 27 ngân hàng đang niêm yết trên HOSE, HNX và UPCOM.*

6.3.4 Các dự án phát triển HĐKD đang thực hiện

Lĩnh vực	Dự án/Chương trình	Đánh giá ảnh hưởng của các dự án tới HĐKD của VietinBank
Quản lý rủi ro (QLRR)	Dự án Khung QLRR tích hợp và Khẩu vị Rủi ro ("KVRR").	Giúp cho VietinBank xây dựng Khung QLRR tích hợp và nguyên tắc xây dựng KVRR phù hợp với thông lệ quốc tế, đồng thời quản lý và ngăn ngừa các loại rủi ro trọng yếu mà VietinBank có thể gặp phải.
	Dự án hệ thống phòng chống rửa tiền - Giai đoạn 2.	Giúp cho VietinBank phát hiện và ngăn chặn rủi ro giao dịch cấm vận và khách hàng đen của tổ chức quốc tế cũng như NHNN.
Công nghệ thông tin ("CNTT")	Triển khai phân tích dữ liệu lớn-big data, ứng dụng trí tuệ nhân tạo, máy học vào các bài toán kinh doanh	Việc ứng dụng công nghệ mới nhằm giúp cho VietinBank đáp ứng nhanh và kịp thời các yêu cầu về quản trị rủi ro, thúc đẩy bán.
	Triển khai sản phẩm sinh trắc học và kiosk thông minh tại các Chi nhánh, phòng giao dịch	Nhằm hiện đại hoá kênh quầy giao dịch với các tính năng tự nhận diện khách hàng, xử lý thông tin trước giao dịch và tăng cường trải nghiệm khách hàng

Lĩnh vực	Dự án/Chương trình	Đánh giá ảnh hưởng của các dự án tới HĐKD của VietinBank
	Triển khai dự án tự động hoá quy trình Robostic	Tự động hoá quy trình vận hành tác nghiệp nhằm tăng NSLĐ, giảm thiểu rủi ro tác nghiệp vận hành
	Triển khai dự án hoá đơn điện tử	Cung cấp dịch vụ hoá đơn điện tử đáp ứng yêu cầu của cơ quan nhà nước
	Dự án Thay đổi giao diện và nâng cao trải nghiệm người dùng dịch vụ ngân hàng điện tử cho KHDN	Tăng cường tính năng tiện ích Ngân hàng điện tử phục vụ KHDN
	Triển khai cập nhật liên tục ứng dụng VietinBank iPay Mobile	Giúp nâng cao trải nghiệm KHCN và đáp ứng tối đa nhu cầu của khách hàng
	Nghiên cứu triển khai hạ tầng điện toán đám mây cho các ứng dụng của VietinBank	Tăng cường khả năng vận hành sẵn sàng cung cấp dịch vụ NHĐT, website, phân tích dữ liệu lớn...
	Nâng cấp tái cấu trúc hệ thống quản trị người dùng Active Directory	Nâng cao hiệu năng, tăng cường quản trị vận hành hạ tầng CNTT
	Triển khai hệ thống quản lý bảo mật theo chuẩn ISO 27001:2013	Nhằm xây dựng hệ thống, ban hành bộ chính sách quy trình về quản lý tài sản, quản lý rủi ro và an toàn thông tin, triển khai áp dụng cho hệ thống ngân hàng điện tử và một số hoạt động phát triển, bảo trì và vận hành phần mềm nghiệp vụ tại VietinBank đáp ứng theo chuẩn ISO 27001:2013
Quản trị nguồn nhân lực	Dự án Cấu trúc lại hệ thống cấp bậc công việc của VietinBank	Thực hiện rà soát cấu trúc lại toàn bộ hệ thống, cấp bậc công việc của VietinBank, giúp thực hiện đồng bộ với hệ thống đãi ngộ và xác định lộ trình công danh theo từng vị trí
	Dự án sửa đổi quy chế tiền lương và quy định chế độ phúc lợi cho người lao động	Việc ừa đổi quy chế tiền lương là để phù hợp với quy định mới của nhà nước, xây dựng cơ chế tiền lương thúc đẩy bán và bảo đảm các chế độ phúc lợi cho người lao động
	Dự án nâng cấp/ thay thế hệ thống quản trị nguồn nhân lực Peoplesoft	Triển khai mua sắm/lựa chọn nhà cung cấp để nâng cấp/ thay thế hệ thống quản trị nguồn nhân lực Peoplesoft hiện tại nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động quản trị nguồn nhân lực
Phát triển sản phẩm mới, lĩnh vực kinh doanh mới	Dự án xây dựng và triển khai hệ thống chăm sóc khách hàng Loyalty (Dự án Loyalty).	Hệ thống Quản lý Loyalty là hệ thống xây dựng và quản lý các chương trình ưu đãi/chăm sóc tập trung dành cho KHCN của VietinBank; nâng cao giá trị gia tăng dành cho khách hàng, tăng cường các mối quan hệ bền vững giữa ngân hàng với khách hàng, trên cơ sở đó thúc đẩy hiệu quả kinh doanh các SPDV bán lẻ nói riêng và của ngân hàng nói chung.

[Phần cuối của trang này được cố tình bỏ trống để chuyển tiếp sang nội dung trang tiếp theo của Bản Cáo Bạch]

7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

7.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu chủ yếu về HĐKD của VietinBank trong 02 năm gần nhất và quý gần nhất

7.1.1. Kết quả HĐKD

Kết quả HĐKD Hợp nhất

Chỉ tiêu (Tỷ đồng)	Năm 2019	Năm 2020	%tăng/giảm 2020/2019	9 tháng đầu năm 2021
Tổng giá trị tài sản	1.240.711	1.341.436	8,1%	1.447.809
Vốn chủ sở hữu	77.355	85.411	10,4%	95.601
Thu nhập lãi từ các khoản thu nhập tương tự	82.743	83.678	1,1%	63.095
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	4.055	4.341	7,1%	3.794
Lãi thuần từ HĐKD ngoại hối	1.564	1.999	27,8%	1.355
Lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	366	601	64,2%	255
Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	(791)	361	-	144
Lãi thuần từ hoạt động khác	1.497	1.910	27,6%	1.938
Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	628	524	(16,6%)	382
Chi phí hoạt động	15.735	16.085	2,2%	11.346
Lợi nhuận thuần từ HĐKD trước chi phí DPRR tín dụng	24.785	29.232	17,9%	27.915
Chi phí DPRR tín dụng	13.004	12.147	-6,6%	14.004
LNTT	11.781	17.085	45,0%	13.911
LNST	9.477	13.757	45,2%	11.233
Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	16	64	300%	62
Lợi nhuận thuần của chủ sở hữu	9.461	13.694	44,7%	11.172
Tỷ lệ LNST trên VCSH bình quân (ROE)	13,16%	16,95%	28,8%	12,4%

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2019, 2020 được kiểm toán và BCTC hợp nhất Quý III năm 2021 của VietinBank)

Kết quả HĐKD Công ty mẹ

Chỉ tiêu (Tỷ đồng)	Năm 2019	Năm 2020	%tăng/giảm 2020/2019	9 tháng đầu năm 2021
Tổng giá trị tài sản	1.228.542	1.327.921	8,1%	1.432.591
Vốn chủ sở hữu	74.307	82.113	10,5%	92.281
Thu nhập lãi từ các khoản thu nhập tương tự	81.797	82.736	1,1%	62.242
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	3.373	3.762	11,5%	3.226
Lãi thuần từ HĐKD ngoại hối	1.519	1.887	24,2%	1.426
Lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	432	459	6,3%	185
Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	(791)	364	-	139
Lãi thuần từ hoạt động khác	1.196	1.746	45,9%	1.983
Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	745	532	(28,6%)	687
Chi phí hoạt động	14.733	15.128	2,7%	10.890
Lợi nhuận thuần từ HĐKD trước chi phí DPRR tín dụng	24.389	28.475	16,8%	27.500
Chi phí DPRR tín dụng	12.928	12.026	(6,9%)	13.867
LNTT	11.461	16.449	43,5%	13.634
LNST	9.283	13.256	42,8%	11.049
Tỷ lệ LNST trên VCSH bình quân (ROE)	13,3%	16,95%	27,2%	12,7%

(Nguồn: BCTC riêng đã kiểm toán năm 2019, 2020 và BCTC riêng Quý III năm 2021 của VietinBank)

Năm 2020, VietinBank đã hoàn thành toàn bộ các mục tiêu kinh doanh, với kết quả ấn tượng của một số chỉ tiêu tài chính cơ bản như sau: Tổng tài sản hợp nhất và riêng lẻ của VietinBank tại 31/12/2020 lần lượt đạt xấp xỉ 1.341,44 nghìn tỷ đồng và 1.328 nghìn tỷ đồng; với cùng mức tăng trưởng là 8,1% so với cùng kỳ năm 2019; Quy mô VCSH theo BCTC hợp nhất và riêng lẻ của VietinBank tại 31/12/2020 lần lượt đạt 85.411 tỷ đồng và 82.113 tỷ đồng, tương ứng với mức tăng là 10,4% và 10,5% so với cùng kỳ 2019. Hiệu quả kinh doanh được cải thiện mạnh mẽ, với LNST hợp nhất và riêng lẻ lần lượt đạt 13.757 tỷ đồng và 13.256 tỷ đồng, tương ứng với mức tăng trưởng cao là 45,2% và 42,8% so với năm 2019.

Lợi nhuận hợp nhất và Công ty mẹ của VietinBank đều đạt kết quả tích cực là nhờ: (i) thu nhập từ hoạt động dịch vụ, trong đó cơ cấu thu phí dịch vụ năm 2020 tiếp tục chiếm tỷ trọng cao ở phí thanh toán (gần 57%) theo đúng định hướng phát triển ngân hàng thanh toán hiện đại, nâng cao chất lượng SPDV và trải nghiệm của khách hàng, đặc biệt là phát triển kênh E-banking; (ii) thu nhập từ HDKD ngoại tệ và chứng khoán hợp lý, hiệu quả; (iii) thu hồi từ nợ xử lý rủi ro tăng mạnh; và (iv) kiểm soát chi phí hiệu quả.

Kết thúc 9 tháng đầu năm 2021, tổng tài sản hợp nhất và Công ty mẹ của VietinBank lần lượt đạt 1.447,81 nghìn tỷ đồng và 1.432,59 nghìn tỷ đồng, tương ứng với mức tăng là 7,93% và 7,88% so với cuối năm 2020; VCSH theo số liệu hợp nhất và riêng lẻ lần lượt là 95.601 tỷ đồng và 92.281 tỷ đồng, tương ứng với mức tăng là 11,93% và 12,38% so với cuối năm 2020. LNST hợp nhất và Công ty mẹ trong 9 tháng đầu năm 2021 của VietinBank đạt kết quả tích cực, lần lượt đạt 11.233 tỷ đồng và 11.049 tỷ đồng; tương ứng với mức tăng là 34,4% và 34,6% so với cùng kỳ năm 2020.

Lợi nhuận 9 tháng đầu năm 2021 của VietinBank tăng trưởng và đạt kết quả tích cực là do: (i) Thu nhập lãi thuần (không bao gồm thu phí bảo lãnh) tăng trưởng ổn định nhờ kiểm soát tốt chi phí vốn, CASA được cải thiện và dư nợ tín dụng tăng trưởng ổn định; (ii) Thu nhập thuần từ hoạt động dịch vụ (gồm thu phí bảo lãnh) tăng trưởng tốt nhờ đẩy bán sản phẩm có thể mạnh như tài trợ thương mại, chuyển tiền, dịch vụ thẻ... và kiểm soát các khoản phí dịch vụ để tối ưu hóa hiệu quả quản trị chi phí; (iii) Tối ưu việc sử dụng chi phí hỗ trợ trực tiếp HDKD, kiểm soát chi phí hiệu quả; tỷ lệ CIR giảm từ 35,5% trong năm 2020 xuống còn 28,9%; (iv) Thu hồi nợ xấu đã xử lý rủi ro tiếp tục tăng mạnh; và (v) Trích lập dự phòng thận trọng hơn mức tối thiểu theo quy định trong bối cảnh kinh tế bất lợi.

7.1.2. Các chỉ tiêu khác

a) Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự

Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự (Hợp nhất)

Chỉ tiêu Hợp nhất	Năm 2019		Năm 2020		% tăng(giảm) 2020/2019	9 tháng đầu năm 2021	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng		Giá trị	Tỷ trọng
Thu nhập lãi tiền gửi	3.121	3,8%	2.264	2,7%	(27,5%)	1.087	1,7%
Thu nhập lãi cho vay khách hàng	71.595	86,5%	73.400	87,7%	2,5%	55.865	88,5%
Thu lãi từ chứng khoán nợ	6.510	7,9%	6.423	7,7%	(1,3%)	4.754	7,5%
Thu từ nghiệp vụ bảo lãnh	646	0,8%	688	0,8%	6,5%	699	1,1%
Thu nhập lãi cho thuê tài chính	271	0,3%	293	0,4%	8,1%	251	0,4%
Thu khác từ hoạt động tín dụng	600	0,7%	610	0,7%	1,7%	439	0,7%
Tổng cộng	82.743	100%	83.678	100%	1,1%	63.095	100%

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2019, 2020 được kiểm toán và BCTC hợp nhất Quý III năm 2021 của VietinBank)

Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự (Công ty mẹ)

Chi tiêu riêng	Năm 2019		Năm 2020		%tăng(giảm) 2020/2019	9 tháng đầu năm 2021	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng		Giá trị	Tỷ trọng
Thu nhập lãi tiền gửi	3.094	3,8%	2.247	2,7%	(27,4%)	1.082	1,7%
Thu nhập lãi cho vay khách hàng	71.111	86,9%	72.908	88,1%	2,5%	55.417	89,0%
Thu lãi từ chứng khoán nợ	6.373	7,8%	6.300	7,6%	(1,1%)	4.624	7,4%
Thu từ nghiệp vụ bảo lãnh	644	0,8%	688	0,8%	6,8%	699	1,1%
Thu khác từ hoạt động tín dụng	575	0,7%	593	0,7%	3,1%	421	0,7%
Tổng cộng	81.797	100%	82.736	100%	1,1%	62.242	100%

(Nguồn: BCTC riêng năm 2019, 2020 được kiểm toán và BCTC riêng Quý III năm 2021 của VietinBank)

b) Tổng thu nhập hoạt động

Tổng thu nhập hoạt động (Hợp nhất)

Chi tiêu Hợp nhất	Năm 2019		Năm 2020		%tăng(giảm) 2020/2019	9 tháng đầu năm 2021	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng		Giá trị	Tỷ trọng
Thu nhập lãi thuần	33.199	81,9%	35.581	78,5%	7,2%	31.393	80,0%
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	4.055	10,0%	4.341	9,6%	7,1%	3.794	9,7%
Lãi thuần từ HĐKD ngoại hối	1.564	3,9%	2.000	4,4%	27,9%	1.355	3,5%
Lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	366	0,9%	601	1,3%	64,2%	255	0,7%
Lãi thuần/(Lỗ) từ mua bán chứng khoán đầu tư	(791)	-2,0%	361	0,8%	(145,6%)	144	0,4%
Lãi thuần từ hoạt động khác	1.497	3,7%	1.910	4,2%	27,6%	1.938	4,9%
Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	628	1,6%	524	1,2%	(16,6%)	382	1,0%
Tổng cộng	40.519	100%	45.317	100%	11,8%	39.261	100%

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2019, 2020 được kiểm toán và BCTC hợp nhất Quý III năm 2021 của VietinBank)

Tổng thu nhập hoạt động (Công ty mẹ)

Chi tiêu riêng	Năm 2019		Năm 2020		% tăng(giảm) 2020/2019	9 tháng đầu năm 2021	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng		Giá trị	Tỷ trọng
Thu nhập lãi thuần	32.648	83,5%	34.852	79,9%	6,8%	30.745	80,1%
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	3.373	8,6%	3.762	8,6%	11,5%	3.226	8,4%
Lãi thuần từ HĐKD ngoại hối	1.519	3,9%	1.887	4,3%	24,2%	1.426	3,7%
Lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	432	1,1%	460	1,1%	6,5%	185	0,5%
Lãi thuần/(Lỗ) từ mua bán chứng khoán đầu tư	(791)	-2,0%	364	0,8%	(146%)	139	0,4%
Lãi thuần từ hoạt động khác	1.196	3,1%	1.746	4,0%	46,0%	1.983	5,2%
Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	745	1,9%	532	1,2%	(28,6%)	687	1,8%
Tổng cộng	39.123	100%	43.603	100%	11,5%	38.391	100%

(Nguồn: BCTC riêng năm 2019, 2020 được kiểm toán và BCTC riêng Quý III năm 2021 của VietinBank)

c) Chi phí hoạt động

Chi phí hoạt động (Hợp nhất)

Chỉ tiêu Hợp nhất	Năm 2019		Năm 2020		% tăng(giảm) 2020/2019	9 tháng đầu năm 2021	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng		Giá trị	Tỷ trọng
Chi nộp thuế và các khoản phí, lệ phí	21	0,1%	21	0,1%	(0,6%)	15	0,1%
Chi cho nhân viên	9.435	60,0%	9.262	57,6%	(1,8%)	7.221	63,6%
Chi về tài sản	2.280	14,5%	2.605	16,2%	14,2%	1.523	13,4%
Chi cho hoạt động quản lý công vụ	2.950	18,7%	3.194	19,9%	8,3%	2.012	17,7%
Chi nộp phí bảo hiểm tiền gửi của khách hàng	663	4,2%	722	4,5%	8,9%	574	5,1%
Chi phí dự phòng khác	385	2,4%	282	1,8%	(26,8%)	1	0,0%
Tổng cộng	15.735	100%	16.085	100%	2,2%	11.346	100%

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2019, 2020 được kiểm toán và BCTC hợp nhất Quý III năm 2021 của VietinBank)

Chi phí hoạt động (Công ty mẹ)

Chỉ tiêu riêng	Năm 2019		Năm 2020		% tăng(giảm) 2020/2019	9 tháng đầu năm 2021	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng		Giá trị	Tỷ trọng
Chi nộp thuế và các khoản phí, lệ phí	18	0,1%	15	0,1%	(16,7%)	10	0,1%
Chi cho nhân viên	9.025	61,3%	8.783	58,1%	(2,7%)	6.922	63,6%
Chi về tài sản	2.211	15,0%	2.544	16,8%	15,1%	1.490	13,7%
Chi cho hoạt động quản lý công vụ	2.819	19,1%	3.026	20,0%	7,3%	1.897	17,4%
Chi nộp phí bảo hiểm tiền gửi của khách hàng	661	4,5%	719	4,8%	8,8%	571	5,2%
Chi phí dự phòng	0	0,0%	40	0,3%	-	0	0,0%
Tổng cộng	14.733	100%	15.128	100%	2,7%	10.890	100%

(Nguồn: BCTC riêng năm 2019, 2020 được kiểm toán và BCTC riêng Quý III năm 2021 của VietinBank)

d) Báo cáo thay đổi VCSH

Báo cáo thay đổi VCSH (Hợp nhất)

Chỉ tiêu Hợp nhất	Tại 31/12/2019		Tại 31/12/2020		% tăng(giảm) 2020/2019	Tại 30/09/2021	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng		Giá trị	Tỷ trọng
Vốn của TCTD	46.725	60,4%	46.725	54,7%	0,0%	57.548	60,2%
+ Vốn điều lệ	37.234	48,1%	37.234	43,6%	0,0%	48.058	50,3%
+ Thặng dư Vốn cổ phần	8.975	11,6%	8.975	10,5%	0,0%	8.975	9,4%
+ Vốn khác	516	0,7%	516	0,6%	0,0%	516	0,5%
Quỹ của TCTD	9.610	12,4%	11.605	13,6%	20,8%	11.613	12,1%
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	626	0,8%	482	0,6%	(23,0)%	423	0,4%
LNST chưa phân phối	19.833	25,6%	26.001	30,4%	31,1%	25.387	26,6%
Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	561	0,7%	599	0,7%	6,8%	630	0,7%
Tổng cộng	77.355	100%	85.411	100%	10,4%	95.601	100%

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2019, 2020 được kiểm toán và BCTC hợp nhất Quý III năm 2021 của VietinBank)

Báo cáo thay đổi VCSH (Công ty mẹ)

Chỉ tiêu riêng	Tại 31/12/2019		Tại 31/12/2020		% tăng(giảm) 2020/2019	Tại 30/09/2021	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng		Giá trị	Tỷ trọng
Vốn của TCTD	46.204	62,2%	46.204	56,3%	0,0%	57.027	61,8%
+ Vốn điều lệ	37.234	50,1%	37.234	45,3%	0,0%	48.058	52,1%
+ Thặng dư Vốn cổ phần	8.970	12,1%	8.970	10,9%	0,0%	8.970	9,7%
Quỹ của TCTD	9.219	12,4%	11.187	13,6%	21,3%	11.187	12,1%
LNST chưa phân phối	18.884	25,4%	24.722	30,1%	30,9%	24.067	26,1%
Tổng cộng	74.307	100%	82.113	100%	10,5%	92.281	100%

(Nguồn: BCTC riêng năm 2019, 2020 được kiểm toán và BCTC riêng Quý III năm 2021 của VietinBank)

7.2 Những nhân tố ảnh hưởng đến HĐKD của VietinBank trong năm báo cáo

Năm 2021, kinh tế Việt Nam được dự báo vẫn tiềm ẩn nhiều thách thức, rủi ro do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 cũng như căng thẳng thương mại, chính trị giữa các nền kinh tế lớn trên thế giới có thể có gây tác động tiêu cực đến HĐKD của ngành ngân hàng nói chung và VietinBank nói riêng.

Từ đầu năm 2021 đến nay, dịch bệnh Covid-19 đã bùng phát trở lại thứ 4, lan rộng trên khắp các tỉnh thành của cả nước. Khác với đợt bùng phát trước, lần này các biến chủng virus khác nhau, có tốc độ lây lan nhanh và khó kiểm soát hơn, với tâm dịch là các tỉnh, thành phố lớn như Hà Nội và Tp. Hồ Chí Minh và các vùng kinh tế và khu công nghiệp trọng điểm. Điều này đã và đang gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến nhiều hoạt động kinh tế - xã hội của Việt Nam, ngành ngân hàng nói chung, cũng như HĐKD của VietinBank nói riêng. Các doanh nghiệp thuộc các lĩnh vực và ngành nghề chịu tác động lớn bởi dịch bệnh liên tục gặp khó khăn, bị gián đoạn và đứt chuỗi cung ứng khiến cho hoạt động SXKD của các doanh nghiệp đình trệ và khó có thể bảo đảm khả năng thanh toán và trả nợ đầy đủ và đúng hạn các khoản vay cho Ngân hàng. Điều này có thể làm phát sinh, tiềm ẩn nhiều rủi ro và gia tăng nợ xấu cho Ngân hàng.

Trong năm 2021, NHNN đã ban hành Thông tư số 03/2021/TT-NHNN ngày 02/04/2021 và Thông tư số 14/2021/TT-NHNN ngày 07/09/2021 v/v sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2020/TT-NHNN ngày 13/03/2020 của NHNN quy định về việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, phí, giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng chịu ảnh hưởng bởi dịch Covid-19.

Theo đó, VietinBank đã và đang tích cực đồng hành và hỗ trợ khách hàng chịu ảnh hưởng tiêu cực của dịch bệnh Covid-19 theo chỉ đạo tại Nghị quyết số 63/NQ-CP ngày 29/06/2021 của Chính phủ, Công văn số 248/NHNN-PLVN ngày 16/07/2021 và Công văn số 5902/NHNN-TD của NHNN ngày 16/08/2021; kịp thời có các biện pháp hỗ trợ, tháo gỡ phù hợp, thiết thực như ưu đãi lãi suất, cơ cấu thời gian trả nợ, giữ nguyên nhóm nợ... giúp khách hàng, doanh nghiệp ổn định hoạt động, sớm vượt qua khó khăn. Tuy nhiên, để thực hiện điều này, VietinBank sẽ phải triển khai các biện pháp, chính sách giảm lãi suất cho khách hàng; gia hạn và kéo dài thời gian thu hồi, xử lý nợ; chủ động trích lập dự phòng bổ sung các khoản vay. Dự kiến, các chính sách hỗ trợ giảm lãi, phí của VietinBank sẽ được tiếp tục trong Quý 4/2021, theo đó tổng tác động của các chính sách hỗ trợ Covid-19 đến lợi nhuận cả năm 2021 dự kiến sẽ ở mức cao hơn nhiều so với các dự kiến từ đầu năm và so với năm 2020. Điều này đồng nghĩa với việc thu nhập và lợi nhuận của Ngân hàng có thể bị ảnh hưởng và thu hẹp đáng kể.

8. Vị thế của VietinBank so với các ngân hàng khác trong ngành

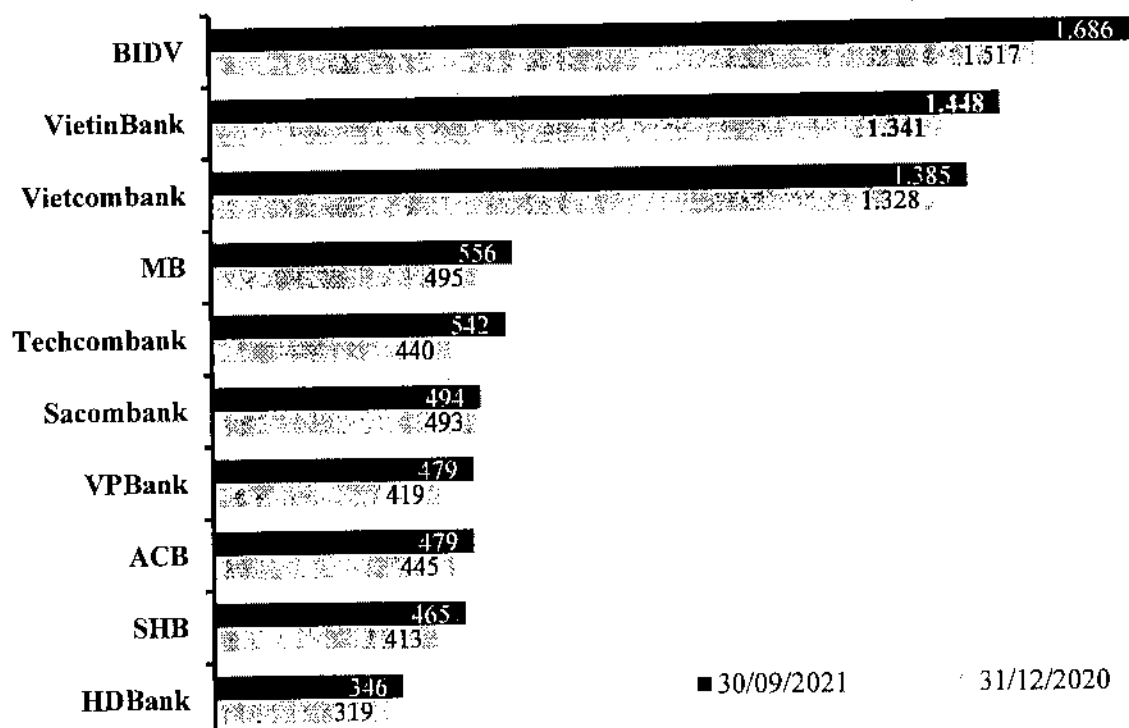
8.1 Vị thế của VietinBank trong ngành:

VietinBank là một trong số ngân hàng dẫn đầu ngành về quy mô tổng tài sản. Tính tới thời điểm 30/09/2021, tổng tài sản của VietinBank lớn thứ 2 trong số các NHTM hiện đang niêm yết trên thị trường chứng khoán, với tổng giá trị tài sản hợp nhất là xấp xỉ 1.448 nghìn tỷ đồng (sau BIDV), tăng 7,93% so với cuối năm 2020.

Xét về lợi nhuận, VietinBank hiện đứng thứ 3 trong số các NHTM hiện đang niêm yết trên thị trường chứng khoán, với giá trị LNTT hợp nhất 9 tháng đầu năm 2021 đạt 13.911 tỷ đồng (sau Vietcombank và Techcombank, lần lượt có LNTT 9 tháng đầu năm 2021 là 19.311 tỷ đồng và 17.098 tỷ đồng).

Top 10 ngân hàng niêm yết có Tổng tài sản lớn nhất trên thị trường chứng khoán Việt Nam

(Đơn vị: nghìn tỷ đồng)



(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2020 đã kiểm toán và BCTC hợp nhất Quý III/2021 của các ngân hàng)

8.2 Triển vọng phát triển của ngành Ngân hàng:

Kinh tế tăng trưởng hồi phục kéo tăng trưởng ngành Ngân hàng

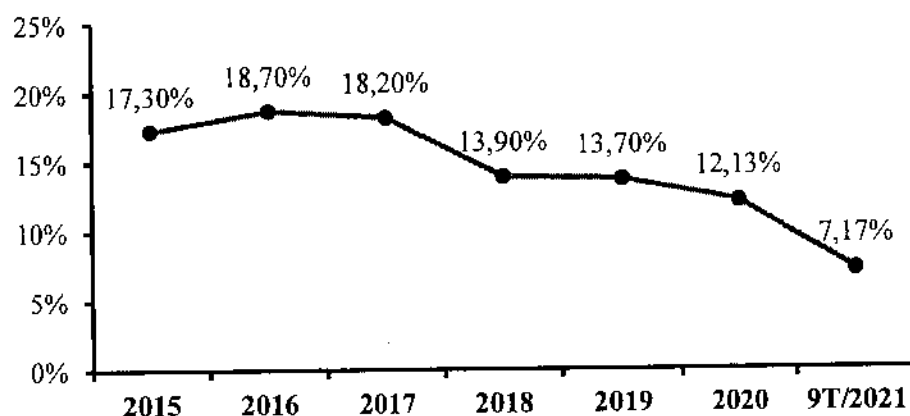
Năm 2021, dịch bệnh COVID-19 vẫn tiếp tục bùng phát và diễn biến rất phức tạp, tác động nghiêm trọng tới nền kinh tế của các quốc gia trên thế giới, trong đó có Việt Nam.

9 tháng đầu năm 2021, dịch Covid-19 ảnh hưởng tiêu cực đến kinh tế Việt Nam, đặc biệt là các tỉnh thành phía Bắc, các tỉnh Đông Nam Bộ, Đồng bằng sông Cửu Long, trong đó có 02 thành phố lớn là Hà Nội và Tp. Hồ Chí Minh đã phải thực hiện giãn cách xã hội theo Chỉ thị 16 trong thời gian dài, làm ảnh hưởng đến kết quả tăng trưởng kinh tế (GDP) cả nước. Theo đó, GDP quý III/2021 có mức giảm sâu nhất kể từ khi tính và công bố GDP theo quý tại Việt Nam. GDP quý III/2021 giảm 6,17% so với cùng kỳ năm trước. Mặc dù vậy, tính chung 9 tháng đầu năm 2021, tăng trưởng GDP vẫn đạt 1,42% so với cùng kỳ năm trước. Đây là mức tăng thấp nhất trong giai đoạn 2011-2021 song Việt Nam vẫn thuộc số ít quốc gia trên thế giới đạt mức tăng trưởng dương.

Theo Báo cáo cập nhật triển vọng phát triển châu Á của Ngân hàng Phát triển châu Á – ADB công bố tháng 09/2021, dự báo kinh tế Việt Nam đạt mức tăng trưởng 3,8% trong năm 2021 và 6,5% vào năm 2022. Bên cạnh đó, lạm phát dự báo sẽ được kiềm chế trong năm 2021 và 2022 do tốc độ tăng trưởng chậm lại, trong đó ngành ngân hàng hiện đang được xem là một trong những lĩnh vực có triển vọng và sự tăng trưởng tốt trong những tháng cuối năm 2021 và sang tới năm 2022, cầu tín dụng dự báo sẽ được cải thiện nếu các hoạt động kinh tế bắt đầu trở lại bình thường.

Theo báo cáo tình hình kinh tế xã hội quý III/2021 của Tổng cục Thống kê, tính đến thời điểm 20/09/2021, tổng phương tiện thanh toán tăng 4,95% so với cuối năm 2020 (cùng thời điểm năm 2020 tăng 7,58%); huy động vốn của các tổ chức tín dụng tăng 4,28% (cùng thời điểm năm 2020 tăng 7,48%); tăng trưởng tín dụng của nền kinh tế đạt 7,17% (cùng thời điểm năm 2020 tăng 4,99%). Trong khi đó, theo báo cáo của NHNN, tính đến ngày 31/08/2021, tín dụng nền kinh tế đạt trên 9,88 triệu tỷ đồng, tăng 7,45% so với cuối năm 2020.

Tốc độ tăng trưởng tín dụng toàn ngành



Mặc dù, hiện nay ngành ngân hàng đang phải đối mặt với một số các vấn đề phát sinh như tỷ lệ nợ xấu có xu hướng tăng, lợi nhuận thuần giảm do tăng chi phí trích lập dự phòng... nhưng với các giải pháp đồng bộ của Chính phủ trong thời gian qua đã tạo ra nhiều dấu hiệu tích cực để ngành Ngân hàng có thể đạt được chỉ tiêu tăng trưởng tín dụng như kế hoạch đã đề ra, lấy lại được tốc độ tăng trưởng khả quan của giai đoạn trước dịch COVID-19.

Đẩy mạnh đầu tư công

Đề ứng biến với những dấu hiệu của giảm phát kinh tế, Chính phủ đã và đang có những hành động thể hiện quyết tâm mạnh mẽ, giải pháp quyết liệt để tăng tốc và nâng cao chất lượng giải ngân vốn đầu tư công, đặc biệt là trong những tháng cuối năm. Bên cạnh đó, Bộ Kế hoạch và Đầu tư vừa ban hành văn bản 6926/BKHĐT-TH ngày 11/10/2021 về dự kiến kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách nhà nước năm 2022, trong đó bám sát, cụ thể hóa mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội năm 2022 và kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025, tập trung đầu tư vào các Chương trình mục tiêu quốc gia, dự án trọng điểm quốc gia, dự án trọng điểm có tính kết nối, tác động lan tỏa tới phát triển liên vùng, vùng và địa phương; dự án công nghệ thông tin, chuyển đổi số, góp phần thúc đẩy tăng trưởng, tạo ra động lực mới, không gian cho phát triển kinh tế thời gian tới. Cụ thể, mục tiêu, định hướng của đầu tư công vốn ngân sách nhà nước năm 2022 là, lấy đầu tư công dẫn dắt, kích hoạt mọi nguồn lực hợp pháp của xã hội, nhất là thông qua hợp tác đối tác công-tư; tiếp tục khắc phục tình trạng đầu tư manh mún, dàn trải, phân tán, lãng phí, kém hiệu quả, nâng cao hiệu quả đầu tư công. Ngoài ra, tăng cường công tác giám sát, kiểm tra, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho các dự án để thúc đẩy giải ngân vốn, khen thưởng, kỷ luật kịp thời, nghiêm minh. Đặc biệt, để nâng cao hiệu quả đầu tư công, văn bản đề nghị, đẩy nhanh tiến độ xây dựng các dự án kết cấu hạ tầng trọng điểm để vừa nâng cao năng lực cạnh tranh, năng lực sản xuất của nền kinh tế, tăng cường kết nối liên vùng, khu vực, quốc tế, vừa góp phần tăng tổng cầu, thúc đẩy tăng trưởng; phát triển kết cấu hạ tầng nông nghiệp nông thôn...

Kết quả của các giải pháp này là tạo ra việc làm mới cho doanh nghiệp và người lao động, do đó tạo ra nhu cầu tín dụng mới.

Xu hướng dịch chuyển vốn đầu tư nước ngoài tới Việt Nam

Diễn biến phức tạp của dịch Covid-19 cùng các biện pháp chống dịch đã khiến hoạt động đầu tư, hợp tác kinh doanh của các doanh nghiệp nước ngoài tại Việt Nam gặp không ít thách thức, rủi ro. Theo số liệu mới nhất của Tổng cục Thống kê, tổng vốn đầu tư nước ngoài (FDI) vào Việt Nam tính đến ngày 20/9/2021 bao gồm vốn đăng ký cấp mới, vốn đăng ký điều chỉnh và giá trị góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài đạt 22,15 tỷ USD, tăng 4,4% so với cùng kỳ năm trước. Tuy nhiên, vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện tại Việt Nam 9 tháng năm 2021 lại giảm 3,5% so với cùng kỳ năm trước, ước tính đạt 13,28 tỷ USD.

Theo Ngân hàng HSBC, các điều kiện nền tảng của Việt Nam vẫn vững mạnh và Việt Nam đã tự tạo cho mình một vị thế trong chuỗi cung ứng toàn cầu trong những năm gần đây thông qua một loạt hiệp định tự do thương mại. Với lượng dự trữ ngoại hối tăng cao cộng thêm tiền tệ ổn định, lạm phát vẫn trong tầm kiểm soát, dòng vốn FDI tiếp tục tăng mạnh chủ yếu tập trung vào lĩnh vực sản xuất, Việt Nam có tâm thế hoàn toàn sẵn sàng đón nhận tương lai.

Chính sách tiền tệ linh hoạt theo diễn biến nền kinh tế

Dịch Covid-19 kéo dài và ngày càng diễn biến phức tạp trên thế giới và trong nước khiến cho triển vọng phục hồi kinh tế còn nhiều bất trắc. Giá hàng hóa cơ bản được dự báo giữ ở mức cao, rủi ro về lạm phát, bất ổn tài chính có xu hướng tăng cao, các ngân hàng trung ương trên thế giới có xu hướng thu hồi các biện pháp nới lỏng sớm hơn dự kiến.

Trong bối cảnh đó, Ngân hàng Nhà nước vẫn điều hành chính sách tiền tệ ổn định theo định hướng chủ đạo hỗ trợ đã phục hồi kinh tế trong bối cảnh dịch bệnh tiếp tục diễn biến phức tạp, thực hiện mục tiêu kép của Chính phủ “vừa chống dịch, vừa đảm bảo phát triển kinh tế”. Theo đó, Ngân hàng Nhà nước sẽ chủ động duy trì ổn định mặt bằng lãi suất phù hợp với cân đối vĩ mô, lạm phát, tạo điều kiện giảm chi phí vay vốn cho người dân, doanh nghiệp và nền kinh tế.

Ngân hàng Nhà nước cho biết, việc điều hành chính sách tiền tệ thời gian qua đã góp phần hỗ trợ kinh tế trong nước phục hồi, tăng trưởng GDP 6 tháng năm 2021 đạt 5,64%, lạm phát được kiểm soát mức bình quân 7 tháng tăng 1,64% so với cùng kỳ năm trước - mức tăng thấp nhất trong 5 năm trở lại đây. Thị trường tiền tệ và ngoại hối duy trì ổn định, thanh khoản của các tổ chức tín dụng đảm bảo, tín dụng tăng ngay từ đầu năm và cao hơn cùng kỳ năm trước, mặt bằng lãi suất tiếp tục giảm.

Theo các chuyên gia kinh tế, chính sách tiền tệ của Việt Nam vẫn được điều hành khá thận trọng, các yếu tố về lạm phát, thanh khoản, lợi tức trái phiếu vẫn đang khá thuận lợi để Ngân hàng Nhà nước thực hiện mục tiêu ổn định lãi suất, hỗ trợ doanh nghiệp và nền kinh tế.

Trong thời gian tới, tùy thuộc vào diễn biến mới của dịch bệnh COVID-19 và bối cảnh thị trường tài chính thế giới, NHNN được dự báo sẽ tiếp tục có các biện pháp phù hợp để sử dụng đồng bộ, linh hoạt các công cụ chính sách tiền tệ nhằm kiên định mục tiêu kiểm soát lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô và hỗ trợ nền kinh tế vượt qua các tác động tiêu cực do dịch bệnh COVID-19.

Lợi nhuận từ dịch vụ tài chính phi tín dụng được gia tăng

Ngày 08/08/2018, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 986/QĐ-TTg của về Chiến lược phát triển ngành ngân hàng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 đưa ra chỉ tiêu phấn đấu tới cuối năm 2025, tăng tỷ trọng thu nhập từ hoạt động dịch vụ phi tín dụng trong tổng thu nhập của các NHTM lên khoảng 16% - 17%. Nhằm thực hiện mục tiêu và chiến lược này, các ngân hàng đã có những chuyển hướng mạnh mẽ trong cơ cấu hoạt động bằng việc đa dạng hóa sản phẩm, dịch vụ, hạn chế sự phụ thuộc quá nhiều vào tín dụng, giảm thiểu những tác động tiêu cực của nền kinh tế. Cơ cấu thu nhập chuyển dịch sang hướng bền vững hơn khi các nguồn thu của ngân hàng trở nên đa dạng hơn với doanh thu thẻ, bảo hiểm, thanh toán, dịch vụ trái phiếu, tư vấn giải pháp kinh doanh, kinh doanh ngoại tệ...

Do đó, chiến lược tăng tỷ trọng thu nhập dịch vụ phi tín dụng vẫn được các NHTM Việt Nam tiếp tục tập trung. Trong bối cảnh cách mạng 4.0, ứng dụng công nghệ Fintech, Blockchain, sử dụng thiết bị di động, sự phát triển của công nghệ số, Đề án phát triển thanh toán không dùng tiền mặt theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tăng cường chỉ đạo, thúc đẩy mạnh mẽ, các NHTM Việt Nam cũng ngày càng cạnh tranh quyết liệt hơn, tăng cường đầu tư nguồn lực tài chính, nhân lực, phát triển và nâng cao các dịch vụ phi tín dụng, đặc biệt là các dịch vụ hiện đại, như: internet banking, ngân hàng số, sử dụng mã QR, ví điện tử... Các NHTM cũng mở rộng hợp tác với ngành thuế, hải quan, kho bạc nhà nước, bảo hiểm xã hội, công ty cung ứng dịch vụ thanh toán, các công ty và tổ chức cung ứng dịch vụ công như: điện lực, viễn thông, truyền hình cáp, nước sạch, bệnh viện, xăng dầu, giao thông đường bộ và đường sắt, các hãng hàng không, trạm đăng kiểm giao thông, trường đại học và cao đẳng, dạy nghề,...; công ty xuất khẩu lao động, công ty du lịch; siêu thị, trung tâm thương mại, các công ty bảo hiểm,... Việc cung ứng các dịch vụ phi tín dụng cũng giúp các NHTM Việt Nam bán chéo các sản phẩm như: tiền gửi, thấu chi,...

Chuyển đổi số là “chìa khóa” để các ngân hàng nâng cao chất lượng dịch vụ và giảm thiểu chi phí hoạt động

Nhìn vào cơ cấu nguồn thu của các ngân hàng, có thể nhận thấy rõ xu hướng chuyển dịch danh mục tín dụng sang các lĩnh vực có tỷ suất sinh lời cao và ít rủi ro như phân khúc bán lẻ. Quan trọng hơn, việc đa dạng hoá các nguồn thu bên cạnh nguồn thu lãi truyền thống từ tín dụng như trước đây của các ngân hàng cũng tập trung sang tăng thu nhập ngoài lãi, thể hiện qua tỷ lệ thu nhập lãi thuần/tổng

thu nhập hoạt động (NII/TOI) của các ngân hàng như: VietinBank, Techcombank, Vietcombank, VP Bank... có xu hướng giảm dần.

Các nguồn thu từ các hoạt động ngoài lãi (non-NII) của các ngân hàng trong nhiều quý trở lại đây như kinh doanh bảo hiểm, phát triển các hoạt động thanh toán, quản lý tài sản, mua bán chứng khoán, ngoại hối... được chú trọng đẩy mạnh hơn và liên tục tăng trưởng so với các giai đoạn trước.

Trong các ngân hàng TMCP có vốn Nhà nước, VietinBank là ngân hàng có mức độ chuyển dịch tỷ lệ NII/TOI khá rõ khi tỷ lệ này giảm từ mức 86,9% trong năm 2020 xuống mức 79,7% trong 6 tháng đầu năm 2021. Thu nhập thuần từ hoạt động dịch vụ của VietinBank liên tục cải thiện qua các quý trong năm 2021 nhờ việc triển khai các biện pháp thúc đẩy bán sản phẩm có thể mạnh như: TTTM, chuyển tiền, dịch vụ thẻ... và kiểm soát tốt các khoản chi dịch vụ.

Ở góc độ thói quen giao dịch, có thể nhận thấy, làn sóng COVID-19 đã thay đổi toàn diện thói quen sử dụng sản phẩm dịch vụ online của người dùng; đặt ra bài toán cho rất nhiều ngân hàng phải chạy nước rút xây dựng hệ sinh thái số và cạnh tranh về những tính năng ưu việt, tiện lợi cho khách hàng. Theo báo cáo của NHNN, giá trị giao dịch trên kênh Internet và mobile banking của các ngân hàng trong quý II/2021 đạt 14.834 nghìn tỷ, tăng 21,3 lần so với cùng kỳ, riêng kênh mobile banking tăng 9,1 lần.

Theo số liệu của NHNN, dự kiến trong vòng 3-5 năm tới, các ngân hàng số sẽ có mức tăng trưởng doanh thu tối thiểu là 10%, và có 58,1% tổ chức tín dụng đặt kỳ vọng thu hút hơn 60% khách hàng sử dụng kênh giao dịch số, kỳ vọng tỷ lệ tăng trưởng khách hàng đạt trên 50%. Điều này cho thấy công cuộc chuyển đổi số trong ngành ngân hàng tại Việt Nam trong thời gian tới sẽ diễn ra khá mạnh mẽ. Mặc dù chưa đến 1/3 ngân hàng trong nước có chiến lược chuyển đổi số rõ nét, nhưng một nhóm các “ngân hàng tiên phong” trong lĩnh vực đã và đang nổi lên dẫn đầu xu thế chuyển đổi số để nâng cao trải nghiệm của khách hàng như: VietinBank, Vietcombank, Techcombank, VP Bank, MB, TP Bank,...

8.3 So sánh về tình hình tài chính và HĐKD của các ngân hàng trong ngành (tại 30/09/2021):

So sánh một số chỉ tiêu tài chính hợp nhất tại thời điểm 30/09/2021 của VietinBank

so với một số ngân hàng lớn đang niêm yết

Tiêu chí/Mã cổ phiếu niêm yết của các ngân hàng	CTG	BID	VCB	MBB	TCB	VPB
Vốn điều lệ (Tỷ đồng)	48.058	40.220	37.089	37.783	35.109	25.300
VCSH (Tỷ đồng)	95.601	86.018	109.527	58.847	88.384	62.322
Tổng tài sản (Tỷ đồng)	1.447.809	1.685.678	1.385.235	555.595	541.625	479.432
Tiền gửi khách hàng (Tỷ đồng)	1.072.893	1.309.953	1.108.419	343.949	316.376	239.357
Cho vay khách hàng (Tỷ đồng)	1.063.142	1.298.625	909.911	329.008	317.669	311.074
Tổng thu nhập hoạt động (Tỷ đồng)	39.261	47.143	41.842	26.818	26.917	33.231
LNST (Tỷ đồng)	11.233	8.583	15.471	9.519	13.715	9.379

(Nguồn: BCTC hợp nhất Quý III năm 2021 của các ngân hàng)

Trong số các ngân hàng trên thị trường Việt Nam, VietinBank luôn nằm trong nhóm Ngân hàng có quy mô vốn, tài sản và lợi nhuận cao.

8.4 Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của VietinBank với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, và xu thế chung trên thế giới:

Trong bối cảnh nền kinh tế trong nước và thế giới đang chịu nhiều tác động tiêu cực tới hoạt động kinh doanh, quy định quản lý của NHNN ngày càng được thắt chặt để đảm bảo sự an toàn và hiệu quả của toàn hệ thống, nhu cầu của khách hàng ngày càng cao, áp lực cạnh tranh từ các đối thủ ngày càng lớn thì VietinBank với định hướng chiến lược tăng trưởng bền vững thông qua việc đổi mới mạnh mẽ mô hình tăng trưởng, đổi mới phương thức kinh doanh, nâng cao quản trị tài chính và chất lượng nợ đã đem lại nhiều kết quả bất phá.

- **Đổi mới mô hình tăng trưởng:** từ dựa vào lợi thế quy mô là chính, đến nay VietinBank đã có bước chuyển mình để tập trung cải thiện chất lượng dịch vụ và hiệu quả hoạt động. Ngân hàng duy trì tốc độ tăng trưởng hợp lý và ưu tiên tăng trưởng mảng khách hàng bán lẻ và SME.
- **Thay đổi phương thức kinh doanh:** VietinBank đã chuyển sang phát triển và ứng dụng giải pháp ngân hàng tài chính tổng thể cho khách hàng/nhóm khách hàng, phát triển mạnh theo chuỗi liên kết thay vì cung ứng đơn lẻ sản phẩm dịch vụ ngân hàng như trước kia.
- **Quản trị chi phí hiệu quả:** Hoạt động quản trị tài chính của Ngân hàng được nâng cao, phân bổ nguồn lực tài chính bài bản và có hiệu quả hơn.
- **Quản lý tốt chất lượng tài sản:** Trong thời gian qua, VietinBank đã tăng cường công tác dự báo và nhận diện sớm rủi ro. Đối với những tài sản có rủi ro, Ngân hàng nhanh chóng đưa ra những phương án để tập trung quản trị đạt hiệu quả tối đa.
- **Kiến tạo mô hình cơ cấu tổ chức:** Bộ máy tổ chức được cơ cấu tinh gọn, tăng cường chuyên môn hóa và đẩy mạnh phối hợp hiệu quả trong mạng lưới.

Cùng với thế giới không ngừng chuyển mình với xu thế số hóa, VietinBank với những thế mạnh của mình đã đã không ngừng phát triển để sở hữu nền tảng và giải pháp công nghệ hiện đại bậc nhất như: xây dựng hệ thống CoreBanking hiện đại, phát triển các sản phẩm dịch vụ công nghệ tiện ích cho khách hàng mà vẫn đảm bảo tính bảo mật cao.

9. Chính sách đối với người lao động

- ❖ **Số lượng người lao động:** tính đến thời điểm ngày 30/09/2021, tổng số cán bộ, nhân viên tại VietinBank (hợp nhất) là 24.939 người, tăng 798 người so với đầu năm 2021; trong đó, số lượng cán bộ nhân viên tại công ty mẹ là 22.917 người, tăng 586 người so với đầu năm 2021.

- ❖ **Chính sách đào tạo, bổ nhiệm, đánh giá cán bộ, đãi ngộ khen thưởng, tuyển dụng**

- ✓ **Chính sách đào tạo**

Vietinbank luôn đề cao tầm quan trọng của công tác phát triển nguồn nhân lực đối với sự phát triển bền vững của hệ thống. Đào tạo được đưa vào danh mục quyền lợi đối với tất cả cán bộ trong toàn hệ thống. Cán bộ được đào tạo thường xuyên kết hợp bởi các hình thức: Đào tạo tập trung, đào tạo tại đơn vị, đào tạo gắn liền với kèm cặp trong công việc (On job training)... giúp thuận tiện cho học viên trong công tác bố trí tham gia đào tạo cũng như thực hiện công tác chuyên môn. Nội dung khóa học phong phú, bám sát với nhu cầu đào tạo của các đơn vị nghiệp vụ và có tính ứng dụng cao trong công việc: Chương trình kỹ năng Lãnh đạo cấp trung vị trí TP/PP TSC, GĐ/PGĐ chi nhánh, TP/PP CN, chương trình Lãnh đạo đột phá dành cho Top 500, các chương trình đào tạo bắt buộc dành cho cán bộ mới, đào tạo chuyên sâu cho cán bộ nghiệp vụ theo khung năng lực của từng vị trí công việc. Hiệu quả đào tạo được đo lường cụ thể thông qua thực hiện các cam kết ứng dụng và xây dựng kế hoạch hành động sau đào tạo. Mức độ hài lòng đối với chất lượng khóa học của học viên trung bình trong năm đạt 95%.

- ✓ **Chính sách quy hoạch, bổ nhiệm, luân chuyển cán bộ**

Công tác quy hoạch, bổ nhiệm, đào tạo, luân chuyển, chuyển đổi vị trí công việc đối với cán bộ VietinBank được triển khai theo hướng hiệu quả, thiết thực. VietinBank chủ động nhận diện sớm cán bộ tiềm năng, tập trung phát triển nguồn lực và giữ chân nhân tài, chủ động xây dựng nguồn Lãnh đạo kế cận đối với các vị trí chủ chốt, nhận diện và bố trí nhân sự có năng lực đáp ứng yêu cầu theo vị trí công việc.

- ✓ **Chính sách đánh giá cán bộ**

Đánh giá cán bộ là cơ sở để đào tạo, phát triển, quy hoạch, bố trí sắp xếp nhân sự và chi trả lương thưởng, đãi ngộ xứng đáng với đóng góp của CBNV đối với Ngân hàng. Là một trong các đơn vị tiên phong áp dụng hệ thống KPI trong đánh giá hiệu quả công việc từ năm 2013, VietinBank luôn chú trọng cải tiến công tác đánh giá hiệu quả công việc. Hệ thống Thẻ điểm cân bằng (BSC) được rà soát hàng năm đảm bảo bám sát với mục tiêu chiến lược của VietinBank và có tính định lượng/thúc đẩy/cải tiến mục tiêu công tác của các khối/phòng

ban/đơn vị/người lao động qua các năm. Dữ liệu đo lường KPI được tự động hóa từng bước, giảm thiểu tác nghiệp thủ công và sai sót dữ liệu. Cùng với kết quả đánh giá KPI, VietinBank đã triển khai đánh giá năng lực của cán bộ nhằm bổ sung tính rõ ràng/minh bạch trong đánh giá, xếp loại cán bộ; bộ chỉ tiêu đánh giá năng lực đã đem lại hiệu quả trong định hướng hành vi năng lực của cán bộ để phấn đấu tới các cấp bậc cao hơn trong lộ trình công việc.

✓ *Chính sách đãi ngộ, khen thưởng*

Từ năm 2018, Quy chế chi trả tiền lương của VietinBank được ban hành mới, theo đó hệ thống tiền lương được xây dựng theo thông lệ quốc tế dựa trên nguyên tắc 3Ps (pay for position (P1) – trả lương theo vị trí công việc; pay for people (P2) – trả lương theo năng lực cá nhân và pay for performance (P3) – trả lương theo kết quả thực hiện công việc) nhằm 03 mục tiêu chính: (i) Đảm bảo ổn định tiền lương hàng tháng, hàng quý, hàng năm của người lao động; (ii) Tạo động lực đối với người lao động để nâng cao năng suất lao động; (iii) Linh hoạt trong công tác xếp lương, nâng lương hàng năm. Cùng với Quy chế tiền lương, VietinBank đã ban hành quy định Chế độ đãi ngộ phúc lợi tổng nhằm thể hiện sự quan tâm và ghi nhận những đóng góp của người lao động trong hệ thống VietinBank. Bên cạnh các chế độ đãi ngộ tổng thể, VietinBank còn xây dựng các chế độ đãi ngộ vượt trội dành cho cán bộ đạt thành tích cao, cán bộ nhân tài VietinBank Top 500 và các cán bộ đảm nhiệm các vị trí chủ chốt nhằm ghi nhận sự đóng góp với các cán bộ có năng lực, thành tích cao, tạo động lực phấn đấu cho cán bộ, tăng sự gắn kết và giữ chân nhân tài.

✓ *Chính sách tuyển dụng*

VietinBank là đơn vị đi tiên phong trong tổ chức công tác tuyển dụng công khai trên diện rộng nhằm lựa chọn các ứng viên được đào tạo bài bản, có năng lực tốt để đáp ứng nhu cầu công việc. Định kỳ hàng năm, Trụ sở chính VietinBank chủ động triển khai hoạt động tuyển dụng về nguồn lực cho các đơn vị thông qua: (i) Kiểm soát chỉ tiêu tuyển dụng theo định biên đối với từng đơn vị, tập trung tuyển dụng cho các bộ phận trọng yếu; (ii) Sắp xếp bố trí lại nhân sự giữa các đơn vị thừa, thiếu phù hợp; (iii) Thúc đẩy nhanh, liên tục quy trình tuyển dụng Chi nhánh nhằm đáp ứng kịp thời nhu cầu nhân sự cho các hoạt động kinh doanh.

10. Chính sách cổ tức và chính sách vay nợ trong thời hạn trái phiếu, thứ tự ưu tiên thanh toán của trái phiếu được niêm yết trong danh mục nợ của VietinBank

10.1. Chính sách cổ tức

Theo Điều lệ của VietinBank, chính sách phân phối lợi nhuận và trả cổ tức như sau:

- Sau khi trích lập các quỹ, lợi nhuận giữ lại của VietinBank được sử dụng để trả cổ tức theo quyết định của ĐHĐCĐ, phù hợp với quy định của pháp luật;
- Cổ tức được chia theo quyết định của ĐHĐCĐ trên cơ sở đề nghị của HĐQT. VietinBank chi trả cổ tức cho cổ đông sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; trích lập các quỹ VietinBank và bù đắp đủ lỗ trước đó theo quy định của Điều lệ và pháp luật; ngay sau khi trả hết số cổ tức đã định, VietinBank vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn (nếu có).

Tình hình trả cổ tức của VietinBank trong 02 năm gần nhất:

✓ *Chia cổ tức năm 2020:*

Theo Nghị quyết số 23/NQ-ĐHĐCĐ ngày 16/04/2021, ĐHĐCĐ Vietinbank đã ủy quyền cho HĐQT quyết định Phương án phân phối lợi nhuận năm 2020 theo phê duyệt của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Theo đó, ngày 17/11/2021, NHNN (với tư cách là Cổ đông Nhà nước và là Cơ quan đại diện chủ sở hữu Nhà nước tại VietinBank) đã ban hành Công văn số 8172/NHNN-TCKT có ý kiến về Phương án phân phối lợi nhuận năm 2021 của VietinBank, trong đó phương án chia cổ tức năm 2020 dự kiến như sau:

- Chia cổ tức bằng tiền mặt: 8% vốn điều lệ;
- Phần còn lại sau trích lập các quỹ và chia cổ tức bằng tiền mặt, VietinBank thực hiện chia cổ tức bằng cổ phiếu để tăng vốn điều lệ đảm bảo hệ số an toàn vốn theo quy định.

✓ **Chia cổ tức năm 2019:**

- **Tỷ lệ trả cổ tức bằng tiền mặt là:** 5% vốn điều lệ, tương đương 1.862 tỷ đồng. VietinBank đã trả cổ tức bằng tiền mặt vào ngày 30/12/2020;
- **Tỷ lệ trả cổ tức bằng cổ phiếu là:** Ngày 08/07/2021, VietinBank đã kết thúc đợt phát hành cổ phiếu để trả cổ tức cho các năm 2017, 2018 và 2019, với tỷ lệ là 29,0695%. Theo phương án phát hành, tỷ lệ trả cổ tức bằng cổ phiếu năm 2019 là 10,4376%, tương đương 388.633.556 cổ phiếu (tính theo tổng số cổ phiếu trước khi phát hành).

10.2. Chính sách vay nợ trong thời hạn trái phiếu, thứ tự ưu tiên thanh toán của trái phiếu được niêm yết trong danh mục nợ của VietinBank

❖ **Chính sách vay nợ trong thời hạn Trái Phiếu**

Để đảm bảo việc tuân thủ các yêu cầu về vốn hiện hành theo pháp luật Việt Nam (kể cả các văn bản hướng dẫn của NHNN) hoặc phục vụ nhu cầu mở rộng HĐKD, tùy từng thời điểm VietinBank có thể huy động thêm vốn thông qua các hình thức và cách thức phù hợp, bao gồm nhưng không giới hạn ở việc phát hành thêm chứng khoán nợ (có thể có các điều khoản khác hoặc tương tự so với Trái Phiếu) hoặc các công cụ tài chính lưỡng tính, tùy thuộc vào việc xin phê duyệt theo quy định của pháp luật Việt Nam. Không có gì bảo đảm rằng các động tăng vốn huy động này sẽ không ảnh hưởng bất lợi đến giá Trái Phiếu trên thị trường thứ cấp.

❖ **Thứ tự ưu tiên thanh toán**

Tại bất cứ thời điểm nào sau khi được phát hành, Trái Phiếu xác lập nghĩa vụ trả nợ trực tiếp của Tổ Chức Phát Hành. Trong trường hợp VietinBank bị thanh lý hoặc mất khả năng trả nợ hoặc chấm dứt hoạt động hoặc phá sản, Người Sở Hữu Trái Phiếu chỉ được thanh toán sau khi VietinBank đã thanh toán cho tất cả các chủ nợ khác (không phải là chủ nợ thứ cấp). Trái Phiếu phát hành cùng một đợt phát hành tại mọi thời điểm có thứ tự ưu tiên thanh toán ngang nhau, không Trái Phiếu nào có quyền ưu tiên thanh toán hơn Trái Phiếu nào.

11. Tình hình hoạt động tài chính

11.1 Các chỉ tiêu cơ bản

❖ **Nguyên tắc hạch toán kế toán**

VietinBank thiết lập báo cáo tài chính bằng đồng Việt Nam theo Luật các tổ chức tín dụng, luật sửa đổi và bổ sung một số điều trong Luật các Tổ chức tín dụng, các chuẩn mực kế toán Việt Nam và hệ thống kế toán của các tổ chức tín dụng Việt Nam.

Những nguyên tắc chính:

- Năm tài chính của ngân hàng bắt đầu từ ngày 01/11 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm;
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đơn vị tiền tệ sử dụng trong công tác lập báo cáo tài chính của Ngân hàng là đồng Việt nam (“VND”). Cho mục đích trình bày báo cáo tài chính riêng và hợp nhất, các số liệu được làm tròn đến hàng triệu và trình bày theo đơn vị triệu đồng Việt Nam (“triệu đồng”). Việc trình bày này không ảnh hưởng đến nhìn nhận của người đọc báo cáo tài chính về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh cũng như tình hình lưu chuyển tiền tệ.
- Các nghiệp vụ bằng tiền ngoại tệ: Theo hệ thống kế toán của Ngân hàng, tất cả các nghiệp vụ phát sinh của Ngân hàng được hạch toán theo nguyên tệ. Tại thời điểm cuối năm, tài sản và công nợ có nguồn gốc ngoại tệ được quy đổi sang VND theo tỷ giá quy định vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Các khoản thu nhập và chi phí bằng ngoại tệ của Ngân hàng được quy đổi ra VND theo tỷ giá vào ngày phát sinh giao dịch. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại cá tài sản và công nợ bằng ngoại tệ sang VND trong kỳ được ghi nhận và theo dõi trên khoản mục “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” trên “Vốn chủ sở hữu” và được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm cuối năm.
- Dự phòng cụ thể: Dự phòng cụ thể tại ngày 31/12/2020 được xác định bằng dư nợ sau khi trừ đi giá trị tài sản đảm bảo đã được khấu trừ nhân với tỷ lệ dự phòng theo phân loại nhóm nợ tại

ngày 30/11/2020. Tỷ lệ dự phòng cụ thể đối với từng nhóm nợ cụ thể như sau:

Nhóm	Nhóm dự nợ	Tỷ lệ trích lập dự phòng cụ thể
Nhóm 1	Nợ đủ tiêu chuẩn	0%
Nhóm 2	Nợ cần chú ý	5%
Nhóm 3	Nợ dưới tiêu chuẩn	20%
Nhóm 4	Nợ nghi ngờ	50%
Nhóm 5	Nợ có khả năng mất vốn	100%

- Dự phòng chung: Dự phòng chung tại ngày 31 tháng 12 được lập với mức bằng 0,75% tổng số dư tại ngày 30 tháng 11 cùng năm của các khoản nợ trừ các khoản tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác và các khoản nợ được phân loại vào nhóm nợ có khả năng mất vốn.
- Đầu tư chứng khoán
 - + Chứng khoán kinh doanh: là chứng khoán Nợ, chứng khoán Vốn và các chứng khoán khác được mua và Ngân hàng có ý định nắm giữ trong vòng một năm nhằm thu lợi nhuận do chênh lệch giá.
 Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc, Lãi hoặc lỗ từ việc bán chứng khoán kinh doanh được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.
 Tiền lãi và cổ tức bằng tiền thu được trong thời gian nắm giữ chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở thực thu.
 Chứng khoán được lập dự phòng giảm giá khi giá trị ghi sổ cao hơn giá trị thị trường được xác định theo quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC (“Thông tư 48”) do Bộ Tài chính ban hành ngày 8/8/2019. Dự phòng giảm giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên khoản mục “lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh”.
 Đối với trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết thì tiến hành trích lập dự phòng rủi ro theo Thông ty 02 và Thông tư 09.
 - + Chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn: bao gồm trái phiếu đặc biệt do Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng (“VAMC”) phát hành và chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn khác. Chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn khác là các chứng khoán Nợ được Ngân hàng mua hẳn với mục đích đầu tư để hưởng lãi suất và Ngân hàng có ý định và có khả năng giữ các chứng khoán này đến ngày đáo hạn. Chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn có giá trị được xác định và có ngày đáo hạn cụ thể. Trong trường hợp chứng khoán được bán hẳn trước thời điểm đáo hạn, các chứng khoán này sẽ được phân loại lại sang chứng khoán kinh doanh hay chứng khoán sẵn sàng để bán.
 - Chứng khoán sẵn sàng để bán: bao gồm các chứng khoán Nợ và chứng khoán Vốn được Ngân hàng nắm giữ với mục đích đầu tư và sẵn sàng để bán, không thuộc loại chứng khoán mua vào bán ra thường xuyên nhưng có thể bán bất cứ lúc nào xét thấy có lợi.
 - Thuế thu nhập doanh nghiệp:
 - Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: tài sản thuế và thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng giá trị dự kiến được thu hồi từ (hoặc phải nộp cho) cơ quan thuế, áp dụng mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính.
 - Thuế thu nhập hoãn lại: được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng được trình bày trên báo cáo tài chính.

❖ **Trích khấu hao tài sản cố định**

Tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá và phương pháp khấu hao đường thẳng. Thời gian hữu dụng ước tính là thời gian mà tài sản phát huy được tác dụng cho sản xuất kinh doanh. Cụ thể:

Bản cáo bạch niêm yết trái phiếu ra công chúng năm 2021 của VietinBank

Thời gian khấu hao tài sản cố định

Nhóm tài sản cố định	Số năm khấu hao
Nhà cửa, vật kiến trúc	5-40 năm
Máy móc thiết bị	3-7 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6-7 năm
Phần mềm máy tính	3-8 năm
Tài sản cố định khác	4-25 năm
Tài sản cố định vô hình khác	4-25 năm
Quyền sử dụng đất (*)	Theo thời hạn thuê

(*) Quyền sử dụng đất không thời hạn không được trích khấu hao. Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo thời gian thuê hoặc thời gian sử dụng.

❖ Trích lập các quỹ

Các quỹ dự trữ được sử dụng cho các mục đích cụ thể và được trích từ LNST của Ngân hàng dựa trên các tỷ lệ quy định theo trình tự sau:

Trích lập các quỹ

Loại	Tỷ lệ phần trăm của LNST	Mức tối đa
Quỹ bổ sung vốn điều lệ	5% LNST	Vốn điều lệ
Quỹ dự phòng tài chính	10% LNST	B
Quỹ thưởng Ban Điều hành, quỹ khen thưởng, phúc lợi	Tỷ lệ trích lập do ĐHĐCĐ quyết định	ĐHĐCĐ quyết định phù hợp với quy định của pháp luật
Các quỹ dự trữ khác	Tỷ lệ trích lập do ĐHĐCĐ quyết định	ĐHĐCĐ quyết định phù hợp với quy định của pháp luật

Các quỹ dự trữ tại các công ty con được trích lập theo chính sách của Ngân hàng trừ các công ty sau được trích lập theo quy định pháp luật có liên quan:

- CTCP Chứng khoán VietinBank và Công ty quản lý Quỹ VietinBank: quỹ dự trữ được trích từ LNST của Công ty theo Thông tư số 146/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6/10/2014 với tỷ lệ như sau:
 - + Quỹ dự trữ bổ sung VDL: 5% LNST, tối đa không vượt quá 10% VDL của Công ty;
 - + Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ: 5% LNST, tối đa không vượt quá 10% VDL của Công ty.
- Tổng công ty CP Bảo hiểm VietinBank: quỹ dự trữ được trích từ LNST của Công ty theo Nghị định số 73/2016/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 01/07/2016 với tỷ lệ như sau:
 - + Quỹ dự trữ bắt buộc: 5% LNST, tối đa không quá 10% VDL của Công ty.

Các quỹ dự trữ này sẽ được trích lập vào thời điểm cuối niên độ kế toán.

❖ Thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước

Tình hình thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước

ĐVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	Số dư tại ngày 31/12/2020	Phát sinh trong kỳ		Số dư tại ngày 30/09/2021
		Số phải nộp	Số đã nộp	
Thuế GTGT	21.499	440.061	305.052	156.508
Thuế TNDN hiện hành	1.302.702	2.715.384	2.918.966	1.099.120
Các loại thuế khác	178.114	690.097	766.120	102.091
Tổng	1.502.315	3.845.542	3.990.138	1.357.719

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán năm 2020 và BCTC hợp nhất Quý III/2021 của VietinBank

11.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Hợp nhất			Công ty mẹ		
	31/12/2019	31/12/2020	30/09/2021	31/12/2019	31/12/2020	30/09/2021
1. Quy mô vốn						
+ Vốn điều lệ (Tỷ đồng)	37.234	37.234	48.058	37.234	37.234	48.058
+ Tổng tài sản có (Tỷ đồng)	1.240.711	1.341.436	1.447.809	1.228.542	1.327.921	1.432.591
+ Tỷ lệ an toàn vốn (CAR) (*)	10,28%	10,79%	9,27%	9,81%	10,51%	9,05%
2. Kết quả HBKD						
+ Huy động tiền gửi khách hàng (Tỷ đồng)	892.785	990.331	1.072.893	889.793	988.070	1.070.823
+ Dư nợ cho vay khách hàng (Tỷ đồng)	935.271	1.015.333	1.084.606	925.253	1.004.976	1.073.433
+ Doanh số thu nợ khách hàng (Tỷ đồng) (**)	1.714.106	1.759.876	1.447.124	1.714.106	1.759.876	1.447.124
+ Nợ quá hạn (Tỷ đồng)	16.491	12.318	23.023	16.222	12.087	22.843
+ Nợ xấu (Nợ khó đòi) (Tỷ đồng)	10.813	9.519	18.097	10.659	9.317	17.959
+ Hệ số sử dụng vốn (Tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn sử dụng cho vay trung và dài hạn) (***)	n/a	n/a	n/a	31,99%	29,30%	24,24%
+ Tỷ lệ nợ bảo lãnh quá hạn/ Tổng số dư bảo lãnh	1,07%	0,44%	0,64%	1,07%	0,44%	0,64%
+ Tỷ lệ nợ quá hạn/ Tổng dư nợ	1,76%	1,21%	2,12%	1,75%	1,20%	2,13%
+ Tỷ lệ nợ xấu/ Tổng dư nợ	1,16%	0,94%	1,67%	1,15%	0,93%	1,67%
3. Khả năng thanh khoản (***)						
+ Tỷ lệ dự trữ thanh khoản	n/a	n/a	n/a	14,03%	12,28%	14,29%
+ Tỷ lệ dư nợ cho vay / Tổng tiền gửi (LDR)	n/a	n/a	n/a	88,10%	86,10%	82,24%

(Nguồn: VietinBank)

Ghi chú:

(*) Kể từ ngày 01/01/2021, VietinBank áp dụng tỷ lệ an toàn vốn theo chuẩn Basel II của Thông tư 41/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 (tối thiểu là 8%). Trước năm 2021, VietinBank áp dụng tỷ lệ an toàn vốn theo Thông tư 19/2017/TT-NHNN ngày 28/12/2017 và Thông tư 22/2019/TT-NHNN ngày 15/11/2019 (tối thiểu là 9%).

(**) Doanh số thu nợ khách hàng là giá trị các khoản vay đáo hạn, nợ quá hạn thu hồi được từ đầu kỳ đến thời điểm báo cáo; chỉ bao gồm cho vay và không bao gồm thẻ và trái phiếu doanh nghiệp.

(***) Các tỷ lệ về khả năng thanh khoản của VietinBank được thực hiện theo quy định và hướng dẫn của NHNN tại Thông tư số 22/2019/TT-NHNN ngày 15/11/2019 và chỉ được tính số liệu Công ty mẹ.

n/a: Không áp dụng

[Phần cuối của trang này được cố tình bỏ trống để chuyển tiếp sang nội dung trang tiếp theo của Bản Cáo Bạch]

12. Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành và Kế toán trưởng

12.1. Hội đồng quản trị

STT	Họ và tên	Chức danh
1	Ông Trần Minh Bình	- Chủ tịch HĐQT
2	Ông Lê Thanh Tùng	- Thành viên HĐQT
3	Ông Trần Văn Tân	- Thành viên HĐQT
4	Bà Trần Thu Huyền	- Thành viên HĐQT
5	Ông Masahiko Oki	- Thành viên HĐQT
6	Ông Masashige Nakazono	- Thành viên HĐQT
7	Bà Phạm Thị Thanh Hoài	- Thành viên HĐQT
8	Ông Nguyễn Thế Huân	- Thành viên HĐQT
9	Bà Nguyễn Thị Bắc	- Thành viên độc lập HĐQT

12.1.1. Ông Trần Minh Bình – Chủ tịch HĐQT

Họ và tên: **Trần Minh Bình**

Ngày sinh: 07/12/1974

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: C3446628, Ngày cấp 08/06/2017, Nơi cấp Cục Quản lý xuất nhập cảnh

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ học vấn, năng lực chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

Kinh nghiệm công tác:

Thời gian công tác	Chức vụ đã và đang nắm giữ	
	Tại VietinBank	Tại các tổ chức khác
05/2005 - 12/2007	Phó phòng Dịch vụ Thẻ	-
01/2008 - 07/2010	Giám đốc Trung tâm Thẻ	-
08/2010 - 12/2011	Trưởng Phòng Đầu tư	Thành viên HĐQT VietinBank Leasing
01/2012 - 05/2012	Giám đốc - VietinBank Chi nhánh Nguyễn Trãi	-
05/2012 - 09/2012	Phó Giám đốc - VietinBank Chi nhánh Thành phố Hà Nội	-
09/2012 - 12/2013	Giám đốc - VietinBank Chi nhánh Thành phố Hà Nội	-
12/2013 - 05/2014	Giám đốc Khối Kinh doanh vốn và thị trường, kiêm Trưởng phòng Thị trường vốn	kiêm (i) Chủ tịch VietinBank Capital; (ii) Chủ tịch HĐQT VietinBank Lào; (iii) Chủ tịch HĐQT Ngân hàng TNHH Indovina
05/2014 – 01/2015	Phó Tổng Giám đốc, kiêm Giám đốc Khối Kinh doanh vốn và thị trường	kiêm (i) Chủ tịch VietinBank Capital; (ii) Chủ tịch HĐQT VietinBank Lào; (iii) Chủ tịch HĐQT Ngân hàng TNHH Indovina

Thời gian công tác	Chức vụ đã và đang nắm giữ	
	Tại VietinBank	Tại các tổ chức khác
01/2015 – 06/2016	Phó Tổng Giám đốc, kiêm Giám đốc Khối Kinh doanh vốn và thị trường	kiêm (i) Chủ tịch VietinBank Capital; (ii) Chủ tịch HĐQT VietinBank Lào
06/2016 - 01/2017	Phó Tổng Giám đốc, kiêm Giám đốc Khối Kinh doanh vốn và thị trường	kiêm Chủ tịch HĐQT VietinBank Lào
01/2017 - 08/08/2018	Phó Tổng Giám đốc, kiêm Giám đốc Khối Kinh doanh vốn và thị trường, kiêm Giám đốc Khối Phê duyệt tín dụng	kiêm Chủ tịch HĐQT VietinBank Lào
09/08/2018 – 30/10/2018	Phó Tổng Giám đốc, kiêm Giám đốc Khối Phê duyệt tín dụng	kiêm Chủ tịch HĐQT VietinBank Lào
31/10/2018 - 07/12/2018	Thành viên HĐQT, kiêm Quyền Tổng Giám đốc	-
08/12/2018 – 06/09/2021	Thành viên HĐQT, kiêm Tổng Giám đốc	-
07/09/2021 đến nay	Chủ tịch HĐQT	-

Chức vụ tại tổ chức niêm yết: Chủ tịch HĐQT

Chức vụ tại tổ chức khác: Không có

Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại VietinBank của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và người có liên quan (tính đến thời điểm 16/11/2021), cụ thể như sau:

- Sở hữu cá nhân: 3.104 cổ phiếu, chiếm 0,000065% vốn điều lệ.
- Đại diện sở hữu cho NHNN: 1.239.173.013 cổ phiếu, chiếm 25,78% vốn điều lệ.
- Sở hữu của người có liên quan: Không có.

Thù lao, các khoản lợi ích khác và lợi ích liên quan đối với VietinBank: Thù lao và các khoản lợi ích khác được nhận theo quyết định của ĐHĐCĐ và quy định của VietinBank; Cổ tức được nhận theo tỷ lệ sở hữu cổ phần.

Các khoản nợ đối với VietinBank: Không.

12.1.2. Ông Lê Thanh Tùng – Thành viên HĐQT

Họ và tên: Lê Thanh Tùng

Ngày sinh: 08/09/1978

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: 011785589, Ngày cấp 03/10/2009, Nơi cấp Công an Tp. Hà Nội

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ học vấn, năng lực chuyên môn: Thạc sỹ Tài chính Ngân hàng, Đại học Paris Dauphine CFVG

Kinh nghiệm công tác:

Thời gian công tác	Chức vụ đã và đang nắm giữ	
	Tại VietinBank	Tại các tổ chức khác
02/2003 – 09/2006	Cán bộ Phòng Dịch vụ thẻ và Ngân hàng điện tử	-
10/2006	Cán bộ Phòng Dịch vụ thẻ	-
11/2006 – 10/2007	Thư ký Tổng Giám đốc	-
11/2007 – 09/2008	Thư ký Hội đồng quản trị	-
10/2008 – 01/2010	Phó phòng Tổ chức cán bộ và đào tạo	-

Thời gian công tác	Chức vụ đã và đang nắm giữ	
	Tại VietinBank	Tại các tổ chức khác
02/2010 – 09/2010	Phó phụ trách Phòng Kế hoạch và Hỗ trợ ALCO	-
09/2010 – 08/2011	Trưởng Phòng Kế hoạch và Hỗ trợ ALCO	-
08/2011 – 01/2013	Trưởng Phòng Kế hoạch và Hỗ trợ ALCO	Thành viên HĐQT VietinBank Leasing
01/2013 – 08/2013	Giám đốc Khối Quản lý rủi ro	Thành viên HĐQT VietinBank Leasing
08/2013 – 10/2013	Giám đốc Khối Quản lý rủi ro	Chủ tịch HĐQT VietinBank Leasing
10/2013 – 05/2014	Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khối Quản lý rủi ro	Chủ tịch HĐQT VietinBank Leasing
05/2014 – 04/2016	-	Chánh Văn phòng, NHNN
04/2016 – 06/2016	-	Vụ trưởng, Trợ lý Thống đốc NHNN
06/2016 – 11/2017	-	Vụ trưởng, Thư ký Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng ban Kinh tế Trung ương
11/2017 – 02/2021	-	Trợ lý Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng ban Kinh tế Trung ương
02/2021 – 10/2021	-	Vụ Kinh tế Tổng hợp, Ban Kinh tế Trung ương
03/11/2021 - Nay	Thành viên HĐQT	-

Chức vụ tại tổ chức niêm yết: Thành viên HĐQT

Chức vụ tại tổ chức khác: Không có

Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại VietinBank của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và người có liên quan (tính đến thời điểm 16/11/2021), cụ thể như sau:

- Sở hữu cá nhân: Không có.
- Đại diện sở hữu cho NHNN: Không có.
- Sở hữu của người có liên quan: Không có.

Thù lao, các khoản lợi ích khác và lợi ích liên quan đối với VietinBank: theo quyết định của ĐHĐCĐ và quy định của VietinBank; cổ tức được nhận theo tỷ lệ sở hữu cá nhân (nếu có).

Các khoản nợ đối với VietinBank: Không.

12.1.3. Ông Trần Văn Tân - Thành viên HĐQT

Họ và tên: **Trần Văn Tân**
 Ngày sinh: 02/11/1968
 Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: 035068000005, Ngày cấp 08/02/2013, Nơi cấp Cục Cảnh sát đăng ký, quản lý cư trú và dữ liệu quốc gia về dân cư.
 Quốc tịch: Việt Nam
 Trình độ học vấn, năng lực chuyên môn: Thạc sỹ kinh tế chuyên ngành Tài chính - Ngân hàng
 Kinh nghiệm công tác:

Thời gian công tác	Chức vụ đã và đang nắm giữ	
	Tại VietinBank	Tại các tổ chức khác
12/1998 - 01/2001	-	Phó Phòng Thị trường và bảo lãnh, Vụ Tín dụng, NHNN
02/2001 - 04/2008	-	Trưởng Phòng Thị trường và bảo lãnh, Vụ Tín dụng, NHNN
05/2008 - 10/2013	-	Trưởng Phòng Tín dụng, Vụ Tín dụng, NHNN
11/2013 - 03/2017	-	Trưởng Phòng Tín dụng ngành nông nghiệp, Vụ Tín dụng các ngành kinh tế, NHNN
04/2017 - 04/2019	-	Phó Vụ trưởng Vụ Tín dụng các ngành kinh tế, NHNN
23/04/2019 – 04/07/2021	Thành viên HĐQT	-
05/07/2021 – 06/09/2021	Thành viên phụ trách HĐQT	-
07/09/2021 đến nay	Thành viên HĐQT	-

Chức vụ tại tổ chức niêm yết: Thành viên HĐQT

Chức vụ tại tổ chức khác: Không có

Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại VietinBank của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và người có liên quan (tính đến thời điểm 16/11/2021), cụ thể như sau:

- Sở hữu cá nhân: Không có

- Đại diện sở hữu cho NHNN: 929.379.761 cổ phiếu, chiếm 19,34% vốn điều lệ.

- Sở hữu của người có liên quan: Không có.

Thù lao, các khoản lợi ích khác và lợi ích liên quan đối với VietinBank: theo quyết định của ĐHDCĐ và quy định của VietinBank; cổ tức được nhận theo tỷ lệ sở hữu cá nhân (nếu có).

Các khoản nợ đối với VietinBank: Không.

12.1.4. Bà Trần Thu Huyền - Thành viên HĐQT

Họ và tên: **Trần Thu Huyền**

Ngày sinh: 20/11/1977

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: C6107888, Ngày cấp 04/10/2018, Nơi cấp Cục Quản lý xuất nhập cảnh

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ học vấn, năng lực chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

Kinh nghiệm công tác:

Thời gian công tác	Chức vụ đã và đang nắm giữ	
	Tại VietinBank	Tại các tổ chức khác
01/2010 - 03/2012	Phó Phòng Tổ chức cán bộ và Đào tạo	-
03/2012 - 07/2014	Trưởng Phòng Tổ chức cán bộ và Đào tạo	-
24/7/2014 - 01/4/2015	Thành viên HĐQT	-
01/4/2015 - Nay	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc Khối Nhân sự	-

Chức vụ tại tổ chức niêm yết: Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc Khối Nhân sự

Chức vụ tại tổ chức khác: Không có

Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại VietinBank của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và người có liên quan (tính đến thời điểm 16/11/2021), cụ thể như sau:

- Sở hữu cá nhân: 51.844 cổ phiếu, chiếm 0,00108% vốn điều lệ.

- Đại diện sở hữu cho NHNN: Không có.

- Sở hữu của người có liên quan: Trần Tiến Duy (Em trai): 26 cổ phiếu, chiếm 0,000001% VDL.

Thù lao, các khoản lợi ích khác và lợi ích liên quan đối với VietinBank: theo quyết định của ĐHĐCĐ và quy định của VietinBank; cổ tức được nhận theo tỷ lệ sở hữu cá nhân (nếu có).

Các khoản nợ đối với VietinBank: Không.

12.1.5. Ông Masahiko Oki - Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc

Họ và tên: Masahiko Oki
 Ngày sinh: 02/08/1971
 Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: TR5836522, Ngày cấp 11/03/2016, Nơi cấp Bộ Ngoại giao Nhật Bản
 Quốc tịch: Nhật Bản
 Trình độ học vấn, năng lực chuyên môn: Cử nhân chuyên ngành Kinh doanh và Thương mại, Đại học Keio, Tokyo, Nhật Bản
 Kinh nghiệm công tác:

Thời gian công tác	Chức vụ đã và đang nắm giữ	
	Tại VietinBank	Tại các tổ chức khác
04/2001 - 12/2001	-	Trưởng phòng, Bộ phận Ngân hàng doanh nghiệp Tokyo, Ngân hàng The Sanwa Bank, Ltd., Nhật Bản
01/2002 - 12/2005	-	Trưởng phòng, Bộ phận Ngân hàng doanh nghiệp Tokyo, Ngân hàng UFJ Bank, Ltd., Nhật Bản
01/2006 - 10/2006	-	Trưởng phòng, Bộ phận Ngân hàng doanh nghiệp Tokyo, Ngân hàng The Bank of Tokyo-Mitsubishi UFJ, Ltd. ("BTMU"), Nhật Bản.
10/2006 - 04/2011	-	Giám đốc, Bộ phận Ngân hàng doanh nghiệp Nhật Bản, BTMU Chi nhánh New York, Mỹ
05/2011 - 05/2012	-	Trưởng phòng cao cấp, Bộ phận Kế hoạch doanh nghiệp, BTMU, Trụ sở Tokyo, Nhật Bản
05/2012 - 03/2016	-	Trưởng phòng, Bộ phận Phát triển kinh doanh ngân hàng bán lẻ, BTMU, Trụ sở Tokyo, Nhật Bản
03/2016 - 03/2018	-	Cán bộ điều hành, Trưởng Văn phòng Chiến lược ngân hàng bán lẻ, BTMU, Trụ sở Tokyo, Nhật Bản
04/2018 - 06/2018	-	Cán bộ điều hành, Trưởng Văn phòng Chiến lược ngân hàng bán lẻ Châu Á, MUFG Bank, Ltd., Trụ sở Tokyo, Nhật Bản (trước đây là BTMU)
07/2018 - 22/05/2020	-	Cán bộ điều hành & Phó trưởng Bộ phận Kế hoạch ngân hàng thương mại

Thời gian công tác	Chức vụ đã và đang nắm giữ	
	Tại VietinBank	Tại các tổ chức khác
		toàn cầu, MUFG Bank Ltd., Trụ sở Tokyo, Nhật Bản
23/05/2020 - 25/05/2020	Thành viên HĐQT	-
26/05/2020 - Nay	Thành viên HĐQT, kiêm Phó Tổng giám đốc	-

Chức vụ tại tổ chức niêm yết: Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc

Chức vụ tại tổ chức khác: Không có

Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại VietinBank của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và người có liên quan (tính đến thời điểm 16/11/2021), cụ thể như sau:

- Sở hữu cá nhân: Không có.
- Đại diện sở hữu cho MUFG: Không có.
- Sở hữu của người có liên quan: Không có.

Thù lao, các khoản lợi ích khác và lợi ích liên quan đối với VietinBank: theo quyết định của ĐHĐCĐ và quy định của VietinBank; cổ tức được nhận theo tỷ lệ sở hữu cá nhân (nếu có).

Các khoản nợ đối với VietinBank: Không.

12.1.6. Ông Masashige Nakazono - Thành viên HĐQT

Họ và tên: Masashige Nakazono

Ngày sinh: 07/05/1975

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: TS2318688, Ngày cấp 19/12/2018, Nơi cấp Bộ Ngoại giao Nhật Bản.

Quốc tịch: Nhật Bản

Trình độ học vấn, năng lực chuyên môn: Cử nhân, chuyên ngành Luật, Trường Đại học Tokyo, Nhật Bản; Thạc sỹ chuyên ngành Quản trị kinh doanh, Trường Wharton thuộc Trường Đại học Pennsylvania, Hoa Kỳ.

Kinh nghiệm công tác:

Thời gian công tác	Chức vụ đã và đang nắm giữ	
	Tại VietinBank	Tại các tổ chức khác
07/2005 -06/2006	-	Trưởng Phòng, Bộ phận Phát triển Sản phẩm Tài chính, BTMU, Trụ sở Tokyo, Nhật Bản
07/2008 - 01/2013	-	Phó Phòng, Bộ phận Ngân hàng Đầu tư dành cho Châu Mỹ, Nhóm Chứng khoán hóa, BTMU, Chi nhánh New York, Mỹ.
02/2013 - 06/2014	-	Giám đốc, Bộ phận Ngân hàng Đầu tư dành cho Châu Mỹ, Nhóm Chứng khoán hóa, BTMU, Chi nhánh New York, Mỹ.
07/2014 - 03/2018	-	Giám đốc, Bộ phận Kế hoạch Toàn cầu, BTMU, Trụ sở Tokyo, Nhật Bản
04/2018 - 06/2018	-	Giám đốc, Bộ phận Kế hoạch Toàn cầu, MUFG Bank, Ltd., Trụ sở Tokyo, Nhật Bản (trước đây là BTMU - The Bank of Tokyo-Mitsubishi UFJ, Ltd.)
07/2018 - 02/2019	-	Giám đốc Điều hành, Trưởng phòng Kế hoạch Toàn cầu, Bộ phận Kế hoạch Doanh

Thời gian công tác	Chức vụ đã và đang nắm giữ	
	Tại VietinBank	Tại các tổ chức khác
		ngiệp, MUFG Bank, Ltd., Trụ sở Tokyo, Nhật Bản
02/2019 - 03/2021	-	Giám đốc Điều hành, Bộ phận Kế hoạch Ngân hàng Thương mại Toàn cầu, MUFG Bank, Ltd., Chi nhánh Singapore
03/2021 – 15/04/2021	-	Giám đốc Điều hành, Phòng Kế hoạch Chiến lược, Bộ phận Kế hoạch Ngân hàng Thương mại Toàn cầu, MUFG Bank, Ltd., Trụ sở Tokyo, Nhật Bản
16/04/2021 - Nay	Thành viên HĐQT	Giám đốc Điều hành, Phòng Kế hoạch Chiến lược, Bộ phận Kế hoạch Ngân hàng Thương mại Toàn cầu, MUFG Bank, Ltd., Trụ sở Tokyo, Nhật Bản

Chức vụ tại tổ chức niêm yết: Thành viên HĐQT

Chức vụ tại tổ chức khác: Giám đốc Điều hành, Phòng Kế hoạch Chiến lược, Bộ phận Kế hoạch - Ngân hàng Thương mại Toàn cầu, MUFG Bank, Ltd., Trụ sở Tokyo, Nhật Bản

Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại VietinBank của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và người có liên quan (tính đến thời điểm 16/11/2021), cụ thể như sau:

- Sở hữu cá nhân: Không có.

- Đại diện sở hữu cho MUFG: Không có.

- Sở hữu của người có liên quan: Không có.

Thù lao, các khoản lợi ích khác và lợi ích liên quan đối với VietinBank: theo quyết định của HĐQT và quy định của VietinBank; cổ tức được nhận theo tỷ lệ sở hữu cá nhân (nếu có).

Các khoản nợ đối với VietinBank: Không.

12.1.7. Bà Phạm Thị Thanh Hoài - Thành viên HĐQT

Họ và tên: Phạm Thị Thanh Hoài

Ngày sinh: 29/10/1978

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: 019178000338, Ngày cấp 21/09/2017, Nơi cấp Cục Cảnh sát đăng ký, quản lý cư trú và dữ liệu quốc gia về dân cư

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ học vấn, năng lực chuyên môn: Thạc sỹ Tài chính

Kinh nghiệm công tác:

Thời gian công tác	Chức vụ đã và đang nắm giữ	
	Tại VietinBank	Tại các tổ chức khác
11/2008 - 10/2009	Phó Phòng Chế độ Tín dụng, Đầu tư	-
10/2009 - 04/2010	Phó Phòng Đầu tư	-
04/2010 - 08/2010	Phó phụ trách Phòng Đầu tư	-
08/2010 - 01/2012	Phó Phòng Đầu tư	-
01/2012 - 03/2013	Phó phụ trách Phòng Đầu tư	-
04/2013 - 04/2014	Trưởng Phòng Kinh doanh vốn	-

Thời gian công tác	Chức vụ đã và đang nắm giữ	
	Tại VietinBank	Tại các tổ chức khác
05/2014 - 05/2016	Trưởng Phòng Kinh doanh vốn - Khối Kinh doanh vốn và thị trường	Chủ tịch HĐQT VietinBank Leasing
05/2016 - 04/2019	Trưởng Phòng KHDN FDI và Nguồn vốn quốc tế - Khối KHDN	Chủ tịch HĐQT VietinBank Leasing
23/04/2019 – 05/10/2021	Thành viên HĐQT	-
06/10/2021 - Nay	Thành viên HĐQT	Chủ tịch HĐQT VietinBank Lào

Chức vụ tại tổ chức niêm yết: Thành viên HĐQT

Chức vụ tại tổ chức khác: Chủ tịch HĐQT VietinBank Lào

Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại VietinBank của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và người có liên quan (tính đến thời điểm 16/11/2021), cụ thể như sau:

- Sở hữu cá nhân: 118 cổ phiếu, chiếm 0,000002% VDL.

- Đại diện sở hữu: Không có.

- Sở hữu của người có liên quan: Không có.

Thù lao, các khoản lợi ích khác và lợi ích liên quan đối với VietinBank: theo quyết định của ĐHĐCĐ và quy định của VietinBank; cổ tức được nhận theo tỷ lệ sở hữu cá nhân (nếu có).

Các khoản nợ đối với VietinBank: Không.

12.1.8. Ông Nguyễn Thế Huân - Thành viên HĐQT

Họ và tên: Nguyễn Thế Huân

Ngày sinh: 19/12/1974

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: 019074000322, Ngày cấp 25/12/2018, Cục Cảnh sát đăng ký, quản lý cư trú và dữ liệu quốc gia về dân cư

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ học vấn, năng lực chuyên môn: Cử nhân chuyên ngành: Luật, Ngôn ngữ, Kinh tế.

Kinh nghiệm công tác:

Thời gian công tác	Chức vụ đã và đang nắm giữ	
	Tại VietinBank	Tại các tổ chức khác
09/2004 - 02/2006	Phó Trưởng Phòng, Phòng KHDN lớn, VietinBank Chi nhánh Ba Đình	-
03/2006 - 11/2008	Trưởng Phòng, Phòng KHDN vừa & nhỏ, VietinBank Chi nhánh Ba Đình	-
12/2008 - 08/2009	Phó phòng, Phòng Xây dựng & Quản lý ISO	-
09/2009 - 03/2010	Phó Phòng, Phòng KHCN	-
04/2010 - 06/2011	Phó giám đốc, VietinBank Chi nhánh Bắc Giang	-
07/2011 - 03/2012	Phó trưởng Ban Kiểm tra Kiểm soát nội bộ	-
04/2012 - 03/2013	Phó Phòng, Phòng Kiểm toán tuân thủ	-
04/2013 - 03/2015	Phó Phòng, Phòng Kiểm toán nội bộ	-
04/2015 - 22/04/2019	Trưởng Ban Kiểm soát	-
23/04/2019 - Nay	Thành viên HĐQT	-

Chức vụ tại tổ chức niêm yết: Thành viên HĐQT

Chức vụ tại tổ chức khác: Không có

Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại VietinBank của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và người có liên quan (tính đến thời điểm 16/11/2021), cụ thể như sau:

- Sở hữu cá nhân: Không có.

- Đại diện sở hữu: Không có.

- Sở hữu của người có liên quan: Phạm Thị Minh Tú (Em dâu): 11.372 cổ phiếu, chiếm 0,000237% VDL.

Thù lao, các khoản lợi ích khác và lợi ích liên quan đối với VietinBank: theo quyết định của ĐHĐCĐ và quy định của VietinBank; cổ tức được nhận theo tỷ lệ sở hữu cá nhân (nếu có).

Các khoản nợ đối với VietinBank: Không.

12.1.9. Bà Nguyễn Thị Bắc - Thành viên độc lập HĐQT

Họ và tên: Nguyễn Thị Bắc

Ngày sinh: 12/10/1953

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: 011162891, Ngày cấp 19/07/2007, Nơi cấp Công an Hà Nội

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ học vấn, năng lực chuyên môn: Thạc sỹ chuyên ngành Luật

Kinh nghiệm công tác:

Thời gian công tác	Chức vụ đã và đang nắm giữ	
	Tại VietinBank	Tại các tổ chức khác
1978 - 1980	-	Giảng viên, Khoa Luật, Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội
1980 - 1984	-	Cán bộ Viện kiểm sát nhân dân tối cao
1984 - 1988	-	Kiểm sát viên trung cấp Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
1989 - 1992	-	Kiểm sát viên cao cấp Viện kiểm sát nhân dân tối cao
1992 - 1994	-	Phó vụ trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao
1994 - 2002	-	Vụ trưởng, Viện kiểm sát nhân dân tối cao
07/2002 - 07/2007	-	Phó chủ nhiệm Ủy ban pháp luật, Đại biểu Quốc hội khóa XI
08/2007 - 11/2008	-	Chuyên viên cao cấp Văn phòng Quốc hội
01/2009 - 02/2012	-	Luật sư Đoàn luật sư Hà Nội
02/2012 - 07/2014	Thành viên HĐQT độc lập	Luật sư Đoàn luật sư Hà Nội
06/2019 - 22/05/2020	-	Giám đốc Khối Quản trị rủi ro, Ngân hàng TNHH Indovina; kiêm Luật sư Đoàn luật sư TP Hà Nội
23/05/2020 - Nay	Thành viên HĐQT độc lập	Luật sư Đoàn luật sư Hà Nội

Chức vụ tại tổ chức niêm yết: Thành viên HĐQT

Chức vụ tại tổ chức khác: Luật sư Đoàn luật sư Hà Nội

Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại VietinBank của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và người có liên quan (tính đến thời điểm 16/11/2021), cụ thể như sau:

- Sở hữu cá nhân: Không có.
- Đại diện sở hữu: Không có.
- Sở hữu của người có liên quan: Không có.

Thù lao, các khoản lợi ích khác và lợi ích liên quan đối với VietinBank: theo quyết định của ĐHCĐ và quy định của VietinBank; cổ tức được nhận theo tỷ lệ sở hữu cá nhân (nếu có).

Các khoản nợ đối với VietinBank: Không.

12.2. Ban Kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức danh
1.	Bà Lê Anh Hà	- Trưởng Ban Kiểm soát
2.	Bà Nguyễn Thị Anh Thư	- Thành viên
3.	Bà Phạm Thị Thơm	- Thành viên

12.2.1. Bà Lê Anh Hà - Trưởng Ban kiểm soát

Họ và tên: Lê Anh Hà
Ngày sinh: 02/11/1973
Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: 001173018920, Ngày cấp 21/01/2019, Nơi cấp Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội
Quốc tịch: Việt Nam
Trình độ học vấn, năng lực chuyên môn: Thạc sỹ chuyên ngành Kinh tế và Quản lý công
Kinh nghiệm công tác:

Thời gian công tác	Chức vụ đã và đang nắm giữ	
	Tại VietinBank	Tại các tổ chức khác
11/2003 - 03/2005	Phó Phòng Quản lý tín dụng	-
03/2005 - 02/2006	Trưởng Phòng Quản lý và khai thác nguồn vốn	-
03/2006 - 10/2009	Trưởng Phòng Quản lý rủi ro tín dụng, đầu tư	-
10/2009 - 12/2011	Trưởng Phòng KHCN	-
01/2012 - 07/2013	Phó Giám đốc Trường ĐT&PTNNL VietinBank	-
07/2013 - 06/2014	Trưởng Phòng Kiểm tra kiểm soát nội bộ, Khối Quản lý rủi ro	-
07/2014 - 04/2019	Phó Giám đốc Khối Quản lý rủi ro kiêm Trưởng Phòng Kiểm tra kiểm soát nội bộ	-
31/12/2014 - 22/04/2019	Phó Giám đốc Khối Quản lý rủi ro, kiêm Trưởng Phòng Kiểm tra kiểm soát nội bộ và kiêm Trưởng Văn phòng Quản lý dự án triển khai Basel II (BMO)	-
23/04/2019 - Nay	Trưởng Ban Kiểm soát	-

Chức vụ tại tổ chức niêm yết: Trưởng Ban Kiểm soát

Chức vụ tại tổ chức khác: Không có

Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại VietinBank của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và người có liên quan (tính đến thời điểm 16/11/2021), cụ thể như sau:

- Sở hữu cá nhân: 4.006 cổ phiếu, chiếm 0,000083% VDL.

- Đại diện sở hữu: Không có.

- Sở hữu của người có liên quan: Không có.

Thù lao, các khoản lợi ích khác và lợi ích liên quan đối với VietinBank: theo quyết định của ĐHĐCĐ và quy định của VietinBank; cổ tức được nhận theo tỷ lệ sở hữu cá nhân (nếu có).

Các khoản nợ đối với VietinBank: Không.

12.2.2. Bà Nguyễn Thị Anh Thư - Thành viên Ban Kiểm soát

Họ và tên: Nguyễn Thị Anh Thư

Ngày sinh: 24/05/1976

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: 001176003755, Ngày cấp 03/03/2015, Nơi cấp Cục Cảnh sát đăng ký, quản lý cư trú và dữ liệu quốc gia về dân cư

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ học vấn, năng lực chuyên môn: Cử nhân chuyên ngành: Ngân hàng; Tiếng Anh

Kinh nghiệm công tác:

Thời gian công tác	Chức vụ đã và đang nắm giữ	
	Tại VietinBank	Tại các tổ chức khác
01/2004 - 05/2005	Phó Phòng Tổng hợp - Tiếp thị, VietinBank Chi nhánh Hoàn Kiếm	-
06/2005 - 09/2006	Trưởng Phòng Tổng hợp - Tiếp thị, VietinBank Chi nhánh Hoàn Kiếm	-
10/2006 - 12/2006	Trưởng Phòng Quản lý rủi ro, VietinBank Chi nhánh Hoàn Kiếm	-
01/2007 - 05/2012	Trưởng Phòng KHDN lớn, VietinBank Chi nhánh Hoàn Kiếm	-
05/2012 - 12/2012	Phó Phòng Kiểm toán tuân thủ	-
01/2013 - 06/2014	Phó Phòng Kiểm soát giải ngân	-
07/2014 - 01/2015	Phó Phòng Phê duyệt tín dụng	-
02/2015 - 07/2015	Phó Phòng Quản lý rủi ro tín dụng, Khối Quản lý rủi ro	-
08/2015 - 04/2019	Trưởng Phòng Kiểm toán nội bộ	-
23/04/2019 - Nay	Thành viên Ban kiểm soát	

Chức vụ tại tổ chức niêm yết: Thành viên Ban Kiểm soát

Chức vụ tại tổ chức khác: Không có

Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại VietinBank của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và người có liên quan (tính đến thời điểm 16/11/2021), cụ thể như sau:

- Sở hữu cá nhân: 1.337 cổ phiếu, chiếm 0,000028% VDL.

- Đại diện sở hữu: Không có.

- Sở hữu của người có liên quan: Không có.

Thù lao, các khoản lợi ích khác và lợi ích liên quan đối với VietinBank: theo quyết định của ĐHĐCĐ và quy định của VietinBank; cổ tức được nhận theo tỷ lệ sở hữu cá nhân (nếu có).

Các khoản nợ đối với VietinBank: Không.

12.2.3. Bà Phạm Thị Thơm - Thành viên Ban Kiểm soát

Họ và tên: Phạm Thị Thơm

Ngày sinh: 05/02/1969
Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: 037169000304, Ngày cấp 05/05/2016, Nơi cấp Cục Cảnh sát đăng ký, quản lý cư trú và dữ liệu quốc gia về dân cư
Quốc tịch: Việt Nam
Trình độ học vấn, năng lực chuyên môn: Thạc sỹ Tài chính Ngân hàng
Kinh nghiệm công tác:

Thời gian công tác	Chức vụ đã và đang nắm giữ	
	Tại VietinBank	Tại các tổ chức khác
10/2001 - 09/2003	-	Phó phòng Kế toán, Ngân hàng Agribank Chi nhánh Hà Nội
10/2003 - 12/2005	-	Trưởng phòng Kế toán, Ngân hàng Agribank Chi nhánh Hà Nội
01/2006 - 10/2006	-	Chuyên viên phòng Chế độ, Vụ Kế toán - Tài chính, NHNN
11/2006 - 12/2008	-	Phó phòng Chế độ, Vụ Kế toán - Tài chính, NHNN
01/2009 - 06/2009	-	Trưởng phòng Chế độ, Vụ Tài chính - Kế toán, NHNN
06/2009 - 22/04/2019	Thành viên Ban Kiểm soát	Trưởng phòng Chế độ, Vụ Tài chính - Kế toán, NHNN
23/04/2019 - 15/4/2021	-	Trưởng phòng Chế độ, Vụ Tài chính - Kế toán, NHNN
16/4/2021 - Nay	Thành viên Ban Kiểm soát	-

Chức vụ tại tổ chức niêm yết: Thành viên Ban Kiểm soát

Chức vụ tại tổ chức khác: Không có

Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại VietinBank của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và người có liên quan (tính đến thời điểm 16/11/2021), cụ thể như sau:

- Sở hữu cá nhân: Không có.

- Đại diện sở hữu: Không có.

- Sở hữu của người có liên quan: Phạm Thứ Tâm (Anh trai): 10 cổ phiếu, chiếm 0,0000002% VDL.

Thù lao, các khoản lợi ích khác và lợi ích liên quan đối với VietinBank: theo quyết định của ĐHĐCĐ và quy định của VietinBank; cổ tức được nhận theo tỷ lệ sở hữu cá nhân (nếu có).

Các khoản nợ đối với VietinBank: Không.

12.3. Ban Điều hành

STT	Họ và tên	Chức danh
1.	Ông Nguyễn Hoàng Dũng	- Phó Tổng Giám đốc phụ trách Ban điều hành
2.	Ông Masahiko Oki	- Phó Tổng Giám đốc
3.	Ông Nguyễn Đức Thành	- Phó Tổng Giám đốc
4.	Ông Trần Công Quỳnh Lân	- Phó Tổng Giám đốc
5.	Ông Nguyễn Đình Vinh	- Phó Tổng Giám đốc
6.	Bà Lê Như Hoa	- Phó Tổng Giám đốc
7.	Ông Nguyễn Hải Hưng	- Kế toán trưởng

12.3.1. Ông Nguyễn Hoàng Dũng - Phó Tổng Giám đốc phụ trách Ban điều hành

Họ và tên: Nguyễn Hoàng Dũng
 Ngày sinh: 10/11/1962
 Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: 025261199, Ngày cấp 14/02/2014, Nơi cấp Công an Thành phố Hồ Chí Minh
 Quốc tịch: Việt Nam
 Trình độ học vấn, năng lực chuyên môn: Thạc sỹ kinh tế
 Kinh nghiệm công tác:

Thời gian công tác	Chức vụ đã và đang nắm giữ	
	Tại VietinBank	Tại các tổ chức khác
10/1998 – 02/1991	Tổ phó Tổ tín dụng, VietinBank Chi nhánh Tỉnh Minh Hải	
03/1991 - 09/1992	Phó trưởng phòng Kiểm soát, VietinBank Chi nhánh Tỉnh Minh Hải	-
10/1992 – 07/1993	Trợ lý Giám đốc, VietinBank Chi nhánh Tỉnh Minh Hải	
08/1993 - 12/1996	Trưởng phòng Tổ chức hành chính, VietinBank Chi nhánh Tỉnh Minh Hải	-
01/1997 - 10/1998	Trưởng phòng Kinh doanh, VietinBank Chi nhánh Cà Mau	-
11/1998 - 12/2004	Trưởng Phòng Giao dịch Cà Mau, VietinBank Chi nhánh Cà Mau	-
01/2005 - 10/2007	Phó Giám đốc VietinBank Chi nhánh Cà Mau	-
11/2007 - 01/2010	Giám đốc VietinBank Chi nhánh Cà Mau	-
02/2010 - 14/3/2011	Cán bộ quản lý cấp cao VietinBank	-
15/3/2011 – 06/09/2021	Phó Tổng Giám đốc	-
07/09/2021 đến nay	Phó Tổng Giám đốc phụ trách Ban Điều hành	-

Chức vụ tại tổ chức niêm yết: Phó Tổng Giám đốc phụ trách Ban Điều hành

Chức vụ tại tổ chức khác: Không có

Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại VietinBank của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và người có liên quan (tính đến thời điểm 16/11/2021), cụ thể như sau:

- Sở hữu cá nhân: 1.321 cổ phiếu, chiếm 0,000027% VDL.

- Đại diện sở hữu: Không có.

- Sở hữu của người có liên quan: Nguyễn Trần Hòa Bình (Em trai): 14 cổ phiếu, chiếm 0,0000003% VDL.

Thù lao, các khoản lợi ích khác và lợi ích liên quan đối với VietinBank: theo quyết định của HĐQT và quy định của VietinBank; cổ tức được nhận theo tỷ lệ sở hữu cá nhân (nếu có).

Các khoản nợ đối với VietinBank: Không.

12.3.2. Ông Masahiko Oki - Phó Tổng Giám đốc (Xem Mục 12.1.5 ở trên)**12.3.3. Ông Nguyễn Đức Thành - Phó Tổng Giám đốc**

Họ và tên: Nguyễn Đức Thành
 Ngày sinh: 08/09/1970

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: 011070000015, Ngày cấp 28/06/2019, Nơi cấp Cục Cảnh sát đăng ký, quản lý cư trú và dữ liệu quốc gia về dân cư

Quốc tịch: Việt Nam
Trình độ học vấn, năng lực chuyên môn: Thạc sỹ kinh tế

Kinh nghiệm công tác:

Thời gian công tác	Chức vụ đã và đang nắm giữ	
	Tại VietinBank	Tại các tổ chức khác
08/2002 - 04/2007	-	Phó Vụ trưởng - Thư ký Bộ trưởng Bộ Thương mại (nay là Bộ Công thương)
04/2007 - 08/2007	-	Phó Cục trưởng Cục Quản lý Cạnh tranh kiêm Thư ký Bộ trưởng Bộ Thương mại (nay là Bộ Công thương)
08/2007 - 01/2010	-	Phó Cục trưởng Cục Quản lý Cạnh tranh - Bộ Công Thương
02/2010 - 08/2012	Trưởng Phòng Định chế tài chính	-
08/2012 - 03/2014	Phó Tổng giám đốc	kiêm (i) Chủ tịch HĐQT Công ty Liên doanh Bảo hiểm nhân thọ VietinBank - Aviva, (ii) Chủ tịch HĐQT Công ty Chuyển tiền toàn cầu Ngân hàng Công thương Việt Nam
03/2014 - 14/07/2018	Phó Tổng giám đốc, kiêm đồng Giám đốc Chi nhánh VietinBank tại Đức	-
15/7/2018 - 08/8/2018	Phó Tổng Giám đốc	-
8/8/2018 - 16/12/2018	Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khối Kinh doanh vốn & Thị trường	-
17/12/2018 - 05/10/2021	Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khối Kinh doanh vốn & Thị trường	kiêm Chủ tịch HĐQT VietinBank Lào
06/10/2021 - 10/11/2021	Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khối Kinh doanh vốn & Thị trường	-
11/11/2021 - Nay	Phó Tổng Giám đốc	-

Chức vụ tại tổ chức niêm yết: Phó Tổng Giám đốc

Chức vụ tại tổ chức khác: Không có

Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại VietinBank của cá nhân và người có liên quan (tính đến thời điểm 16/11/2021), cụ thể như sau:

- Sở hữu cá nhân: Không có.

- Đại diện sở hữu: Không có.

- Sở hữu của người có liên quan: Hoàng Việt Phương (Vợ): 7 cổ phiếu, chiếm 0,0000001% VDL.

Thù lao, các khoản lợi ích khác và lợi ích liên quan đối với VietinBank: theo quyết định của HĐQT và quy định của VietinBank; cổ tức được nhận theo tỷ lệ sở hữu cá nhân (nếu có).

Các khoản nợ đối với VietinBank: Không.

12.3.4. Ông Trần Công Quỳnh Lân - Phó Tổng Giám đốc

Họ và tên: **Trần Công Quỳnh Lân**
 Ngày sinh: 16/01/1979
 Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: 290691924, Ngày cấp 02/12/2014, Nơi cấp Công an Tây Ninh
 Quốc tịch: Việt Nam
 Trình độ học vấn, năng lực chuyên môn: Thạc sỹ chuyên ngành CNTT
 Kinh nghiệm công tác:

Thời gian công tác	Chức vụ đã và đang nắm giữ	
	Tại VietinBank	Tại các tổ chức khác
04/2003 - 04/2005	-	Trợ lý giám đốc, Ngân hàng OCBC Singapore
04/2005 - 04/2008	-	Trợ lý Phó Chủ tịch, Ngân hàng OCBC Singapore
04/2008 - 04/2012	-	Phó Chủ tịch (Vice President) CNTT, Ngân hàng bán lẻ (Quản lý kênh phân phối điện tử và đầu tư), Ngân hàng OCBC Singapore
05/2012 - 03/2015	Giám đốc Trung tâm CNTT	-
03/2015 - Nay	Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Trung tâm CNTT	-

Chức vụ tại tổ chức niêm yết: Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Trung tâm CNTT

Chức vụ tại tổ chức khác: Không có

Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại VietinBank của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và người có liên quan (tính đến thời điểm 16/11/2021), cụ thể như sau:

- Sở hữu cá nhân: Không có.

- Đại diện sở hữu: Không có.

- Sở hữu của người có liên quan: Trần Nguyễn Thùy Dương (Em dâu): 2.000 cổ phiếu, chiếm 0,000042% VDL.

Thù lao, các khoản lợi ích khác và lợi ích liên quan đối với VietinBank: theo quyết định của HĐQT và quy định của VietinBank; cổ tức được nhận theo tỷ lệ sở hữu cá nhân (nếu có).

Các khoản nợ đối với VietinBank: Không.

12.3.5 Ông Nguyễn Đình Vinh - Phó Tổng Giám đốc

Họ và tên: **Nguyễn Đình Vinh**
 Ngày sinh: 30/09/1980
 Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: 040080000057, Ngày cấp 26/03/2014, Nơi cấp Cục Cảnh sát đăng ký, quản lý cư trú và dữ liệu quốc gia về dân cư
 Quốc tịch: Việt Nam
 Trình độ học vấn, năng lực chuyên môn: Thạc sỹ chuyên ngành Quản trị kinh doanh
 Kinh nghiệm công tác:

Thời gian công tác	Chức vụ đã và đang nắm giữ	
	Tại VietinBank	Tại các tổ chức khác
12/2009 - 06/2010	Phó phòng KHDN lớn	-

Thời gian công tác	Chức vụ đã và đang nắm giữ	
	Tại VietinBank	Tại các tổ chức khác
06/2010 - 11/2011	Phó phụ trách Phòng KHDN lớn	-
11/2011 - 07/2012	Phó Giám đốc VietinBank Chi nhánh Quang Trung	-
07/2012 - 10/2013	Giám đốc VietinBank Chi nhánh Hải Dương	-
10/2013 - 06/2014	Trưởng phòng Quản lý Nợ có vấn đề, Khối Quản lý rủi ro	-
07/2014 - 07/2015	Giám đốc VietinBank Chi nhánh Thành phố Hà Nội	-
31/07/2015 - 14/11/2018	Phó Tổng giám đốc, kiêm Giám đốc Khối KHDN	Chủ tịch HĐQT Công ty chuyển tiền toàn cầu VietinBank
15/11/2018 - 03/09/2019	Phó Tổng giám đốc, kiêm Giám đốc Khối Quản lý rủi ro	Chủ tịch HĐQT Công ty chuyển tiền toàn cầu VietinBank
03/09/2019 - 11/2021	Phó Tổng giám đốc, kiêm Giám đốc Khối Quản lý rủi ro và kiêm Trưởng Văn phòng Quản lý dự án triển khai Basel II (BMO)	Chủ tịch HĐQT Công ty chuyển tiền toàn cầu VietinBank
11/11/2021 - Nay	Phó Tổng giám đốc, kiêm Trưởng Văn phòng Quản lý dự án triển khai Basel II (BMO)	Chủ tịch HĐQT Công ty chuyển tiền toàn cầu VietinBank

Chức vụ tại tổ chức niêm yết: Phó Tổng giám đốc, kiêm Trưởng Văn phòng Quản lý dự án triển khai Basel II (BMO)

Chức vụ tại tổ chức khác: Chủ tịch HĐQT Công ty chuyển tiền toàn cầu VietinBank

Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại VietinBank của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và người có liên quan (tính đến thời điểm 16/11/2021), cụ thể như sau:

- Sở hữu cá nhân: Không có.
- Đại diện sở hữu: Không có.
- Sở hữu của người có liên quan: Không có.

Thù lao, các khoản lợi ích khác và lợi ích liên quan đối với VietinBank: theo quyết định của HĐQT và quy định của VietinBank; cổ tức được nhận theo tỷ lệ sở hữu cá nhân (nếu có).

Các khoản nợ đối với VietinBank: Không.

12.3.6. Bà Lê Như Hoa - Phó Tổng Giám đốc

Họ và tên: **Lê Như Hoa**
 Ngày sinh: 23/11/1969
 Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: 026169001195, Ngày cấp 23/05/2017, Nơi cấp Cục Cảnh sát đăng ký, quản lý cư trú và dữ liệu quốc gia về dân cư
 Quốc tịch: Việt Nam
 Trình độ học vấn, năng lực chuyên môn: Thạc sỹ chuyên ngành Tài chính và Kinh doanh quốc tế
 Kinh nghiệm công tác:

Thời gian công tác	Chức vụ đã và đang nắm giữ	
	Tại VietinBank	Tại các tổ chức khác
07/1995 – 12/1996	Kiểm soát viên, VietinBank - Chi nhánh Phúc Yên	-
01/1997 - 05/1997	Phó phòng Kế toán, VietinBank Chi nhánh Phúc Yên	-
06/1997 - 09/2002	Phó phụ trách Phòng Kế toán, VietinBank Chi nhánh Phúc Yên	-
10/2002 - 02/2005	Phó phòng Kinh doanh, VietinBank Chi nhánh Phúc Yên	-
03/2005 - 03/2010	Trưởng phòng Kế toán, VietinBank Chi nhánh Phúc Yên	-
03/2010 - 06/2011	Trưởng phòng Tổ chức hành chính, VietinBank Chi nhánh Tp. Hà Nội	-
06/2011 - 07/2014	Phó Giám đốc VietinBank Tp. Hà Nội	-
07/2014 - 08/2016	Trưởng phòng Quản lý kế toán tài chính	-
08/2016 – 07/2019	Phó Tổng Giám đốc	-
07/2019 – Nay	Phó Tổng Giám đốc	Chủ tịch Công ty TNHH MTV Vàng bạc đá quý VietinBank

Chức vụ tại tổ chức niêm yết: Phó Tổng giám đốc

Chức vụ tại tổ chức khác: Chủ tịch Công ty TNHH MTV Vàng bạc đá quý VietinBank

Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại VietinBank của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và người có liên quan (tính đến thời điểm 16/11/2021), cụ thể như sau:

- Sở hữu cá nhân: 35.741 cổ phiếu, chiếm 0,000744% VDL.

- Đại diện sở hữu: Không có.

- Sở hữu của người có liên quan: (i) Lê Xuân Sơn (Bố ruột): 365 cổ phiếu, chiếm 0,000008% VDL, (ii) Lê Thanh Mai (Chị gái): 22.210 cổ phiếu, chiếm 0,000462% VDL.

Thù lao, các khoản lợi ích khác và lợi ích liên quan đối với VietinBank: theo quyết định của HĐQT và quy định của VietinBank; cổ tức được nhận theo tỷ lệ sở hữu cá nhân (nếu có).

Các khoản nợ đối với VietinBank: Không.

12.3.7. Ông Nguyễn Hải Hưng - Kế toán trưởng

Họ và tên: Nguyễn Hải Hưng

Ngày sinh: 13/12/1972

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: 034072005082, Ngày cấp 24/05/2017, Nơi cấp Cục Cảnh sát đăng ký, quản lý cư trú và dữ liệu quốc gia về dân cư

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ học vấn, năng lực chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

Kinh nghiệm công tác:

Thời gian công tác	Chức vụ đã và đang nắm giữ	
	Tại VietinBank	Tại các tổ chức khác
4/2007 – 5/2008	Phó Phòng Kế toán Thanh toán VND	-

Thời gian công tác	Chức vụ đã và đang nắm giữ	
	Tại VietinBank	Tại các tổ chức khác
6/2008 – 9/2009	Phó phụ trách Phòng Kế toán Thanh toán VND	-
10/2009 – 5/2011	Trưởng Phòng Kế toán Thanh toán VND	-
6/2011 - Nay	Kế toán trưởng	-

Chức vụ tại tổ chức niêm yết: Kế toán trưởng

Chức vụ tại tổ chức khác: Không có

Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại VietinBank của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và người có liên quan (tính đến thời điểm 16/11/2021), cụ thể như sau:

- Sở hữu cá nhân: 24.894 cổ phiếu, chiếm 0,000518% VDL.

- Đại diện sở hữu: Không có.

- Sở hữu của người có liên quan: Trần Thanh Phương (Vợ): 2.865 cổ phiếu, chiếm 0,00006% VDL.

Thù lao, các khoản lợi ích khác và lợi ích liên quan đối với VietinBank: theo quyết định của HĐQT và quy định của VietinBank; cổ tức được nhận theo tỷ lệ sở hữu cá nhân (nếu có).

Các khoản nợ đối với VietinBank: Không.

[Phần cuối của trang này được cố tình bỏ trống để chuyển tiếp sang nội dung trang tiếp theo của Bản Cáo Bạch]

13. Tài sản

Tình hình các tài sản lớn thuộc sở hữu của VietinBank (Hợp nhất)

TT	Tên tài sản (Đơn vị: tỷ đồng)	Tại 31/12/2019		% GTCL / Nguyên giá	Tại 31/12/2020		% GTCL / Nguyên giá	Tại 30/09/2021		% GTCL / Nguyên giá
		Nguyên giá	Giá trị còn lại		Nguyên giá	Giá trị còn lại		Nguyên giá	Giá trị còn lại	
I	TSCĐ hữu hình	14.818	6.422	43,3%	15.445	6.409	41,5%	15.509	5.986	38,6%
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	7.571	5.308	70,1%	7.925	5.402	68,2%	7.942	5.197	65,4%
2	Máy móc thiết bị	5.357	569	10,6%	5.541	511	9,2%	5.561	378	6,8%
3	Phương tiện vận tải	1.551	477	30,7%	1.627	447	27,5%	1.634	371	22,7%
4	TSCĐ hữu hình khác	338	69	20,41%	352	49	13,92%	372	40	10,8%
II	TSCĐ vô hình	6.302	4.575	72,6%	6.387	4.402	68,9%	6.454	4.265	66,1%
1	Quyền sử dụng đất	4.091	3.766	92,1%	4.043	3.669	90,8%	4.047	3.645	90,1%
2	TSCĐ vô hình khác	2.211	809	36,6%	2.344	732	31,2%	2.407	620	25,8%
	Tổng cộng	21.120	10.997	52,1%	21.832	10.811	49,5%	21.963	10.251	46,7%

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2019, 2020 được kiểm toán và BCTC hợp nhất Quý III năm 2021 của VietinBank)

Tình hình các tài sản lớn thuộc sở hữu của VietinBank (Công ty mẹ)

TT	Tên tài sản (Đơn vị: tỷ đồng)	Tại 31/12/2019		% GTCL / Nguyên giá	Tại 31/12/2020		% GTCL / Nguyên giá	Tại 30/09/2021		% GTCL / Nguyên giá
		Nguyên giá	Giá trị còn lại		Nguyên giá	Giá trị còn lại		Nguyên giá	Giá trị còn lại	
I	TSCĐ hữu hình	14.578	6.315	43,3%	15.089	6.201	41,1%	15.139	5.781	38,2%
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	7.521	5.273	70,1%	7.761	5.257	67,7%	7.766	5.050	65,0%
2	Máy móc thiết bị	5.256	534	10,2%	5.441	484	8,9%	5.474	360	6,6%
3	Phương tiện vận tải	1.466	440	30,0%	1.538	412	26,8%	1.545	337	21,8%
4	TSCĐ hữu hình khác	335	68	20,3%	349	48	13,8%	354	34	9,6%
II	TSCĐ vô hình	6.172	4.479	72,6%	6.259	4.314	68,9%	6.293	4.153	66,0%
1	Quyền sử dụng đất	4.004	3.684	92,0%	3.959	3.592	90,7%	3.959	3.565	90,0%
2	TSCĐ vô hình khác	2.168	795	36,7%	2.300	722	31,4%	2.334	588	25,2%
	Tổng cộng	20.750	10.794	52,0%	21.348	10.516	49,3%	21.432	9.934	46,4%

(Nguồn: BCTC riêng năm 2019, 2020 được kiểm toán và BCTC riêng Quý III năm 2021 của VietinBank)

14. Kế hoạch kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong năm tiếp theo

14.1. Các chỉ tiêu của Kế hoạch kinh doanh của VietinBank

ĐHĐCĐ VietinBank là cấp có thẩm quyền thông qua các chỉ tiêu Kế hoạch kinh doanh của VietinBank theo từng năm tài chính đối với Công ty mẹ. Cụ thể:

Chỉ tiêu Công ty mẹ	Năm 2020	Năm 2021		Năm 2022
		Kế hoạch dự kiến (*)	% tăng/giảm so với năm 2020	
Tổng doanh thu (tỷ đồng) (**)	94.956	99.056	4,32%	Tại thời điểm lập Bản Cáo Bạch này, Cấp có thẩm quyền của VietinBank chưa phê duyệt và thông qua các chỉ tiêu kế hoạch của năm 2022
LNST (tỷ đồng)	13.256	13.440	1,39%	
Vốn điều lệ (tỷ đồng)	37.234	48.058	29,07%	
Tỷ lệ LNST trên Tổng doanh thu (%)	13,96%	13,57%	-	
Tỷ lệ LNST trên VDL bình quân (%)	35,60%	31,52%	-4,09%	
Tỷ lệ chia lợi nhuận hoặc cổ tức	8% bằng tiền mặt	Tỷ lệ chi trả cổ tức và cơ cấu chi trả cổ tức (tiền mặt, cổ phiếu) thực hiện theo phê duyệt của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền và tuân thủ quy định của pháp luật.		

(Nguồn: Nghị quyết số 23/NQ-ĐHĐCĐ ngày 16/04/2021 của ĐHĐCĐ và Nghị quyết số 472/NQ-HĐQT-NHCT2.1 ngày 01/12/2021 của HĐQT VietinBank)

(*) Các chỉ tiêu kế hoạch nói trên có thể sẽ được điều chỉnh linh hoạt, phù hợp với tình hình thực tế của thị trường và được phê duyệt bởi Cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

(**) Bao gồm Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự, Thu nhập từ hoạt động dịch vụ, Thu nhập từ hoạt động kinh doanh ngoại hối, Thu nhập từ mua bán chứng khoán kinh doanh, Thu nhập từ mua bán chứng khoán đầu tư, Thu nhập từ hoạt động khác và Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần.

Ngoài các chỉ tiêu Kế hoạch kinh doanh nêu trên, theo Nghị quyết số 23/NQ-ĐHĐCĐ ngày 16/04/2021 của ĐHĐCĐ và Nghị quyết số 416/NQ-HĐQT-NHCT2.1 ngày 04/11/2021 của HĐQT, một số chỉ tiêu tài chính khác của năm 2021 được phê duyệt và công bố chính thức như sau:

Chỉ tiêu	Kế hoạch dự kiến năm 2021
Tổng tài sản	Tăng trưởng từ 6% - 10%
Dư nợ tín dụng	Theo phê duyệt của NHNN, tăng trưởng tối đa 9,5% (Mức tăng trưởng cụ thể theo điều hành chính sách tiền tệ, chỉ tiêu do NHNN giao và nhu cầu cần thiết của nền kinh tế)
Nguồn huy động từ tổ chức kinh tế và dân cư	Tăng trưởng 8%-12%, có điều chỉnh phù hợp với tốc độ tăng trưởng tín dụng, đảm bảo các tỷ lệ an toàn theo quy định của NHNN.
Tỷ lệ nợ xấu/dư nợ tín dụng	< 1,5%
LNTT riêng lẻ	là 16.800 tỷ đồng (tăng 2,14% so với năm 2020)
Các tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu (CAR), tỷ lệ khả năng chi trả, tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn được sử dụng cho vay trung dài hạn, tỷ lệ cho vay so với tổng tiền gửi và các tỷ lệ an toàn hoạt động khác	Tuân thủ theo quy định của NHNN.

14.2. Các căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức của VietinBank

Để bảo đảm đạt được các chỉ tiêu Kế hoạch kinh doanh năm 2021 đề ra, Ban Điều hành của VietinBank xác định một số giải pháp chủ đạo để triển khai HĐKD trong năm 2021 như sau:

Thứ nhất, tiếp tục tăng trưởng quy mô bền vững, nâng cao khả năng tiếp cận dịch vụ tài chính ngân hàng cho nền kinh tế, cải thiện môi trường kinh doanh:

- Chú trọng tăng trưởng bền vững, tiếp tục thúc đẩy tăng trưởng phân khúc SME và bán lẻ, ưu

- tiên tin dụng cho SXKD, tăng tỷ trọng các SPDV có lợi suất cao và rủi ro trong hạn mức;
- Nâng tầm hoạt động KHDN lớn, khách hàng FDI, chú trọng khách hàng có tổng hòa lợi ích cao, có tiềm năng bán chéo, bán thêm SPDV;
- Tiếp tục chuyển dịch cơ cấu tín dụng theo đồng tiền, tăng tỷ trọng dư nợ VND, chú trọng phát triển khách hàng mới song song với sàng lọc khách hàng hiện hữu
- Xây dựng bản đồ địa bàn/ngành nghề chiến lược; ưu tiên nguồn lực tại các địa bàn trọng điểm, đặt biệt là khu vực Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh. Phát huy mạnh mẽ vai trò Trung tâm Khách hàng phía Nam trong chiến lược phát triển kinh tế vùng của VietinBank.

Thứ hai, tăng tỷ trọng thu nhập phi tín dụng (trọng tâm là thu dịch vụ) trên tổng thu nhập. Cải thiện mạnh mẽ, toàn diện chất lượng SPDV, phát triển mạnh hoạt động ngân hàng thanh toán và đầu tư:

- Sử dụng chính sách giá, lãi suất linh hoạt để gia tăng thu dịch vụ, đặc biệt là nguồn thu từ các sản phẩm thẻ, tài trợ thương mại, Ngân hàng điện tử, bảo hiểm...
- Mở rộng cơ sở khách hàng có giao dịch với khu chế xuất/doanh nghiệp trong chuỗi giá trị của khách hàng FDI lớn, các khách hàng thanh toán quốc tế - tài trợ thương mại...
- Tập trung bán chéo, bán thêm SPDV đối với các nhóm khách hàng có tiềm năng sử dụng đa dạng SPDV ngân hàng.
- Đẩy bán các sản phẩm cấu trúc gắn với nền tảng dịch vụ thanh toán, gia tăng hiệu quả bán chéo, bán theo chuỗi liên kết, theo rõ sản phẩm.
- Đặc biệt chú trọng truyền thông, marketing đa kênh cho từng sản phẩm chủ lực, đồng nhất chất lượng dịch vụ và nhận diện thương hiệu VietinBank.
- Mở rộng quan hệ giao dịch với các định chế tài chính trong nước và quốc tế; tiếp tục giữ vững vị trí hàng đầu về doanh số giao dịch và lợi nhuận kinh doanh ngoại tệ.
- Mở rộng quy mô và khâu vị rủi ro, tăng sức cạnh tranh trên thị trường, đẩy mạnh các sản phẩm phái sinh lãi suất và phái sinh hàng hóa.

Thứ ba, tập trung nguồn lực thúc đẩy tăng trưởng nguồn vốn; đặc biệt chú trọng tăng trưởng các nguồn vốn có chi phí thấp:

- Linh hoạt trong điều hành quy mô nguồn vốn – sử dụng vốn đề theo sát và tối ưu hóa lộ trình đáp ứng các chỉ số an toàn thanh khoản theo quy định của NHNN.
- Tăng cường quản lý dòng tiền của khách hàng, thúc đẩy phát triển các kênh Ngân hàng Điện tử; đẩy mạnh các gói SPDV ưu đãi, thúc đẩy việc sử dụng tài khoản thanh toán mới.
- Tối ưu hóa hệ thống, nền tảng thanh toán và hệ SPDV thanh toán hiện đại; phát triển hệ sinh thái thanh toán đa tiện ích...

Thứ tư, đẩy mạnh công tác xử lý nợ xấu nâng cao chất lượng tài sản, tập trung nguồn lực với nỗ lực cao nhất, áp dụng toàn diện và linh hoạt các cơ chế chính sách hiện có để đẩy nhanh tiến độ thu hồi nợ xấu, nợ xử lý rủi ro.

Thứ năm, nâng cao hiệu quả quản trị rủi ro bảo đảm sự tuân thủ, an toàn trong hoạt động, phát triển kinh doanh gắn liền với kiểm soát chặt chẽ chất lượng tín dụng:

- Thực hiện nghiêm túc các quy định, chấp hành kỷ cương pháp luật và chỉ đạo của NHNN. Chấn chỉnh nghiêm túc việc chấp hành quy định, quy trình nghiệp vụ; cá thể hóa trách nhiệm, đặc biệt coi trọng đạo đức cán bộ.
- Tiếp tục cải tiến mạnh mẽ các quy trình, hồ sơ, thủ tục nhằm tạo điều kiện thuận lợi nhất cho doanh nghiệp và người dân trong việc tiếp cận dịch vụ ngân hàng, đồng thời đảm bảo chặt chẽ, an toàn.

- Tuân thủ nghiêm túc hạn mức rủi ro được phê duyệt, thường xuyên đánh giá, nhận diện các khách hàng, ngành hàng tiềm ẩn rủi ro để kịp thời đưa ra các biện pháp xử lý phù hợp.
- Nâng cao chất lượng công tác phối hợp giữa đơn vị kinh doanh, phê duyệt tín dụng, kiểm soát rủi ro, không để phát sinh nợ nhóm 2, nợ xấu.
- Tăng cường thực chất về công tác kiểm tra kiểm soát nội bộ, nâng cao năng lực, hiệu lực, hiệu quả của bộ máy kiểm tra kiểm soát nội bộ.

Thứ sáu, quản trị chi phí hiệu quả, tiếp tục kiểm soát tốc độ tăng của chi phí thấp hơn tốc độ tăng thu nhập; kiểm soát tỷ lệ chi phí trên thu nhập (CIR), tiếp tục nâng cao NSLĐ:

- Đẩy mạnh ứng dụng CNTT, nâng cao tỷ lệ tự động hóa, nâng cao chất lượng nhân sự, cải cách thủ tục, quy trình, hồ sơ, giảm thời gian tác nghiệp, ưu tiên nguồn lực chăm sóc khách hàng.
- Toàn hệ thống triển khai tiết kiệm, sử dụng chi phí thiết thực, đảm bảo chi phí được sử dụng đúng mục đích, mang lại hiệu quả cao nhất.

Thứ bảy, tiếp tục thực hiện đồng bộ các giải pháp tăng vốn khác nhằm cải thiện, nâng cao năng lực tài chính:

- Bám sát phương án tăng vốn đang trình các cơ quan thẩm quyền xem xét phê duyệt.
- Áp dụng tỷ lệ an toàn vốn theo chuẩn Basel II (Thông tư 41) kể từ ngày 01/01/2021.
- Tiếp tục chủ động điều tiết tốc độ tăng trưởng tín dụng hợp lý, phát hành trái phiếu thứ cấp, thoái vốn một số công ty con, tối ưu hóa danh mục tài sản có rủi ro.
- Kiểm soát quy mô tài sản có rủi ro, triển khai cơ chế định giá trên cơ sở rủi ro và đánh giá hiệu quả trên cơ sở rủi ro.

Thứ tám, kiện toàn mô hình tổ chức, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, chú trọng truyền thông, nâng cao ý thức áp dụng các giá trị văn hóa doanh nghiệp VietinBank:

- Tiếp tục kiện toàn mô hình hoạt động, tinh gọn bộ máy đáp ứng HDKD.
- Thực hiện hiệu quả các công cụ, chính sách nhân sự, tăng cường nhân sự cho đơn vị trực tiếp kinh doanh, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và NSLĐ.
- Ứng dụng triệt để 05 giá trị cốt lõi trong văn hóa doanh nghiệp VietinBank, xây dựng và nêu cao tinh thần sáng tạo, đổi mới không ngừng.

Thứ chín, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ, số hóa trong mọi hoạt động:

- Phát triển các giải pháp thanh toán không dùng tiền mặt theo chủ trương của Chính phủ, NHNN.
- Tăng cường ứng dụng các công nghệ mới đảm bảo an toàn bảo mật và gia tăng tiện ích cho khách hàng.
- Đảm bảo cơ sở hạ tầng kỹ thuật, an toàn an ninh hệ thống phục vụ cho công tác chuyển đổi số tại VietinBank.

Tính đến 30/9/2021, tổng doanh thu và LNST của VietinBank (Công ty mẹ) đạt lần lượt là 72.588 tỷ đồng và 11.049 tỷ đồng, tương ứng với tỷ lệ hoàn thành kế hoạch tổng doanh thu và LNST lần lượt là 73,28% và 82,21%. Với các kết quả kinh doanh tích cực và tăng trưởng trong 9 tháng đầu năm 2021 và bằng các giải pháp đồng bộ nêu trên, VietinBank có thể bảo đảm hoàn thành đầy đủ các mục tiêu và kế hoạch kinh doanh đã đề ra.

14.3. Kế hoạch tăng vốn điều lệ

Căn cứ Quyết định số 765/QĐ-TTg ngày 22/05/2021 của Thủ tướng Chính phủ và Công văn số 3829/NHNN-TTGSNNH ngày 28/05/2021 của NHNN v/v phê duyệt phương án đầu tư bổ sung vốn

Nhà nước tại VietinBank, ngày 08/07/2021, VietinBank đã hoàn thành đợt phát hành cổ phiếu (chỉ trả cổ tức từ lợi nhuận còn lại của các năm 2017, 2018 và 2019) để tăng VDL từ 37.234.045.560.000 đồng lên 48.057.506.090.000 đồng, tạo tiền đề giúp VietinBank nâng cao năng lực tài chính trong các năm tiếp theo.

15. Đánh giá của Tổ Chức Tư Vấn về kế hoạch lợi nhuận, cổ tức

Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức của VietinBank được đưa ra trên cơ sở các dự báo về kinh tế vĩ mô, ngành ngân hàng nói chung và các dự báo về rủi ro tiềm ẩn, cũng như thực trạng và triển vọng kinh doanh của VietinBank nói riêng. Trên cơ sở các kết quả tích cực đã đạt được, HĐKD có lãi trong nhiều năm qua, cũng như tình hình tài chính khả quan hiện nay của VietinBank, Tổ Chức Tư Vấn nhận thấy khả năng đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm 2021 của VietinBank là có tính khả thi, nếu không gặp phải những rủi ro bất khả kháng và phát sinh các biến động lớn có thể gây ảnh hưởng bất lợi đến tình hình kinh tế vĩ mô, chu kỳ tăng trưởng và HĐKD của ngành ngân hàng.

Với những thông tin đã thu thập được và sau khi nghiên cứu, phân tích, đánh giá một cách cẩn trọng và hợp lý về thực trạng HĐKD của VietinBank – một Ngân hàng có vị thế và uy tín hàng đầu tại Việt Nam, Tổ Chức Tư Vấn cho rằng các chiến lược kinh doanh, kế hoạch lợi nhuận và cổ tức của VietinBank có thể thực hiện được và có tính khả thi, ngoại trừ trường hợp xuất hiện những biến động bất lợi, bất thường và bất khả kháng làm ảnh hưởng tới kết quả và hiệu quả HĐKD của Ngân hàng.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét của chúng tôi được đưa ra dưới góc độ của một tổ chức tư vấn tài chính doanh nghiệp, căn cứ vào các thông tin chúng tôi đã thu thập và cách tính toán trên lý thuyết về lĩnh vực tài chính. Những nhận xét đánh giá của chúng tôi không hàm ý đảm bảo giá trị của chứng khoán, cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo của Ngân hàng. Do vậy, các đánh giá và nhận xét này chỉ mang tính tham khảo, các nhà đầu tư tiềm năng cần tự mình cân nhắc một cách cẩn trọng trước khi có quyết định đầu tư vào trái phiếu của VietinBank.

Đánh giá về khả năng trả nợ gốc và lãi của Trái Phiếu

Theo Phương án phát hành Trái Phiếu, kế hoạch nguồn trả nợ của VietinBank như sau:

- *Nguồn trả nợ lãi Trái Phiếu:* là dòng tiền lãi thu được từ các ngành nghề, lĩnh vực mà Vietinbank dự kiến giải ngân/cho vay bằng nguồn vốn thu được từ phát hành Trái Phiếu và các nguồn thu hợp pháp khác sau khi trừ đi các nghĩa vụ thuế phải nộp Nhà nước và chi phí hoạt động, với điều kiện việc thanh toán không dẫn đến kết quả kinh doanh hàng năm của VietinBank bị lỗ.
- *Nguồn trả nợ gốc Trái Phiếu:* VietinBank sẽ sử dụng nguồn tiền huy động vốn từ nền kinh tế, lợi nhuận kinh doanh và dòng tiền thu nợ từ các khoản giải ngân.

Trên cơ sở các kết quả kinh doanh tích cực, HĐKD liên tục có lãi qua các năm, cùng với thương hiệu uy tín và tiềm lực tài chính mạnh của VietinBank, Tổ Chức Tư Vấn đánh giá khả năng trả nợ gốc và lãi Trái Phiếu của VietinBank là có tính khả thi, ngoại trừ trường hợp xuất hiện những biến động bất lợi, bất thường và bất khả kháng làm ảnh hưởng tới kết quả và hiệu quả HĐKD của VietinBank.

16. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của VietinBank

Không có.

17. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới VietinBank có thể ảnh hưởng đến giá trái phiếu niêm yết (nếu có)

Không có.

V. TRÁI PHIẾU NIÊM YẾT

1. Loại trái phiếu

Trái Phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có tài sản bảo đảm và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của VietinBank theo các quy định hiện hành.
(Theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng số 209/GCN-UBCK ngày 01/10/2021 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp)

2. Mã trái phiếu

CTG121030

3. Số lượng trái phiếu phát hành

30.207.100 (Ba mươi triệu hai trăm lẻ bảy nghìn một trăm) Trái Phiếu

4. Tổng giá trị theo mệnh giá

3.020.710.000.000 (Ba nghìn không trăm hai mươi tỷ bảy trăm mười triệu) Đồng

5. Ngày phát hành

18/11/2021 (“Ngày Phát Hành”)

6. Ngày đáo hạn

18/11/2029 (“Ngày Đáo Hạn”)

7. Thời hạn trái phiếu

8 (tám) năm kể từ Ngày Phát Hành.

8. Mệnh giá

100.000 VND (Một trăm nghìn Đồng)/ 1 (một) Trái Phiếu.

9. Mục đích phát hành trái phiếu

Mục đích phát hành/chào bán Trái Phiếu ra công chúng năm 2021 của VietinBank là để tăng quy mô vốn hoạt động, thực hiện cho vay nền kinh tế (bao gồm các khoản cho vay được giải ngân trước và sau thời điểm phát hành Trái Phiếu), tăng vốn cấp 2 và đảm bảo các tỷ lệ an toàn hoạt động theo quy định của NHNN.

10. Nguồn Thanh Toán Trái Phiếu:

- **Thanh toán lãi Trái Phiếu:** Tiền lãi Trái Phiếu được trả định kỳ một (01) năm một lần vào Ngày Thanh Toán Lãi Trái Phiếu (là mỗi ngày tròn năm kể từ ngày phát hành Trái Phiếu trong thời hạn Trái Phiếu). VietinBank dự kiến sử dụng dòng tiền lãi thu được từ các ngành nghề, lĩnh vực mà VietinBank dự kiến giải ngân/cho vay bằng nguồn vốn phát hành Trái Phiếu và các nguồn thu hợp pháp khác sau khi trừ đi các nghĩa vụ thuế phải nộp Nhà nước và chi phí hoạt động sẽ được sử dụng để thanh toán lãi Trái Phiếu cho các nhà đầu tư, với điều kiện việc thanh toán không dẫn đến kết quả kinh doanh hàng năm của VietinBank bị lỗ.
- **Thanh toán gốc Trái Phiếu:** Tiền gốc Trái Phiếu sẽ được hoàn trả bằng 100% mệnh giá Trái Phiếu vào Ngày Đáo Hạn Trái Phiếu. Tùy tình hình thị trường thực tế, VietinBank dự kiến sẽ sử dụng nguồn tiền (i) huy động vốn từ nền kinh tế; (ii) lợi nhuận kinh doanh của VietinBank và (iii) dòng tiền thu nợ từ các khoản giải ngân để thanh toán gốc Trái Phiếu tại thời điểm Trái Phiếu đáo hạn hoặc mua lại trước hạn Trái Phiếu.

11. Tổng Số Trái Phiếu Niêm Yết

30.207.100 (Ba mươi triệu hai trăm linh bảy nghìn một trăm) Trái Phiếu (chiếm 100% tổng số Trái Phiếu đã phát hành).

12. Lãi suất

Lãi suất của các Trái Phiếu (“Lãi Suất Trái Phiếu”) là lãi suất thả nổi (lãi suất có điều chỉnh theo định kỳ), áp dụng cho toàn bộ thời hạn của Trái Phiếu, tính theo tỷ lệ phần trăm trên năm

(%/năm) và được xác định theo công thức như sau:

$$\text{Lãi Suất Trái Phiếu CTG121030} = \text{Lãi Suất Tham Chiếu} + 0,9\%/năm.$$

Trong đó:

“**Lãi Suất Tham Chiếu**”: là lãi suất tính theo tỷ lệ phần trăm trên năm (%/năm), dùng để xác định lãi suất Trái Phiếu vào mỗi Kỳ Tính Lãi hoặc mỗi Kỳ Thanh Toán Lãi. Lãi Suất Tham Chiếu là bình quân lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng Đồng Việt Nam, trả sau, kỳ hạn 12 tháng (hoặc mức lãi suất của kỳ hạn tương đương) được công bố tại Ngày Xác Định Lãi Suất trên Trang thông tin điện tử chính thức của Ngân Hàng Tham Chiếu.

“**Ngày Xác Định Lãi Suất**” là Ngày Phát Hành Trái Phiếu đối với Kỳ Tính Lãi đầu tiên và Ngày Làm Việc thứ 7 (bảy) trước Ngày Bắt Đầu Tính Lãi đối với các Kỳ Tính Lãi tiếp theo.

13. Kỳ Trả Lãi

Tiền lãi Trái Phiếu được trả định kỳ một (01) năm một lần vào Ngày Thanh Toán Lãi Trái Phiếu cho đến Ngày Đáo Hạn hoặc ngày Trái Phiếu được mua lại trước hạn hoặc mua lại bắt buộc.

14. Số lượng trái phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của Tổ Chức Niêm Yết

Tổng số lượng Trái Phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của Tổ Chức Niêm Yết là 20.770.200 (Hai mươi triệu bảy trăm bảy mươi nghìn hai trăm) Trái Phiếu, do một số Người Sở Hữu Trái Phiếu đã thực hiện cầm cố Trái Phiếu để vay vốn tại VietinBank (thời gian hạn chế chuyển nhượng kể từ ngày phát hành Trái Phiếu cho đến khi mỗi Người Sở Hữu Trái Phiếu hoàn thành các nghĩa vụ trả nợ cho VietinBank và hoàn tất thủ tục giải tỏa Trái Phiếu theo các quy định tại hợp đồng vay cầm cố Trái Phiếu ký với VietinBank).

15. Xếp hạng tín nhiệm

Không có.

16. Phương pháp tính giá

Giá của Trái Phiếu là giá trị hiện tại của những dòng tiền trong tương lai dự tính thu được từ Trái Phiếu, được chiết khấu về thời điểm hiện tại với tỷ lệ lợi tức yêu cầu thích hợp của mỗi Nhà Đầu Tư.

Công thức tổng quát tính giá Trái phiếu trả lãi theo định kỳ như sau:

$$PV = \sum_{i=1}^n \frac{CF_i}{(1+k)^i} + \frac{FV}{(1+k)^n}$$

Trong đó:

PV: là Giá của Trái Phiếu

FV: là Mệnh giá (gốc) của Trái Phiếu

CF_i: là lãi của Trái Phiếu nhận kỳ trả lãi thứ i

n: là số kỳ trả lãi còn lại của Trái Phiếu

k: là mức sinh lời kỳ vọng đối với lợi suất Trái Phiếu

Việc xác định giá trái phiếu có thể khác nhau giữa các Nhà Đầu Tư do lợi suất yêu cầu khác nhau, áp dụng các thông lệ thị trường (market convention) khác nhau trong tính toán và khả năng tiếp cận các thông tin thị trường khác nhau. Để tính giá trái phiếu, Nhà Đầu Tư có thể tham khảo các bước tính toán như sau:

1. Xác định ngày thanh toán thực tế (ở Việt Nam là ngày t+1 so với ngày giao dịch);
2. Xác định số kỳ hưởng lãi coupon còn lại và các ngày nhận lãi coupon;
3. Xác định các kỳ hưởng lãi coupon theo lãi suất thả nổi và dự phóng theo mô hình phù hợp;
4. Xác định mức lợi suất yêu cầu phù hợp (căn cứ lợi suất giao dịch thứ cấp/sơ cấp của tài sản có tính chất tương tự có thời gian đáo hạn tương tự hoặc trên cơ sở dự báo biến động của đường cong lợi suất);

5. Lựa chọn phương thức tính ngày (Day-count Convention) phù hợp theo thông lệ thị trường và loại tài sản (ví dụ: Actual/Actual ICMA, Actual/Actual ISDA, Actual/365 Fixed, Actual/360, Actual/364, Actual/365L, Actual/Actual AFB, 30/360...).

6. Áp dụng công thức nêu trên để tính giá trái phiếu.

Ví dụ minh họa:

Một Trái Phiếu có các đặc tính như sau:

- Mệnh giá Trái phiếu: 100.000 đồng/Trái Phiếu
- Ngày phát hành: 18/11/2021
- Ngày đáo hạn: 18/11/2029
- Lãi suất Trái Phiếu: Bằng tổng Lãi Suất Tham Chiếu và 0,9%/năm

Trong đó: Lãi Suất Tham Chiếu: dùng để xác định lãi suất cho mỗi Kỳ Tính Lãi là bình quân lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng đồng Việt Nam, trả sau, kỳ hạn 12 tháng (hoặc mức lãi suất của kỳ hạn tương đương) được công bố tại Ngày Xác Định Lãi Suất trên trang thông tin điện tử chính thức của bốn (04) ngân hàng thương mại Việt Nam bao gồm: Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam.

- Kỳ trả lãi: 01 năm/lần
- Ngày định giá (ngày niêm yết dự kiến): 31/12/2021
- Số kỳ hưởng lãi và ngày nhận lãi còn lại: 08 kỳ
- Lãi coupon chưa xác định: Dự báo trong giai đoạn tới chưa có nhiều biến động; Giá sử lãi suất áp dụng cho các kỳ tính lãi là 6,9%.
- Lợi suất yêu cầu hay Lãi suất chiết khấu (k): Bằng tổng của 0,9% và bình quân lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng đồng Việt Nam, trả sau, kỳ hạn 12 tháng (hoặc mức lãi suất của kỳ hạn tương đương) được công bố tại Ngày định giá trên trang thông tin điện tử chính thức của bốn (04) ngân hàng thương mại Việt Nam bao gồm: Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam.
- Cơ sở tính ngày (day count convention): Actual/365
- Lãi suất tham chiếu giả định tại ngày niêm yết: 6%/năm
- Với các đặc điểm và giả định nêu trên, giá sử tại ngày niêm yết dự kiến là 31/12/2021, giá của Trái Phiếu là:

Kỳ	1	2	3	4	5	6	7	8
	18/11/2022	18/11/2023	18/11/2024	18/11/2025	18/11/2026	18/11/2027	18/11/2028	18/11/2029
Lãi suất coupon	6,90%	6,90%	6,90%	6,90%	6,90%	6,90%	6,90%	6,90%
Dòng tiền lãi $CF(i) = CPN \times \text{số ngày thực tế của kỳ tính lãi}/365$	6.900	6.900	6.919	6.900	6.900	6.900	6.919	6.900
Gốc trái phiếu	-	-	-	-	-	-	-	100.000
Số ngày nắm giữ	322	687	1.053	1.418	1.783	2.148	2.514	2.879
Lãi suất chiết khấu	6,70%	6,70%	6,70%	6,70%	6,70%	6,70%	6,70%	6,70%

$$PV = \frac{6.900}{(1 + 6,7\%)^{322/365}} + \frac{6.900}{(1 + 6,7\%)^{687/365}} + \frac{6.919}{(1 + 6,7\%)^{1.053/365}} + \frac{6.900}{(1 + 6,7\%)^{1.418/365}} + \frac{6.900}{(1 + 6,7\%)^{1.783/365}} + \frac{6.900}{(1 + 6,7\%)^{2.148/365}} + \frac{6.919}{(1 + 6,7\%)^{2.514/365}} + \frac{106.900}{(1 + 6,7\%)^{2.879/365}}$$

$$PV = 6.516 + 6.107 + 5.738 + 5.363 + 5.027 + 4.711 + 4.426 + 64.095 = 101.984 \text{ VND}$$

17. Tính lợi suất đáo hạn

Lợi suất đáo hạn - YTM (Yield To Maturity) là đại lượng đo lường lợi suất (tỷ suất lợi nhuận) mà nhà đầu tư nhận được từ trái phiếu từ khi mua và nắm giữ trái phiếu đến khi đáo hạn. Nói cách khác, YTM là mức lãi suất làm cho giá trị hiện tại của các dòng tiền mà nhà đầu tư nhận được từ trái phiếu bằng với giá trị đầu tư ban đầu (giá mua/giá trị thị trường của Trái Phiếu). Để xác định YTM, nhà đầu tư có thể áp dụng công thức tương tự công thức định giá Trái Phiếu được trình bày tại mục trên đây.

$$PV = \sum_{i=1}^n \frac{CF_i}{(1+k)^i} + \frac{FV}{(1+k)^n}$$

Ví dụ minh họa:

Một Trái Phiếu có các đặc tính như sau:

- Mệnh giá Trái phiếu: 100.000 đồng/Trái Phiếu
- Ngày phát hành: 18/11/2021
- Ngày đáo hạn: 18/11/2029
- Lãi suất Trái Phiếu giả định: 10%/năm
- Kỳ trả lãi: 01 năm/lần
- Ngày giao dịch dự kiến: 31/12/2021
- Giá giao dịch dự kiến: 103.000 đồng/Trái Phiếu.

Với các đặc điểm trên, nếu nhà đầu tư giao dịch với giá 103.000 đồng/Trái Phiếu và nắm giữ tới ngày đáo hạn thì Lợi suất Trái Phiếu khi đáo hạn sẽ được tính như sau:

Ngày trả lãi	18/11/2022	18/11/2023	18/11/2024	18/11/2025	18/11/2026	18/11/2027	18/11/2028	18/11/2029
Kỳ trả lãi	1	2	3	4	5	6	7	8
Lãi suất (%/năm)	10%	10%	10%	10%	10%	10%	10%	10%
Dòng tiền trả lãi CF _i	10.000	10.000	10.027	10.000	10.000	10.000	10.027	10.000
Dòng tiền gốc TP	-	-	-	-	-	-	-	100.000
Số ngày tính đến ngày trả lãi	322	687	1.053	1.418	1.783	2.148	2.514	2.879

$$103.000 = \frac{10.000}{(1+k)^{322/365}} + \frac{10.000}{(1+k)^{687/365}} + \frac{10.027}{(1+k)^{1.053/365}} + \frac{10.000}{(1+k)^{1.418/365}} + \frac{10.000}{(1+k)^{1.783/365}} + \frac{10.000}{(1+k)^{2.148/365}} + \frac{10.027}{(1+k)^{2.514/365}} + \frac{110.000}{(1+k)^{2.879/365}}$$

Áp dụng phương pháp nội suy: $k = 9,6\%$. Do đó $YTM = 9,6\%$.

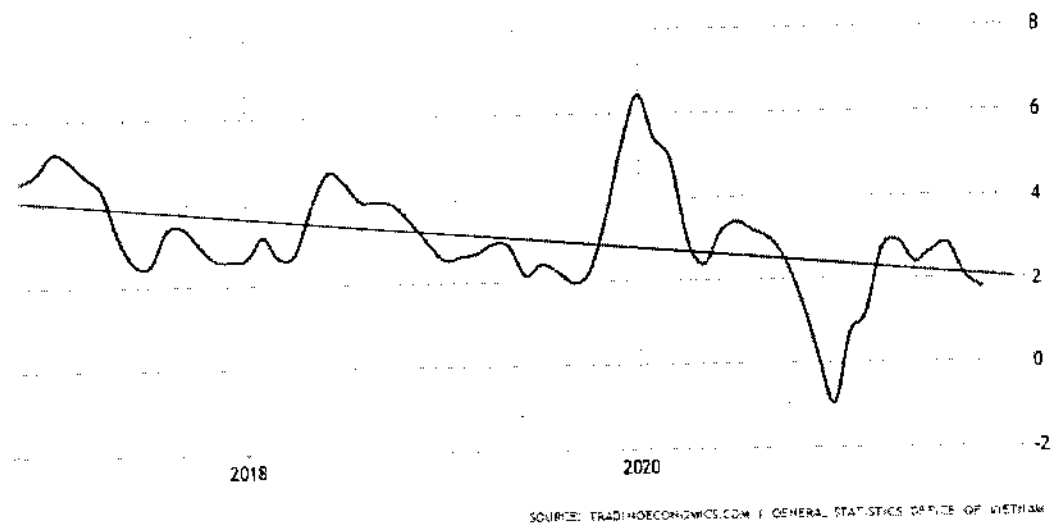
18. Phương pháp thực hiện quyền

Không có, vì Trái Phiếu đăng ký niêm yết là loại trái phiếu không chuyển đổi.

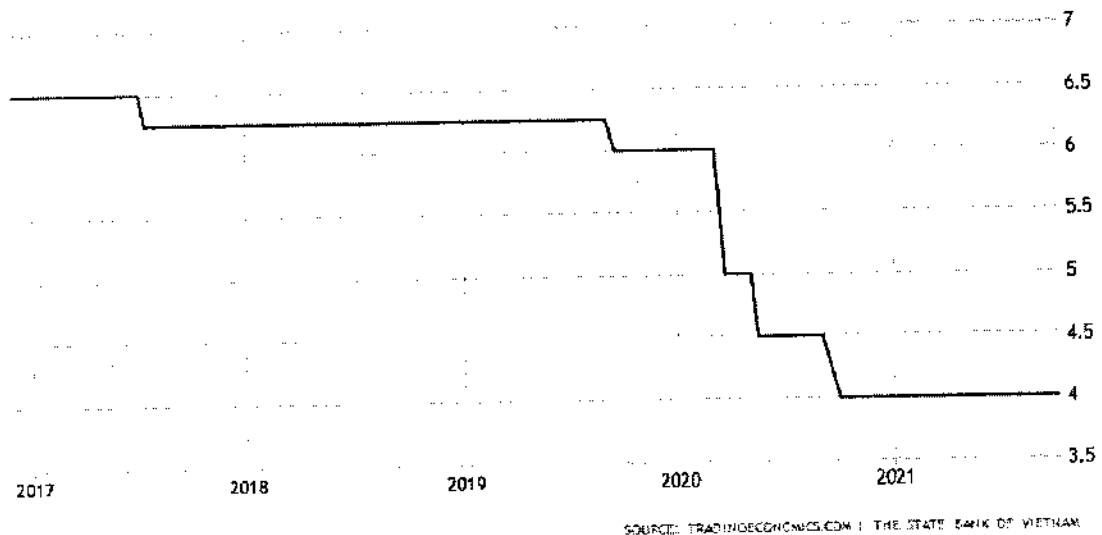
19. Đánh giá tác động của tình hình lạm phát đối với trái phiếu niêm yết

Lạm phát được xác định là một trong những chỉ tiêu quan trọng trong điều hành kinh tế vĩ mô ở Việt Nam từ trước tới nay. Trong những năm qua, Chính phủ đã ban hành nhiều chính sách, biện pháp quyết liệt để kiềm chế lạm phát và nhằm ổn định kinh tế vĩ mô. Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân đã giảm từ 18,58% năm 2011 xuống ổn định ở mức khoảng 4% giai đoạn 2017-2021, cụ thể: lạm phát cơ bản giảm từ 13,6% năm 2011 xuống khoảng 2,5% năm 2020. Tính chung 9 tháng đầu năm 2021, CPI bình quân tăng 1,82% so với cùng kỳ năm 2020, lạm phát cơ bản 9 tháng đầu năm 2021 tăng 0,88% so với cùng kỳ năm 2020, duy trì mục tiêu của Chính phủ đặt ra là dưới 4%.

Diễn biến lạm phát giai đoạn 2017 - 2021



Diễn biến lãi suất giai đoạn 2017 - 2021



(Nguồn: Tradingeconomics.com)

Giá trị Trái Phiếu được tính toán dựa trên cơ sở chiết khấu (các) dòng tiền phát sinh trong tương lai về thời điểm hiện tại, do đó chịu tác động trực tiếp bởi lãi suất thị trường hay còn gọi là rủi ro lãi suất. Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị Trái Phiếu sẽ giảm khi lãi suất thị trường tăng, và ngược lại. Khi tỷ lệ lạm phát gia tăng, lãi suất thị trường sẽ có xu hướng tăng tương ứng, khiến cho nhà đầu tư đòi hỏi mức sinh lời từ Trái Phiếu cao hơn, làm tăng lãi suất chiết khấu, do đó làm giảm giá trị hiện tại của Trái Phiếu. Ngược lại, nếu tỷ lệ lạm phát giảm kéo theo lãi suất thị

trường giảm làm giảm chi phí đi vay của doanh nghiệp, tăng khả năng thanh toán nợ và trực tiếp làm tăng giá trị Trái Phiếu. Có thể kết luận rằng, tỷ lệ lạm phát và lãi suất thị trường có mối quan hệ ngược chiều với giá của Trái Phiếu. Trong trường hợp diễn biến kinh tế vĩ mô trong thời hạn Trái Phiếu không có biến động bất thường, Trái Phiếu niêm yết dự kiến sẽ không chịu ảnh hưởng quá lớn đến từ tình hình lạm phát và lãi suất do một số các nguyên nhân sau đây:

- Trái Phiếu được bán bằng mệnh giá và có mức biên độ cố định và kỳ xác định lãi suất 1 năm/lần sẽ giúp Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết giảm thiểu những rủi ro bởi việc tăng giảm lãi suất thị trường.
- Ngoài ra, xét về tình hình kinh tế vĩ mô, Việt Nam đang trong quá trình phục hồi sau khủng hoảng, luôn đưa ra mục tiêu kiềm chế lạm phát qua các năm, do đó rủi ro của lạm phát tăng trưởng cao trong các năm tới dự kiến sẽ không nằm ở mức cao.

20. Cam kết về tỷ lệ đảm bảo

Không có, vì Trái Phiếu đăng ký niêm yết là loại trái phiếu không có tài sản bảo đảm.

21. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài

Đối với loại Trái Phiếu do VietinBank đã phát hành và đăng ký niêm yết, hiện tại không có quy định về giới hạn tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài. Tuy nhiên, tùy thuộc vào tình hình thị trường, điều kiện kinh tế xã hội của Việt Nam trong tương lai, NHNN hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền khác có thể ban hành quy định về giới hạn tỷ lệ sở hữu trái phiếu đối với tổ chức, cá nhân nước ngoài, và khi đó có thể ảnh hưởng tới việc chuyển nhượng Trái Phiếu từ nhà đầu tư trong nước cho nhà đầu tư nước ngoài.

22. Các loại thuế có liên quan

Những nội dung tóm tắt dưới đây không phải là những phân tích có tính toàn diện về các điểm cần lưu ý về thuế có thể ảnh hưởng tới quyết định mua, sở hữu hoặc bán Trái Phiếu và không nhằm mục đích giải quyết các vấn đề về thuế đối với tất cả các nhà đầu tư. Một số nhà đầu tư phải tuân theo các quy định riêng. Vì vậy, các nhà đầu tư và người mua Trái Phiếu nên tham khảo ý kiến của các chuyên gia thuế về các loại thuế có liên quan đến việc sở hữu và Chuyển Quyền Sở Hữu Trái Phiếu áp dụng riêng đối với từng trường hợp cụ thể.

(i) Thuế Thu Nhập Cá Nhân

- **Đối với thu nhập nhận được từ lãi trái phiếu do các tổ chức trong nước phát hành:**

Căn cứ Thông tư 111/2013/TT-BTC ngày 15/08/2013 của Bộ Tài chính về hướng dẫn thực hiện Luật Thuế thu nhập cá nhân được sửa đổi bổ sung tại Thông tư 92/2015/TT-BTC ngày 15/06/2015, thu nhập từ lãi trái phiếu là thu nhập từ đầu tư vốn, nhà đầu tư cá nhân nắm giữ sẽ chịu mức thuế suất 5% (năm phần trăm) trên số tiền lãi nhận được, áp dụng đối với cả cá nhân cư trú tại Việt Nam và cá nhân không cư trú tại Việt Nam.

- **Đối với thu nhập từ chuyển nhượng trái phiếu:**

Căn cứ Khoản 9 và 10, Điều 2, Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/2/2015 của Chính phủ về sửa đổi bổ sung một số điều của Luật về thuế và sửa đổi bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế, thu nhập từ chuyển nhượng trái phiếu là thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán chịu mức thuế suất 0,1% trên giá bán chứng khoán từng lần áp dụng đối với cả cá nhân cư trú tại Việt Nam và cá nhân không cư trú tại Việt Nam.

- **Đối với thu nhập từ nhận thừa kế, cho tặng trái phiếu:**

Căn cứ Điều 16 và Điều 23 văn bản hợp nhất số 05/VBHN-BC ngày 14/03/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân và Nghị định số 65/2013/NĐ-CP ngày 27/06/2013, Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính phủ và các Nghị định khác, thu nhập từ nhận thừa kế, cho tặng trái phiếu chịu mức thuế suất 10% thu nhập tính thuế áp dụng đối với cả cá nhân cư trú tại Việt Nam và cá nhân không cư trú tại Việt Nam.

(ii) Thuế Thu Nhập Doanh Nghiệp

- Đối với nhà đầu tư là doanh nghiệp Việt Nam (gồm các doanh nghiệp và tổ chức kinh doanh được thành lập và hoạt động tại Việt Nam), thì theo quy định tại Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/06/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ quy định và hướng dẫn thi hành Luật thuế thu nhập doanh nghiệp, Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/06/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế thu nhập doanh nghiệp tại Nghị định 12/2015/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 78/2014/TT-BTC, Thông tư 119/2014/TT-BTC, Thông tư 151/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính, Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật thuế thu nhập doanh nghiệp, thu nhập từ lãi trái phiếu và thu nhập từ chuyển nhượng trái phiếu được coi là thu nhập chịu thuế khác của doanh nghiệp và được cộng gộp với thu nhập chịu thuế từ hoạt động SXKD của doanh nghiệp để xác định thuế thu nhập doanh nghiệp chung cho doanh nghiệp theo mức thuế suất cụ thể được áp dụng cho doanh nghiệp đó.
- Đối với nhà đầu tư là doanh nghiệp nước ngoài (gồm các doanh nghiệp và tổ chức được thành lập theo pháp luật nước ngoài, còn được gọi là nhà thầu nước ngoài hay nhà thầu phụ nước ngoài) thì theo quy định tại Thông tư số 103/2014/TT-BTC ngày 06/08/2014 của Bộ Tài chính:
 - (i) Doanh nghiệp nước ngoài có thu nhập từ lãi trái phiếu sẽ phải chịu thuế thu nhập doanh nghiệp với mức thuế suất 5% trên lãi nhận được.
 - (ii) Thu nhập từ chuyển nhượng trái phiếu của doanh nghiệp nước ngoài sẽ phải chịu mức thuế suất 0,1% trên tổng giá trị trái phiếu chuyển nhượng.

(iii) Thuế Giá Trị Gia Tăng

Hiện tại, lãi trái phiếu và thu nhập từ chuyển nhượng trái phiếu không thuộc đối tượng chịu thuế giá trị gia tăng. Trong trường hợp thuế giá trị gia tăng được áp dụng đối với việc chuyển nhượng trái phiếu theo luật Việt Nam sau Ngày Phát Hành, Người Sở Hữu Trái Phiếu có nghĩa vụ phải nộp thuế giá trị gia tăng theo quy định của pháp luật.

(iv) Khấu trừ Thuế

Các khoản thanh toán liên quan đến Trái Phiếu sẽ được Tổ Chức Phát Hành thanh toán cho Người Sở Hữu Trái Phiếu sau khi đã khấu trừ bất kỳ loại thuế, phí, lệ phí nào (“Thuế”) theo quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam.

Việc khấu trừ Thuế liên quan đến giao dịch Chuyển Quyền Sở Hữu Trái Phiếu của Người Sở Hữu Trái Phiếu sẽ theo quy định của VSD (sau khi Trái Phiếu đã được đăng ký và niêm yết) và/hoặc theo quy của pháp luật Việt Nam.

[Phần cuối của trang này được cố tình bỏ trống để chuyển tiếp sang nội dung trang tiếp theo của Bản Cáo Bạch]

VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT NIÊM YẾT TRÁI PHIẾU

1. Tổ Chức Tư Vấn Niêm Yết Trái Phiếu

Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT

Trụ sở chính: Số 1 Nguyễn Thượng Hiền, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Điện thoại: 024. 3972 4568 Fax: 024. 3972 4600

2. Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu

Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT

Trụ sở chính: Số 1 Nguyễn Thượng Hiền, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Điện thoại: 024. 3972 4568 Fax: 024. 3972 4600

3. Tổ Chức Kiểm Toán Báo Cáo Tài Chính

Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam

Trụ sở chính: Tầng 8, Tòa nhà CornerStone, 16 Phan Chu Trinh, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: 024. 3831 5100 Fax: 024. 3831 5090

*[Phần cuối của trang này được cố tình bỏ trống để chuyển tiếp sang nội dung trang tiếp theo của
Bản Cáo Bạch]*

VII. PHỤ LỤC

- Phụ lục I** : Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
- Phụ lục II** : Điều lệ VietinBank
- Phụ lục III** : Giới thiệu những văn bản pháp luật liên quan đến tổ chức niêm yết
- Phụ lục IV** : Báo cáo tài chính của Tổ chức Đăng ký Niêm yết (VietinBank):
- Báo cáo tài chính năm 2019 và 2020 riêng lẻ và hợp nhất đã kiểm toán.
- Báo cáo tài chính Quý III năm 2021 riêng lẻ và hợp nhất do VietinBank tự lập
- Phụ lục V** : Báo cáo về những tranh chấp pháp luật.

[Phần cuối của trang này được cố tình bỏ trống để chuyển tiếp sang nội dung trang tiếp theo của Bản Cáo Bạch]

VIII. TẤT CẢ CHỮ KÝ CỦA NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

Bản Cáo Bạch này được ban hành ngày 08 tháng 12 năm 2021

**Đại diện Tổ chức đăng ký niêm yết
NGÂN HÀNG TMCP CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM**



TRẦN MINH BÌNH
Chủ tịch Hội đồng quản trị

A blue handwritten signature of Lê Anh Hà.

LÊ ANH HÀ
Trưởng Ban Kiểm soát

A blue handwritten signature of Nguyễn Hoàng Dũng.

NGUYỄN HOÀNG DŨNG
Phó Tổng Giám đốc
phụ trách Ban Điều Hành

A blue handwritten signature of Nguyễn Hải Hưng.

NGUYỄN HẢI HƯNG
Kế toán trưởng

A blue handwritten signature of Nguyễn Đức Thành.

NGUYỄN ĐỨC THÀNH
Phó Tổng Giám đốc

A blue handwritten signature at the bottom left of the page.

A blue handwritten signature at the bottom right of the page.

Đại diện Tổ Chức Tư Vấn Niêm Yết
CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN VNDIRECT



PHẠM MINH HƯƠNG
Chủ tịch Hội đồng quản trị